

## PHẬT TỔ LỊCH ĐẠI THÔNG TÀI

### QUYỂN 22

#### 1. BIỆN NGUY LỤC: (9 → 14)

##### *Ngụy thứ chín: Làm Trụ Hạ Sử dưới thời Chu Văn Vương.*

Hóa mười chín này ghi: Thời Chu Văn Vương, Lão Quân là Tiếp Ấp Tử. Lúc này vua Trụ hoang dâm, thiên hạ lâm than, ông bèn cỡi xe Phi Tiêu, Phong Bá đi trước, Bành Tổ theo sau, ngự xuống phía Bắc Pha sơn, Tây Bá đón ông rồi phong làm Thủ Tàng Lại. Võ Vương diệt nhà Thương, đổi ông giữ chức Trụ Hạ Sử (Ngự Sử), ông soạn Xích Tinh Kinh, dạy Văn Vương đạo nhân nghĩa. Ông soạn Tuyền Ki Kinh, trao cho Chu Công. Thời Thành Vương, Khương Vương ông đều làm Trụ Hạ Sử. Thời Chiêu Vương, có điềm khí đen, Lão Quân đem Bát Thiên Ấn Văn trao cho Chiêu Vương, vương không dùng nên sau gặp nạn chết chìm.

*Biện rằng:* Từng nghe, Kỷ của Ngũ Đầu Ngũ Long; Thư của Trùng Đồng, Tứ Nhũ; Văn của Kim Tần, Hỏa Hán; Điển của Hoàng Ngụy, Bách Tấn, chứ không nghe Văn Vương thờ Lão Tử làm thầy, đem Tuyền Ki dạy cho Chu Công, mà chỉ nghe nói Văn Vương tôn Thái Công làm thầy, Vũ Vương thờ Cơ Đán làm thầy, muôn sách đều ghi đủ, các tiên Nho đều nói, tại sao làm trái với Bách Gia, chỉ khoa trương con mắt của mình, loạn tâm cuồng xưng làm hoa mắt sinh linh? Phàm muốn làm Thánh nhân, cốt phải chân thật, chớ có lộng ngôn khiến người đời cười chê. Xét trong Sử ký, Biệt truyện thì Lão Tử sinh trong thời Định Vương, tiếp theo Khổng Tử, sao lại vọng cho là sinh trong thời Tây Bá? Đã là Thánh nhân, thấy Trụ hoang dâm phải cố sức khuyên can, sửa lỗi cho vua, đặng này cỡi xe nường gió cao chạy xa bay. Làm bề tôi trung mà như vậy chẳng! Ngày xưa qua ải dẫn theo Từ Giáp, ngồi xe chở lương, ngày nay thì ngồi xe Phi Tiêu, Phong Bá đi trước, Bành Tổ theo sau, sao lại tự cao quá đổi đến thế! Huống gì lúc đó Bành Tổ đã chết, Phong Bá chẳng chịu đi trước! Văn Vương từ Lưu Công đến nay, đời đời tích chứa nhân nghĩa, lấy cái đẹp hoàng hóa khắp Giang Hán,

nhân từ bủa khắp núi sông, nào có đợi Xích Tinh ấy chỉ dạy! Chu Công chế Lễ làm nhạc, thống trị thiên hạ, lập Kim Đẳng để tỏ rõ lời thề, chế Chu Lễ để lưu truyền phép tắc, lẽ nào đợi đến lời dạy trong Tuyền Ki chẳng? Chiêu Vương được tôn xưng là minh quân, sử sách không nói đến chuyện khí đen, sửa bậy điếm lành cầu vòng trắng rồi cho là luồng khí đen, trao cho Ân Văn, lại dựng lên thuyết của Mạnh Lãng.

Đoạn trước nói: “Lão Quân làm Cửu Thiên Giáo Chủ Kim Khuyết Đế Quân, đội mào thất diệu, mặc áo cửu sắc, đi ngọc xa bát cảnh, cỡi thần long ngũ sắc, ở trong Kim khuyết ngồi dưới trướng ngọc, Tiên đồng hầu bên trái, Ngọc nữ hầu bên phải, muôn thánh tùy tùng, Thiên linh nối gót.” Lão Tử có địa vị cao sang như vậy, sao không chịu ở, lại đi làm chức Thủ Tàng, uốn mình làm bề tôi, hầu hạ bên vua, đứng ở thêm điện, sớm chào tối viếng, cầm hốt làm quan, bỏ nơi cao sang, tìm chốn hẻo lánh, trên trái dưới nghịch, thật quá nực cười! Còn cái tên Tiếp Ấp, sách nhà Chu không thấy ghi, Kim Khuyết Đế Quân cũng do bọn Đạo sĩ bịa đặt, hữu danh vô thực, ai dám tin theo! Bắt gió tìm bóng, theo chớp tìm cội là muốn chỉ đây chẳng? Lại còn nói do Chiêu Vương không tin nên bị nạn thường luồng lật thuyền.

Tâu xin Vua đích thân ra biển cầu tiên vượt qua sóng hiểm mong gặp thần tiên, chỉ dạy theo cái danh hoang tưởng mà không nhìn lại lòng ham muốn của mình, bỏ thân nơi sa mạc, vùi thân trong bụng cá kình. Hán Vũ thích tiên, nên thân mặc áo của Đạo sĩ, miệng uống sương móc trời sa, phóng túng quỷ thuyết của Loan Đại, tin theo tà thuật của Thiệu Quân, rồi đi vào Mậu Lãng rốt cùng chẳng chút lợi lạc. Ngụy Thái Võ tin thuyết của Khấu Khiêm Chi, dựng Tĩnh Luân Thiên Cung, vất cạn sức người, sau bị báo ứng mà chết. Chu Vũ Đế, miệng uống đan dược, mình mặc áo vàng, phát bệnh ở Tấn Dương, cấm khẩu rồi chết. Đường Vũ Tông thờ Triệu Quy Chân làm thầy, uống thuốc Kim đan, chưa hết năm Hội Xương bị bệnh mà chết. Gần đây, Tống Thượng Hoàng tin Lâm Linh Tố vân du ở cung trăng, tụng kinh Thái Cực, đeo kiếm trừ tà, rồi tan nhà mất nước, bỏ mạng ở Đông hàn. Những vị vua đó đều thành tâm một tí mong sống ngàn năm, nhưng càng chuốc thêm họa, không may công hiệu. Chê cười nạn thường luồng lật thuyền, chẳng phải cũng là tìm tội người khác đó chẳng? Làm cho người may gặp nạn, thì người quân tử không làm.

***Ngụy thứ 10: Lão Tử giáng sinh, trước sau bất nhất.***

Trong Hóa thứ nhất ghi: Lão Tử sinh trước Ngũ Vận. Hóa thứ hai ghi: Lão Tử sinh trong Tam Khí. Hóa thứ sáu ghi: Lão Quân họ Lý, húy

Hoàng Nguyên Diệu Linh, tự Quang Minh, sinh giờ Mão ngày ba tháng chín năm Canh Thìn niên hiệu Thượng Hòa thứ bảy. Lúc đầu được nuôi ở Lý Cốc, núi Thiên Cương, Linh Kính ở nước Ngọc Huyền, phương Bắc. Đêm mà Huyền Linh Thánh Mẫu sinh ra ông, có ba mặt trời xuất hiện ở hướng Đông, có chín con rồng phun nước, có Nguyệt phi tung hoa, có Nhật đồng tung lụa. Năm năm tuổi ông đã thể nhập đạo ngưng chân, năm hai mươi tuổi có dung mạo tuấn tú, bỏ nhà bỏ cha mẹ cất bước phong trần. Sau cảm được Nguyên Thủy xuống chỉ dạy, trao cho Uất Nghi Thái Chương Thái Đổng Chân Kinh, Tử Vi Thiên đế Ngọc Thanh Quân đem Quỳnh dư (xe báu) xuống đón ông, tặng Đan Tử Phù Thư làm Thượng Thanh Kim Khuyết, sau làm Thánh Đế Quân, nắm giữ mười trời cùng thần tiên trong sông biển. Hóa thứ mười một ghi: Ngày một tháng bảy năm Thanh Trục nguyên niên, Lão Quân thác thai trong Huyền Thân Ngọc Tinh, hạ phàm làm Thái Nguyên ngọc nữ đến một ngàn ba trăm năm, hiệu là Vô Thượng Lão Tử, còn gọi là Đại Thiên Pháp Vương. Hóa thứ mười hai ghi: Năm Thanh Hán nguyên niên Lão Quân gửi thân trong Thiên Phi Huyền ngọc nữ tám mươi một năm, hiệu là Cao Thượng Lão Tử. Hóa thứ mười ba ghi: Ngày chín tháng chín, Giáp Ngọ năm Thanh Hán nguyên niên, Lão Quân giáng làm Nguyên Tố Ngọc nữ bảy mươi ba năm, hiệu là Cửu Linh Lão Tử. Hóa thứ mười ghi: Tháng Canh Ngọ, năm Canh Dần đời Ân thứ mười tám, vua Vương Dương Giáp, Lão Tử vào miệng của Huyền Diệu Ngọc nữ tám mươi một năm, đến ngày mười lăm tháng Giêng năm Canh Dần Vũ Đinh thứ chín, Thánh Mẫu mở nách bên trái đưa tay vịn cây lý, thì ông chào đời. Vừa sinh xong ông liền đi chín bước, mỗi bước sinh hoa sen, có chín con rồng phun nước. Ông có đủ bảy mươi hai tướng, tám mươi một vẻ đẹp, tay trái chỉ lên trời, tay phải chỉ xuống đất nói: “Thiên thượng thiên hạ duy ngã độc tôn, ta sẽ xiển dương đạo pháp vô thượng, phổ độ tất cả”. Lại còn nói: Lý Long Phi nhờ tu mà sinh được Đạo Chân, vợ ông là Thiên Thủy Doãn Thị, ở tại làng Lại, ngủ ngày mộng thấy Thái Thượng từ trên trời đi xuống hóa thành trái huyền châu, bà nuốt vào và có mang, tám mươi một năm sinh một người đầu bạc đặt tên là Lão Tử, sinh dưới cây Lý, lấy họ là Lý.

**Biện rằng:** Phàm sao chạy thẳng Sao Mão là điềm lành của Văn Mạng, ánh chớp vây lấy sao là điềm lành của Hiên Hoàng, cầu vồng đâm thẳng xuống Hoa Chữ là lúc Thiếu Hạo Ứng kỳ, sao vây mặt trăng là điềm lành ứng hiện của Chuyên Húc, Rồng đen ảm đạm là điềm của Đế Nghiêu, Mây dờn u ám là điềm của Hán Tổ, như vậy những điềm

thần dị của Thánh nhân, sử sách đều ghi rõ, chứ chưa nghe Lão Tử lúc sinh ra có ba mặt trời cùng xuất hiện, đi vòng chín bước, có Nguyệt phi tung hoa, Nhật đồng tung lụa, lại còn sao rơi như mưa, lại có nhật thực. Xuân thu ghi việc này cho là việc lạ. Nếu Lý Nhĩ có những điềm lành như vậy tại sao Khổng Tử không ghi? Những việc như Lỗ Dương vung kính đẩy lui mặt trời, Hoài Nam Tử cũng có ghi việc này. Cảnh Công khéo nói mà đẩy lui Sao Huỳnh, Nhị Sư vung kiếm thì nước suối tuôn ra, Đam Cung lạy giếng thì nước phun lên, nếu có điềm lạ thì sử sách đều khen hay, việc của Lão Tử không thấy ghi, rõ ràng là việc không thật. Dựa vào đức lớn người khác để làm cái thần kỳ của mình. Thánh nhân hiện tướng dù có nhiều cách, nhưng thác hóa đản sinh không có hai lần. Trăm ức hóa thân của Thế Tôn chỉ trong tức thời liền có khắp đại thiên thế giới, hóa duyên xong rồi liền nhập Niết-bàn. Lão Tử đời nào cũng giáng sinh, thật là dối lừa quá mức! Vốn là Lý Nhĩ, sửa lại tên húy là Lý Bá Dương rồi gọi là Quang Minh, giấu đi tên thật thêm vào hiệu đẹp. Sử ký, Chân văn, chẳng thấy ghi chữ nào, Đạo thư ngụ thuyết bịa đặt trăm loại. Hai Hóa trước nói: Sinh trước Thái Dịch. Mười Hóa sau thì nói sinh sau Phục Hy, trên cái giả dựng cái ngụ, mê hoặc người sau. Đoạn trước nói: Lão Tử năm tuổi đã thú hưởng, hai mươi thì nhập đạo. Đoạn sau nói: Tám mươi một tuổi mới sinh, đầu đã bạc trắng. Vốn tự mâu thuẫn đâu cần đợi ai công kích. Làng Lại ở Hào Châu quả không dám nhận, nước Ngọc Huyền phía Bắc cũng bịa đặt luôn. Đam Nhĩ bạc đầu mà dám nói có bảy mươi hai tướng tốt. Tư thông rồi mang thai mà dối rằng đi vòng chín bước, lấy điềm lành của họ Thích cho là điều lạ của họ Lão, đem mùi hôi của cổ huân cổ Du làm loạn hương lan hương chỉ. Bắc Huyền Ngọc Quốc núi sông không thấy ghi, Thiên Cương Lý Cốc, làng xóm chẳng ai hay. Vương Kiệt Bách Gia (Thái Úy Vương Kiệt có gia phả Bách Gia) không nghe đến tên Ngọc nữ vốn lạ họ gì, chắc là tộc họ huyền diệu nên ít nghe nhắc tới! Tìm trong bài tựa bộ Đạo Sĩ Giả Thiện Tướng Cao Đạo Truyện thấy có ghi: “Bá Dương xuất thân từ họ Cơ nhà Chu”. Đã nói xuất thân từ họ Cơ nhà Chu thì Lão Tử không có mặt trong nhà Thương, đủ biết thời Dương Giáp không có Lý Nhĩ, đến thời Suy Chu mới thấy có Lão Đam. Hồ Tăng có bài thơ:

*Bảy nước đánh nhau loạn không tha  
Bốn biển không ai được ở nhà  
Lão thị muốn đi sang Thiên Trúc  
Liên dân Từ Giáp vượt Lưu sa.*

Rõ ràng ông ấy ở vào cuối đời Chu. Ông ấy chạy loạn đến đất

Tần, mất và được chôn ở Hòe Lý, Tần Dật đến viếng khóc ba tiếng rồi đi. Đó là bằng chứng đích xác, không còn nghi ngờ gì nữa. Sử Ký Bản Truyện không ghi việc ông mất. Trong Hóa Hồ Lãng ghi: “Qua Lưu Sa”. Thế mà lại đem điềm lành của Phật đản sinh trà trộn chung với chuyện Lão Tử qua ải. Dù khéo trộn giỏi biện nhưng ai tin? Trong Đôn Hoàng Thực Lục ghi: Chu Hoàn Vương năm thứ hai mươi chín, vua đạo ở sân đình cùng quần thần đối luận cổ kim. Vua hỏi:

- Cha của Lão Đam là người thế nào?

Thiên Thủy Thái Thú Sách Tuy đáp: xông hàng Cha Lão Đam họ Hàn, tên Kiên, tự Nguyên Ty, dân nghèo gù lưng, lúc còn trong bụng mẹ đã không có tai, mù một mắt, cô độc đi xin ăn. Năm sáu mươi hai tuổi ông ta vẫn chưa có vợ. Ông ta tư thông với người con gái họ Ích Thọ tên là Tinh Phu vốn con bà già nuôi heo ở làng trên và Tinh Phu mang thai. Năm ông tám mươi một tuổi mới sinh Lão Tử. Sinh ra đầu Lão Tử đã bạc trắng, nên đặt tên là Lão Quân. Đây là việc có thật, nhưng không mấy nhả nhận nên không lưu truyền. Trộm tài năng người khác muốn khoa trương họ Lão là Thánh, chẳng khác nhà có cây chổi cùn đáng giá ngàn vàng, việc này có ai tin không!

**Ngụy thứ mười một: Ba lần làm Phật.**

Hóa thứ ba mươi bốn ghi: Lão Quân bảo Hồ Vương: Ta sai đệ tử ta làm Phật, người phải thờ nó làm thầy. Nói xong, ông sai Doãn Hỷ biến thân làm Phật, làm thầy người Hồ. Lại sai chế ra Tang Môn, trao cho pháp Phù Đồ, nói Kinh Tứ Thập Nhị Chương. Trong ấy lại nói: Lão Quân đến thành Xá-vệ tự hóa thành Phật ngồi trên tòa bảy báu, thân cao trăm ngàn vạn trượng, đầy cả hư không. Lại nói: Lão Quân muốn chính đốn lại Phật giáo, nên vào năm Chu Trang Vương thứ chín, từ trên Phạm thiên ông sai Phiền Đà Vương vốn là đệ tử của Lão Quân thừa ánh sáng mặt trăng xuống thác sinh trong thai của Ma-gia phu nhân ở Thiên Trúc. Đến mồng tám tháng tư năm thứ mười, giáng sinh từ hông bên phải của phu nhân, sau vào Tuyết sơn tu hành sáu năm, đạo thành bằng Phật-đà, lấy hiệu là Mạt Mâu-ni. Đến Khuông Vương năm thứ tư hết hoàng hóa, Thái Thượng triệu về bảo Dịch Thiên làm Thiện Tuệ Tiên Nhân.

**Biện rằng:** Phàm gốc sâu thì quả tốt, nguồn xa thì dòng dài, hổ gầm thì gió nổi, rồng hú thì mây sinh. Lợi ích của Thánh nhân đều có nguồn sâu. Xưa trông nhân lành thì nay hưởng quả tốt. Phật Thế Tôn ta trong ba vô số kiếp tích góp công hạnh, không bỏ Lục độ mà cầu Bồ-đề, bỏ thân mạng như cát sông Hằng, bỏ quốc thành bằng vô số vi trần,

trang nghiêm thế giới, độ thoát chúng sinh, sau được Nhiên Đăng thọ ký, bỏ vào ngôi Ca-diếp, hạ sinh xuống Trung Ấn, thác sinh vào vương cung, đi vòng bảy bước, chỉ trời đất mà lập ngôn, ba mươi hai tướng lấp cả trời trắng sáng rõ, bốn vua nâng gót ra khỏi phạm trần, sáu năm tu hành viên thành Chánh Giác, hiện thân trong trăm ức cõi nước, thuyết pháp suốt bốn mươi chín năm, truyền diệu pháp cho trời người, hàng ngoại Đạo ở Song Thọ, hóa duyên hoàn tất về lại vô vi, ứng vật hợp thời thị hiện như vậy, đâu đợi Lão Tử bảo Doãn Hỷ hóa thân? Đạp công lớn người khác khoe là mình vượt trội? Phật sinh trong thời Chu Chiêu Vương, Lão Tử sinh trong thời Định Vương, cách nhau đến mười bảy đời vua, xa hơn ba trăm năm, hoằng hóa đã khắp cùng thiên hạ, giáo pháp đã xuống tận Long cung, nhà nhà kính ngưỡng cái phong cách nhân từ, khắp nước đều tuân theo phép tắc họ Thích, lẽ nào phải nhờ Lý Nhĩ chỉnh lại, Phiền Đà tái sinh chẳng? Chấp đầu vá đuôi lừa gạt kẻ ngu, ngày xưa qua ải, dẫn theo Từ Giáp cùng đi chứ làm gì có trời người hộ vệ! Cỡi xe vận lương chứ làm gì có tòa bảy báu! Trán rộng tai dài chớ nào có thân cao muôn trượng! Quỷ quyết khôn lường khinh Hiền đối Thánh. Cá Côn hóa thành chim Bằng, là lẽ tự nhiên; rắn thoát xác thành Trĩ, chẳng đợi công ai, đó là lý tự nhiên của vạn vật. Âm dương chiêu cảm, đúng lúc thì phát, chẳng do ai khiến mới được như vậy.

Lão Tử vốn là người phạm, thân làm bề tôi, đâu thể sinh khác thân thánh, lại sai Doãn Hỷ làm Phật! Mê muội tâm linh, mờ mắt người khác, trái lẽ khinh Thánh, chuốc họa cày lưỡi. Thiện Tuệ Tiên nhân, sắp lên Bát địa gặp Phật Nhiên Đăng thọ ký vô sinh, đó là hiệu xưa của Thế Tôn ta. Sau khi thành Phật, công thành quả mãn, hóa duyên đã xong liền nhập Niết-bàn, chuyển thân qua cảnh thường lạc mãi trong cảnh giới vô vi, đâu thể làm Phật xong rồi lại làm Thiện Tuệ Tiên Nhân? Lấy sau đắp trước nhầm lẫn hoàn toàn, lấy cấp không đúng, phá tai mất người. Trên trời tuy vui nhưng rối cuộc vẫn luân hồi, không trách khỏi họa hoạn tam tai, khó ra khỏi cái khổ Ngũ suy. Thánh nhân vượt khỏi sinh tử, khổ vui không còn, siêu việt Tam giới, độc hành trong Lục trần, chứ làm sao về lại cõi trời, vào lại trần lao! Làm ô tạp Thánh nhân ta, khinh mạn Đại giác ta, người này chẳng khác những kẻ bỏ cả nhà cao cửa rộng, nhận lấy nhà tranh rách nát, bỏ cái tôn nghiêm của Thiên tử, nhận lấy cái thấp hèn của nô bộc, người vui sướng với cái vinh cao sang, ta hổ thẹn với cái nhục phần đất. Đại thần nhà Tùy là Sở Quốc Công Dương Tố có lần đi ngang qua Lôu Quán, thấy trên tường có vẽ bức họa, ông hỏi Đạo sĩ:

- Đây là bức họa gì?

Đạo sĩ đáp:

- Bức họa Lão Tử hóa Hồ thành Phật.

Dương Tố nói:

Tôi nghe nói: Lão Tử giáo hóa người Hồ, người Hồ không nghe theo, Lão Tử biến mình làm Phật, người Hồ mới chịu nghe. Vậy thì Phật hay giáo hóa người Hồ chứ Đạo đâu giáo hóa được! Sao lại bảo Lão Tử Hóa Hồ!

Đạo sĩ không đáp được. Hay thay lời của Dương Tố! Bởi vậy người ta thường nói với nhau. Nếu người Hồ không biết có Phật trước thì lẽ nào chịu để Phật giáo hóa! Từ đó mà xét thì Ấn Độ đã có Phật trước rồi, nhưng nay lại nói: Doãn Hỷ làm Phật, Lão Tử giáo hóa, đó là khinh chúng ta quá mức!

**Ngụy thứ 12: Mạo danh, giả Thánh.**

Hóa thứ bốn mươi tám ghi: Thương Thái Tể hỏi Phu Tử:

- Phu Tử là Thánh nhân chăng?

Khổng Tử đáp:

- Thánh thì Khâu này không dám, Khâu này chỉ là người học rộng biết nhiều thôi.

- Tam Vương là Thánh nhân chăng?

- Tam Vương là người khéo tìn nhiệm kẻ trí dũng, còn Thánh hay không, Khâu này không biết.

- Ngũ Đế là Thánh nhân chăng?

- Ngũ Đế là người khéo tìn nhiệm kẻ nhân nghĩa, còn Thánh hay không, Khâu này không biết.

- Tam Hoàng là Thánh nhân chăng?

- Tam Hoàng là người khéo nắm nhân thời, còn Thánh hay không, Khâu này không biết.

Thái Tể thất kinh hỏi: Vậy ai là Thánh?

Khổng Tử đổi sắc diện đáp: Khâu tôi nghe Tây phương có Thánh nhân, không trị mà thiên hạ không loạn, không nói nhưng ai nấy đều tìn, không giáo hóa nhưng ai nấy tự làm. Mênh mang thay! Dân không ai được vậy. Khâu tôi nghi ông ta là Thánh nhân.

Sử ký kinh ghi: Khổng Tử ở tại đất Lỗ, Lão thị ở trong triều Chu, từ Lỗ nhìn qua Lạc Dương của nhà Chu, thì Chu ở hướng Tây. Bởi vậy muốn chỉ Lão Tử là Thánh nhân Tây phương. Lúc Khổng Tử đi vấn lễ, đã có Do Long từng ca ngợi rồi, do đó Thánh nhân ở đây là chỉ cho Lão Tử.

**Biện rằng:** Phàm tự khoe khoang tự tăng bốc là hạnh xấu của đàn bà, chẳng kiêu căng chẳng trách phạt là nét đẹp của Thánh nhân. Bởi vậy, vua Thuấn đề cao công của vua Vũ lại ân thưởng cho ông ấy mà không tranh công, Khổng Tử khen Mạnh Chi Phẫn nhưng Phẫn nhường vinh hoa sống đời đạm bạc, việc đó ghi đủ trong Trọng Ni Thiên của Liệt Tử. Xưa nay đều nói, đó là Phu Tử suy tôn Phật là Thánh nhân Tây phương, (Đường Lâm Pháp sư dâng biểu cho Thái Tông, Trương Thừa Tướng soạn Hộ Pháp Luận đều trích dẫn đoạn văn “Phật là Thánh nhân Tây Phương” này), chứ chưa nghe Lão Tử ở Chu, Khổng Tử ở Lỗ, nên chỉ Lão Tử là Thánh nhân Tây phương. Ăn cắp tên giả mạo Thánh là khinh ta quá đỗi! Kẻ mạo nhận Thánh nhân là bất nhân, người nói trái đạo lý là vô trí. Hơn nữa Tổ của Đạo giáo phát xuất từ Hoàng đế, đâu liên can đến Lão Tử. Lão Tử làm thầy Dung Thành Tử diễn nói năm ngàn lời, giả sử nói là Thánh đi nữa cũng đâu thể hơn Hiên Viên. Đến như Tam Hoàng, Ngũ Đế, Khổng Tử còn không suy tôn là Thánh mà trái lại chỉ Lão Tử là Thánh nhân. Không phải quá sai lầm ư! Đức Thế Tôn ta công tròn vạn hạnh, quả chứng thập thân, phóng quang đến khắp sát trần, phân thân cùng khắp sa giới, không thể đem việc người mà lường được, không thể dựa vào xứ sở mà tìm cầu, thật là bậc đại sư của ba cõi, là cha lành của bốn loài, độc tôn ở cõi trần là pháp vương trong muôn vương, là bậc độc tôn xuất thế, là đại thánh trong ngàn thánh. Bởi vậy, nên hay nâng cao nguồn giác, lưu bố đến vạn bang. Còn như Chu Công chế Lễ làm Nhạc, Khổng Tử thuật Dịch định Thi, văn chương như Bốc Yển, ngôn ngữ tựa Đoan Mộc, biện bác như Mã Thiên, thông thái như Cát Hồng, luận huyền như Phụ Tự, thần hóa cỡ Tả Từ cũng chỉ tới lui trong đất nước, nói năng chưa vượt phương xa, chỉ có thể làm người cao minh trong đời lành, chứ khó làm nên bậc Thánh xuất thế. Đất Thánh của Thiên Trúc là nơi ngàn Hiền quy tụ, chư Phật quá khứ đều sinh ở đây. Hán thư của Phạm Hoa có chép: “Đất ấy rộng bằng Trung Thổ, đèn ngọc sáng soi, là nơi Linh Thánh xuống tụ tập, Hiền tài xuống dẫn sinh. Bởi vậy đất này từ xưa, bậc Hiền tài lúc nào cũng có”. Trong Lão Tử Tây Thăng kinh chép: “Văn Đạo Trúc Càn (nay đổi là Khai Đạo Trúc Càn) có Cổ Hoàng Tiên Sinh, giỏi nhập vô vi, chẳng đầu chẳng cuối, vĩnh tồn mãi mãi, bởi vậy nên đi về Tây”.

Trong Cổ Bản Hóa Hồ Kinh ghi: “Ta sinh sao muộn thế, Niết-bàn sao sớm vậy, không gặp Thích-ca Văn, trong lòng ưu tư mãi”. Đó là Lão Tử muốn chỉ đến Đức Phật là Thánh nhân Tây Phương.

“Lại nữa, Hoàng đế nằm mộng thấy mình đến nước Hoa Tư, nước



này ở phía Tây Cam Châu”. Vương Thiệu chú thích: Đây chỉ cho Thiên Trúc ở phía Tây. Thời Chu Mạc Vương, nghe Phương Tây có Thánh nhân ra đời, vua rất lo sợ liền sai Tháo Phụ đi xe tám tuần mã Hoa Lưu lên thẳng Côn Lôn ở hướng Tây, thấy mặt trời lặn thì yểm khí tượng ấy. Sau đó có Hóa nhân từ hướng Tây sang, người này có thể úp trời lật đất, sức thần khôn lường, thiên biến vạn hóa, không thể cùng tận, Mục Vương tôn kính ông ấy như Thần, dựng Trung Thiên Đài cho ông ấy ở. Hóa nhân dẫn Mục Vương đi thần du, chỉ trong chốc lát, tưởng đã mấy năm.

Lại nữa, Mục Vương năm thứ năm mươi hai, Như Lai diệt độ, hướng Tây xuất hiện một cầu vồng trắng mười hai đường, xuyên suốt từ Nam sang Bắc, mấy đêm không tan. Vương hỏi Thái Sử Hồ Đa:

- Đó là điềm gì?

Hồ Đa đáp:

- Tây Phương có Đại Thánh nhân xuất hiện tướng suy rồi!

Mục Vương vui mừng nói:

- Trẫm thường lo sợ ông ta, nay thì hết lo rồi.

Đó đủ thấy Thánh Địa Trúc Càn là nơi Thánh nhân ở, bởi vậy được Hiền vương về Tây cầu tìm, Hóa nhân từ Đông sang.

Lại nữa, Trương Khiêm phụng sứ đi Tây, đến xứ Đại Hạ, nghe phía Nam Tuyết sơn có nước Thân Độc, dân ở đây thờ Phù Đồ, không sát phạt, cỡi voi ra trận. Thân Độc tức Ấn Độ bây giờ. Đủ thấy phong tục nhân từ được ghi rõ trong sách sử nhà Hán. Những điều vừa trích dẫn đều chỉ Ấn Độ là Tây Phương. Phật sinh ở đó, cho nên muốn chỉ Phật là Thánh nhân Tây Phương, lẽ đâu lại nói Lạc Dương là Tây Phương? Lão Tử là Thánh nhân ư?

Lại nói: “Trước Khổng Tử từng có Do Long ngợi khen, nên Thánh đức ở đây chỉ cho Lão Tử”. Ý đoạn này muốn đem việc Khổng Tử có lần đến hỏi Lễ, rồi cho Khổng Tử là đệ tử của Lão Tử. Khổng Tử nói: Ta không có ông thầy cố định, người chuộng cái thiện là thầy ta. Ba người cùng đi ắt có người là thầy ta. Bởi vậy, Khổng Tử học đàn ở Sư Tương, hỏi nhạc ở Trách Hoàng, hỏi Quan ở Đàm Tử, vào Thái miếu mỗi mỗi việc đều hỏi để biết. Có người hỏi về trồng lúa, ông đáp ta không bằng nhà nông chuyên nghiệp. Có người hỏi về trồng rau, ông đáp: Ta không bằng người trồng rau lâu năm. Đủ thấy Khổng Tử thật lòng tiếp nhận cái tốt, canh cánh với đạo, lẽ đâu chỉ dạy một việc liền cho mình là thầy người ta? Bởi vì lúc đó Lão Tử làm chức Thủ Tàng, nắm lễ điển của nhà Chu nên Khổng Tử mới hỏi ông ấy. Nếu cho rằng

hỏi Lễ thì liền làm thầy Khổng Tử, thì nhà nông và người trồng rau kia cũng là thầy của Khổng Tử sao? Đương nhiên là không phải! Mua danh đổi đời, cầu làm thầy người khác, người quân tử không bao giờ làm!

**Ngụy thứ 13: Hợp khí làm đạo.**

Hóa thứ mười ba ghi: Ngày mười hai tháng bảy năm Chu Chiêu Vương thứ hai mươi ba, Lão Tử đến Hàm Quan. Doãn Hỷ gặp xong liền mời ông ta về nhà mình. Ông ta nói Đạo Đức Kinh hai thiên hơn năm trăm lời. Doãn Hỷ khấu đầu xin nhận pháp yếu. Lão Tử nói: Hay lắm! Thế rồi Lão Tử giảng giải yếu chỉ trong Đạo Đức Kinh rằng: Đạo nghĩa là Niết-bàn. Niết-bàn là Thiên đức. Lý ở trong đầu người, khí tía đi dần xuống cho đến đan điền, đó gọi là Đổ, nghĩa là Tỳ. Tỳ là Trung Hoàng Thái Nhất khí vàng quanh co trong vòng của Lý. Mẹ của vạn vật là Đan điền. Đan điền là Huyền tẩn, ở dưới Nguyên Trung. Trong một đêm, một hơi đi xuống rồi đi lên ba vòng, cùng phát sinh nhưng tên gọi khác nhau, chỉ cho tinh một là tinh, hai là mô hôi, ba là máu, bốn là chất nhờn, bởi vậy nên nói “khác tên” là thế. Huyền rồi lại huyền là mô hôi bên trái bên phải. Cửa ngõ muôn diệu, đạo khả đạo tức là sáng ăn đồ ngon. Phi thường đạo tức chiều thành phân. Đó là dựa theo Trương Đạo Lăng mà giải nghĩa, Đạo Lăng cũng nói như vậy. Có, không cùng sinh là miệng và bụng; khó, dễ cùng thành là tinh và khí. Đó là pháp yếu mà Lão Tử truyền cho Doãn Hỷ. Ông ấy còn trao cho Doãn Hỷ bộ Thần Đan Kinh, Kim Dịch Kinh và khẩu quyết của Bát Luyện Cửu Hoàn Đan Phục Hỏa. Phương pháp ấy là:

*Kim Dịch, Hoàn Đan Tiên Hoa truyền  
Bay cao tận mây lên thấu trời  
Khí đỏ khí vàng thành giây lát  
Sẽ có thư hùng chia hạt châu  
Có thể biến ngay đến Hàng Trù  
Linh đồng Ngọc nữ là chồng ta  
Ra vào không ngại cùng trời hợp  
Chân tính ngưng tụ khéo nổi chìm  
Ông nên trân kính ắt đến chơi.*

Lão Tử lại trao tên của Cửu Đan và bài ca:

*Tròn mười lăm tấc một phân  
Miệng ba hai, môi hai tấc  
Dài hai thước, mỏng dày đều  
Bụng ba, ngòi thẳng buồng hơi  
Âm ở trên, dương chạy dưới*

*Đầu đuôi, vẫn ở giữa võ  
Đầu bảy mươi, cuối mười ngày  
Trong hai trăm, khéo quân bình  
Lửa âm trắng vàng sinh chì  
Hai dòng hợp lại giúp người  
Ông ở trong cung an mãi  
Đến đi chẳng ra khỏi cửa.*

**Biện rằng:** Phàm Đạo quý ở chỗ thanh tịnh, đức chuộng cái vô vi, bên trong giữ điềm đạm, bên ngoài tỏ khiêm cung, chẳng dựa đạo này dị lập đa đoan, chỉ lấy điều khí vận công cho là tu dưỡng, đánh mất thuần túy của đạo đức, làm trái cửa mẫu của tự nhiên, đối trá xảo ngôn lại thêm xuyên tạc, giữ đan điền là chí đạo, mím hai môi là trùng huyền, xấu xa thô kệch lừa dối mọi người. Bọn Vương Kiều, Tiệp Môn chẳng ưa cách này, bọn Bạch Thạch Xích Tùng chẳng theo đạo ấy. Đan kinh luyện Quyết nhiều năm chẳng thấy, uống cháo ăn cỏ, chưa từng thấy lâu. Chu Vũ uống linh đan đến nổi cảm ngộ, Đường Võ uống Đan dược mà phải mất sớm, lửa đối không biết bao hiền lương, chẳng vui ở trời được một bữa. Nếu chân quyết của Đạo đức, cực lý nếu chỉ chừng này, thì vẫn còn trong Đạo tạng cũng chẳng đáng quý. Nay Đạo sĩ lại bày ra thuật hèn, hoặc phò chim Loan rồi làm loạn sử sách, lại ham uống đê mê; hoặc đuổi tà giết quỷ lừa người trừ hung; hoặc xây tường vòng mà tự giữ, đó là tọa trì; hoặc tiếc ngôn từ rồi không làm, đó là im ngu; hoặc nói gấu dẫn chim muốn ngang hàng với Bành Tổ; hoặc uống khí dưỡng thần muốn sống lâu như rùa hạc; hoặc vận tinh lên não rồi bảo là quán hà xa; hoặc giữ đan điền để mạnh bên trong rồi cho là bảo dưỡng; hoặc hợp khí làm thành đạo, cha con loạn dâm; hoặc đoạt tinh hút thần, nam nữ hỗn tạp. Nghiến răng bảo là trống trời, nuốt nước bọt bảo là suối ngọt, gọi nam căn là Kim thái, chỉ mong mạnh mẽ; gọi nữ khiếu là ngọc hộ là che giấu tên xấu, gọi đồng nữ là Chân nhân, gọi giao cấu là long hổ, trẻ con bé gái tới lò luyện thủy ngân đan sa; đó gọi là mở mệnh môn, ôm chân nhân; trẻ con về thì long hổ giỡn, ba năm bảy chín thiên la địa võng. Bởi vậy trong Hoàng thư của Trương Đạo Lăng ghi: “Nam nữ có cách hòa hợp, ba năm bảy chín là con đường giao tiếp. Muốn thông chân quyết đều ở đan điền. Đan điền là cửa ngọc, rất ư cấm kỵ không cho bài tiết trong đạo lộ. Đạo lộ là hậu môn.”

Lại nữa, trong Đạo gia Nội Triều Luật ghi: “Dạy nam nữ đến ngày mồng một, ngày rằm, sáng sớm thầy vào phòng riêng, hãy tới thầy mà lập công đức, âm dương đều tiến, ngày đêm sáu thời phải lập công

đức, không được bỏ mất thứ tự hầu hạ, không được ham ngoại đạo bỏ mất cái đạo dưng hiến cho người trong đạo, không được đổi trước xếp sau làm mất thứ tự, cũng không được chê xấu ưa đẹp. Trong ấy còn nói: Ngày mồng một, ngày rằm hầu thầy ở phòng riêng, tình ý thân nhau, nam nữ giao tiếp, khiến bốn mắt hai ta trên dưới ngang bằng, hai miệng hai lưỡi, hai bên đối nhau, âm dương đã tiếp thì tinh khí liền thông. Bởi vậy Lão Tử nói: Thầy ta dạy ta Kim Đan Kinh, khiến ta chuyên tâm dưỡng ngọc hành (dưỡng vật đàn ông), ba năm bảy chín về âm tinh, hô hấp ngọc trì (âm hộ) vào huyền minh, hành đạo bình đẳng lên thái thanh, nghĩa bài ca Quyết đều như vậy”. Cứ thế đủ đờn bảo là chân tu, chẳng nhớ lời dạy về nguồn trình mệnh, chỉ làm thuật tà hợp khí bậy bạ, lấy đó cầu đạo chà đạp nhân luân, lại muốn thăng hoa trọn đời chẳng được, lấy đó diệt tội tội chẳng hề mất, lấy đó trừ họa họa chẳng thoái lui, lấy đó cầu phước phước chẳng thấy có, lấy đó xuất gia gia chưa hề xuất, chẳng khác nào nấu cát mà mong thành cơm, uống phí công lao, tìm hình thật trong gương rớt cuộc chẳng được. Than ôi! Bỏ hạt châu dưới cổ con Ly long mà lượm ngói gạch, ôm cái vạc quý giá mà thềm trấu cám, tự lầm, làm mê lầm người khác, chết chìm trong biển khổ, Thương thay! Thương thay!

***Ngụy thứ 14: Ân cấp thân hóa của Phật.***

Hóa thứ bốn mươi hai ghi: Lão Tử vào nước Ma-kiệt hiện tướng hy hữu để giáo hóa vua nước này. Ông lập ra Phật giáo, ông có tên là Thanh Tịnh Phật, hiệu là Mặt Ma-ni. Ông đến nước Xá-vệ, tự hóa làm Phật, từ trên trời đi xuống, trời người theo hầu, hiện thân cao trăm ngàn vạn trượng. Ông lại đến nước Kế Tân hàng phục Hồ Vương và Vương tử, lửa đốt không cháy, nước nhận không chìm, vạc dầu nung không tan, trăm vạn lính Hồ cầm cung tên kiếm kích, ông đồng loạt xô ngã, xẹt tám đường chớp, tiếng vang như sấm, người ngựa té nhào, lại hóa ra Quách Tiên sinh ẩn đầu trong hư không. Ông lại đến nước Điều Chi, tay nâng núi lớn. Ông đến Câu-tát-la hàng phục chín mươi sáu phái ngoại đạo. Ông đến nước Ca-di-la tay trái cầm mặt trời, tay phải nắm mặt trăng, rồi giấu ở trong đầu, trời đất tối tăm, núi bay đá nát, nước biển chảy ngược, núi sông bay bổng trên không. Ông đến Vu-điền, tại núi Nam cử chỉ dạy Hồ Vương, sai Doãn Hỷ làm người vàng (Phật), thân cao một trượng sáu, cổ đeo hào quang, chân đạp hoa sen, từ hư không bước xuống, bái lạy Lão Quân. Ông bảo Hồ Vương: Người này là đệ tử ta sẽ làm thầy ông. Ông để lại bát thần để hỷ được pháp vị. Ông lại đến thành Tỳ-ma, đất biến màu vàng, ông phóng thần quang chín màu

chiếu khắp trần sa nước, cõi nước liền có Xích Liên Chân Nhân, Trung Hoàng Trưởng Nhân, Thái Nhất Chân Quân, Cửu Cung Lục Đinh, Bát Quái Thần Quân, Thanh Long Bạch Hổ, Ngọc nữ tung hoa, cõi mây đi đến. Lão Quân ngồi tòa bảy báu, đốt trăm thứ hương, tấu đủ nhạc trời, lại có Đế vương Phi hậu của hơn tám mươi nước đều đến nghe pháp. Ông để Doãn Hỷ ở lại làm Phật và để bát ở lại thành Tỳ-ma rồi bay lên trời. Lão Quân còn hàng phục con rồng độc lớn ở Thông Lãnh, đi khắp Thiên Trúc, ở núi Kỳ-xà ngồi dưới gốc cây, hóa ra tòa ngọc nói pháp cho vua nghe, lại độ hai ngàn năm trăm Sa-môn cho thọ giới luật. Trong hóa thứ sáu mươi sáu ghi: Chùa ở thành Tỳ-ma nước Vu-điền là nơi Lão Quân hóa Hồ thành Phật, trong ấy còn trụ đá ghi lại việc này, Thánh nhân Đông Phương là Lão Quân đến giáo hóa nước ta, phía dưới còn ghi cầu học, luận nghị để chứng minh sự tích này.

**Biện rằng:** Xét Hậu Hán Tây Vực Truyện, Tam Quốc Chí, Ngụy Tùy Thư, Tây Vực Chí đều ghi: Tây Thiên Ngũ Ấn có Thánh tích của Phật, dù tràng hay trụ đá đều khắc việc này, chứ không nói đến Lão Quân từng để tên tuổi ở đây. Ban đầu Trương Khiên đi Tây mới truyền danh từ Phù Đồ, mãi đến ngày nay, quốc sử đi lại cả đến trăm người đều không thấy thuyết Lão Quân Tây Hóa. Cổ Cốc Hoàng Đế chinh Tây đến tận biển, nơi mà ông đến chỉ có Tăng Phật. Đi gần đến biển Tây bắc, ông gặp một nước, tháp Phật trong thành dày đặc như rừng, quốc vương nước ấy cũng làm Hòa thượng. Lại nữa, Vương Huyền Sách đời Đường phụng chiếu đi Tây, ông đến nước Ma-kiệt-đà, núi Kỳ-xà-quật và nơi Phật thành đạo, đều thuật lại bài Minh trên bia, tán thán sự giáo hóa nhiệm mầu của Phật, chứ chưa nghe nói có việc của Lão Quân (những bài Minh tán thán đó còn trong Vương Huyền Sách Truyện). Lại nữa, Trạm Nhiên Cư sĩ hộ giá theo Thái Tổ chinh Tây đến Vu-điền và nước Khả-phát-sa, vượt Thiên Sơn, qua Tuyết Lãnh, phong hóa đều ghi rõ nhưng chưa nghe nói có việc của Lão Tử. Đến nay thân đệ của Hu Liệt Đại Vương Hoàng Đế trấn thủ Tây Vực, phía Tây Tuyết Sơn, sứ giả đi về, qua lại không dứt. Ông ấy bỏ công tìm hỏi việc của Lão Quân, nhưng họ đều nói không nghe nói đến. Như vậy, những việc thần dị của Lão Tử chỉ là ngụy tạo trong Đạo thư, đã không phải là chứng tích chung thì có gì đáng tin!

### **3. Vua hạ chiếu cấm những bản kinh trong Đạo tạng:**

Phụng theo Thánh chỉ cấm những bản kinh trong Đạo tạng dưới đây, ai thấy phải thu ngay:

Hóa Hồ Kinh (Vương Phù soạn), Do Long Truyện, Thánh Kỳ Kinh, Tây Thăng Kinh, Xuất Tắc Kinh, Cửu Thiên Kinh, Xích Thư Kinh, Thượng Thanh Kinh, Nam Đẩu Kinh, Ngọc Vĩ Kinh, Kỳ Thắng Phú, Biện Tiên Luận (Lương Quảng soạn), Căn Tà Luận, Tam Pháp Luận (người Tề là Trương Dung đổi họ khác), Minh Chân Biện Ngụy Luận (Ngô Quân soạn), Thái Thượng Thực Lục, Thập Sơn Luận, Thanh Dương Cung Ký, Huyền Cửu Nội Truyện, Đế Vương Sư Lục, Tam Thiên Liệt Ký, Thập Di Cửu Mê Luận (Phó Dịch Lã Huyền Khanh soạn), Lịch Đại Ứng Hiện Đồ, Phật Đạo Tiên Hậu Luận, Khâm Đạo Minh Chứng Luận (Đường Viên Bán Thiên soạn), Phụ Chánh Trừ Tà Luận (Ngô Quân soạn), Tịch Tà Quy Chánh Luận (Đỗ Quang Đình soạn), Thập Nhị Hư Vô Kinh, Tầng Thiên Ấn Nguyệt Kinh, Xích Họa Độ Mạng Kinh, Lâu Quán Tiên Sinh Nội Truyện, Báng Đạo Thích Kinh (Lâm Linh Tố, Đỗ Quang Đình soạn ra để phá Đại Tạng Kinh), Tam Giáo Căn Nguyên Đồ (Kim Thiên Trường Quán Lý Đại Phương Soạn), Lịch Đại Đế Vương Sùng Đạo Ký, Cao Thượng Lão Tử Nội Truyện, Linh Bảo Nhị Thập Tứ Sinh Kinh, Hồn Nguyên Sinh Tam Thanh Kinh, Ngũ Công Vấn Hư Vô Kinh, Hồn Nguyên Hoàng Đế Thực Lục.

#### **4. Đốt tạng kinh của Đạo giáo:**

Vua hạ Thánh chỉ cho chùa Đại Mãn Trung ở Đại Đô phải đốt những bản kinh ngụy tạo trong Đạo tạng. Trừ Đạo Đức Kinh ra còn lại phải đốt hết. Vua lệnh cho Trưởng lão Lâm Tuyên Luân trụ trì Báo Ân Thiên tự ở Đại đô châm lửa. Trưởng lão tạ ân xong niêm hương nguyện:

*Thiên tử nhân từ thương chúng sinh  
Sợ đọa tam đồ hố tà kiến  
Việc này không mảy may thiên lệch  
Cốt muốn thực hư được rõ ràng.*

Bởi vậy đạo Thánh soi vô tư, thiên cơ khó lường, xưa nay nhờ đức, dám chẳng báo ân! Nén hương này xin thành tâm cầu chúc: Thế chủ Đại Nguyên, đương kim Hoàng thượng, Thánh thể vạn tuế, vạn tuế, vạn tuế. Phục nguyện: Kim luân và Pháp luân đồng chuyển, phước vượt ba kỳ; Thuấn nhật và Phật nhật cùng soi, thọ lâu ức kiếp.

Tiếp đó Trưởng Lão châm lửa và đọc tiếp: Nhớ xưa năm này, Hoàng thượng từng nhờ lửa dữ mà biện rõ gian tà, Đại Nguyên Thiên tử tiếp nối triều cương, đỡ chánh xô tà, ai nấy đều biết. Than ôi! Đạo giáo ngầm đục kinh Phật, từ xưa đến nay dối trá đặt điều, ăn cắp văn từ kinh

Phật, cắt xét tên mục huyền văn, phỉ báng Như Lai, chà đạp tiên thánh, ngôn từ xú ố há đáng tin ư? Cuồng ngôn loạn ngữ thật không nói hết! Đầu tiên là Trương Lăng soạn bùa, không tuân lời huyền của Lão thi, dối tạo Tiêu Thư, biên soạn Linh Bảo, nói dối rằng từ hư không rơi xuống, khoác lác rằng do Thái thượng truyền trao. Dùng quỷ phép của Tam Trương để dối gạt người ngu, bày Thần Phù Ngũ Vận để lừa phỉnh đàn bà. Từ đó mà xét, Cát Hiếu Tiên dối nêu yếu diệu, Đào Hồng Cảnh nguy thuật từ chương, Đỗ Quang Đình thật khéo ăn cắp, chẳng khác giặc cướp, Lục Tu Tĩnh ngoài tốt trong hèn giống y thuyết khách. Nếu không phải ăn đắng nuốt cay, lẽ đâu chịu nói dài nói ngắn! Bào Tĩnh bị giết thật đáng, Vương Phù chuốc họa tà trời; Phó Dịch Khương Bân, không khỏi chép càn, Trương Sinh Tiêu Bối đầu đủ bàn luận, Khấu Khiêm Chi miệng lưỡi điêu ngoa, hại người lợi mình; Lâm Linh Tố âm mưu quỷ quyết, nước mất nhà tan. Chê người tài đức ắt chịu nhục một lúc, diệt người hiền lương tất mang họa ba đời. Nhân quả không sai, báo ứng rõ ràng. Than ôi! Thương cho Pháp Lâm chẳng may gặp phải gièm pha, ôi Đạo Thế dù tài sinh cũng khó làm. Khiến cho Thích tử thương tâm. May thay Hoàng Thiên thấy rõ.

Cung duy: Thế chủ Đại Nguyên Thánh Minh Hoàng đế bệ hạ ta, dẫn chính tề tà, bỏ ngục giữ chân, sợ chúng sinh đọa mãi trong bến mê, khiến trăm họ đều lên bờ giác, rửa oan đã xong, cảm tạ Hoàng ân, dù chẻ xương đập tủy cũng khó báo ơn này, nên nay dùng lửa này vẽ một vòng tròn. Chư nhân giả: Như Tam Động Linh Văn kia có thể chứng Hỏa quang Tam-muội này không? Nếu được ngay đây liền được. Nhà có kinh Bắc Đẩu, luống dạy người ta chẳng an, nếu không như vậy, thì từ sau lửa tàn khói bay, cuốn họ đến nơi tìm gặp Thiên Tôn để mau gặp mặt.

Ngày hai mươi tháng mười năm Chí Nguyên mười tám, Trưởng lão Lâm Tuyên trụ trì Báo Ân Thiền tự ở Đại Đô phụng chiếu phóng hỏa.

### **5. Những vị Tăng, Đạo trì luận:**

Những vị Trưởng lão biện luận với bọn Đạo sĩ gồm mười bảy người:

- Yên Kinh có:

Trưởng lão Tùng Siêu chùa Viên Phước.

Trưởng lão Đức Hanh chùa Phụng Phước.

Trưởng lão Tùng Luân viện Dược Sư.

Trưởng lão Viên Dận chùa Pháp bảo.

Tăng Thống Chí Ôn chùa Tư Thánh

Trưởng lão Minh Luật phủ Đại Danh.

- Tô châu gồm:

Trưởng lão Bản Liên núi Cam Tuyền.

Trưởng lão Đạo Vân chùa Thượng Phương.

- Loạn châu có: Trưởng lão Tường Mại chùa Khai Giác.

- Bắc kinh có: Giảng chủ Liễu Tuân chùa Truyền Giáo.

- Đại Danh phủ có: Giảng chủ Khánh Quy chùa Pháp Hoa.

- Long Môn huyện có: Kháng Giảng Chủ Hành Dục.

- Đại Đô có: Giảng chủ Đạo Thọ chùa Diên Thọ, Luật chủ Tương Duệ chùa Ngưỡng Sơn, Giảng chủ Thiện Lãng chùa Tư Phước.

- Giảng châu có: Duy Thức Giảng chủ Tổ Khuê, Giảng chủ Nguyên Nhất ở Thục châu.

Những vị còn lại trong luận này đã nói đến.

Đình Hợi: Tháng hai nhuận, vua hạ chiếu lưu hành Chí Nguyên Sao.

Mậu Tý: Ngày hai mươi mốt tháng giêng đại xá thiên hạ.

### ***6. Giang Nam Thiên Giáo Đăng Đối Lục:***

Ngày mười chín tháng giêng năm Chí Nguyên thứ hai mươi lăm, Giang Hoài Thích Giáo Đô Tổng Thống Dương Liễn Chân Ca soạn tập bộ Giang Nam Thiên Giáo Triều Cận Đăng Đối, và dâng vua xem.

Thượng Trúc bước ra, vua hỏi:

- Thầy giảng kinh gì?

- Kinh Pháp Hoa.

Vua hỏi:

- Tiên Lâm giảng kinh gì?

Lâm đáp:

- Bách Pháp Luận.

Nói xong Lâm lui về chỗ ngồi rồi đem việc của Hòa thượng Kính Sơn Vân Phong hỏi:

Thiên lấy gì làm Tông?

Thượng Trúc đáp:

- Thiên là tịnh trí diệu viên, thể vốn không tịch, không phải dùng thấy nghe hiểu biết mà biết được, không phải dùng suy nghĩ phân biệt mà hiểu được.

Vua bảo nói lại lần nữa, Sư nói:



Tông của Thiên bắt đầu từ hai mươi tám Tổ Tây Thiên, sáu Tổ Đông Độ. Từ Ca-diếp truyền cho A-nan, A-nan truyền cho Thương-na-hòa-tu, Thương-na-hòa-tu truyền cho Ưu-ba-cúc-đa, cứ thế lần lượt truyền xuống đến Tổ hai mươi tám là Bồ-đề Đạt-ma. Bồ-đề Đạt-ma là Sơ tổ của Đông độ. Sau khi đắc pháp, Tổ phá hết sáu tông tà, nhìn sang nước Chấn Đán phía Đông thấy ở đó có căn khí Đại thừa, nên Tổ liền đi thuyền sang. Gặp Lương Hoàng (Lương Võ Đế) cơ phong không khế hợp, thế là Tổ cỡi càn lau vượt sông, đến núi Thiếu lâm ngồi xoay mặt vào vách suốt chín năm. Sau khi gặp Nhị tổ Thần Quang chặt tay, đứng trong tuyết, Tổ hỏi:

- Ông cầu việc gì?

Thần Quang đáp:

- Tâm con chưa an, xin thầy an tâm cho.

Tổ nói:

- Đem tâm ra đây ta an cho.

Quang nói:

- Con tìm hoài chẳng được.

Tổ nói:

- Vậy ta đã an tâm cho ông rồi đó!

Thế rồi Quang được truyền tâm pháp. Thần Quang truyền cho Tam tổ, Tam tổ truyền cho Tứ tổ, Tứ tổ truyền cho Ngũ tổ. Ngũ tổ vốn là ông lão trồng tùng (Tài Tùng Đạo giả). Tứ tổ nói với ông:

- Ông nay tuổi đã cao, nếu đầu thai lại, ta sẽ ráng sống chờ ông.

Nghe vậy, Ngũ tổ liền đến bến sông nọ, gặp người con gái mới hỏi xin ngủ nhờ rồi thác thai luôn, đó là đứa trẻ không có họ ở huyện Hoàng mai. Về sau Tứ tổ truyền pháp cho đứa trẻ đó làm Ngũ tổ. Pháp Tịnh Hoàng mai có bảy trăm Cao tăng chỉ mình thượng tọa Thần Tú làm Thủ tòa. Tổ thấy cơ duyên truyền y pháp đã đến bèn sai mỗi người hãy làm một bài kệ. Thần Tú liền viết bài kệ của mình lên vách chánh điện rằng:

*Thân là cây Bồ-đề*

*Tâm như đài gương sáng*

*Phải siêng năng lau chùi*

*Chớ để bụi trần bám.*

Ngũ tổ nói: Bài kệ này cũng chưa thấy tánh, bởi vì còn trệ trên danh tướng, chưa thoát khỏi trí giải, còn trong học địa.

Vua truyền chỉ cho Sư kể lại mọi chuyện, Sư kể xong tâu tiếp: Lúc này Lữ hành giả ở tại nhà trừ giã gạo cho chúng. Ngũ tổ vốn biết

Lư hành giả đã vào được cửa giác ngộ. Lư hành giả vốn không biết chữ, ngài bèn nhờ người viết bài kệ mình lên vách bên cạnh bài kệ của Thần Tú rằng:

*Bồ-đề vốn không cây  
Gương sáng cũng không đài  
Xưa nay không một vật  
Bụi trần bám ở đâu?*

Ngũ tổ giảng giải: Bài kệ của họ Lư đã đạt đến “xưa nay không một vật” tức là đã sạch không hết các hữu, thấu triệt cội nguồn vạn pháp.

Vào nửa đêm hôm đó Ngũ tổ mật truyền y pháp cho Lư hành giả. Họ Lư nhận y bát xong liền trốn đi ngay trong đêm đó. Khi ngài chạy đến núi Đại Dữu bị Thượng tọa Minh truy đuổi kịp. Ngài liền đặt y bát trên một tảng đá nói: “Đâu thể dùng sức mà giành được!”. Minh đến dùng hết thần lực của mình nhưng vẫn không nhích nổi bát. Minh liền nói: “Tôi vốn vì pháp đến đây chứ không phải vì y”. Lục tổ bước ra nói: “Không nghĩ thiện không nghĩ ác, ngay lúc ấy cái gì là bản lai diện mục của Thượng tọa Minh?”.

Tuệ Minh ngay đó liền đại ngộ. Thần Tú về Hà Bắc tự xưng là Lục tổ, nhưng tri giải vẫn còn, vì trệ trên danh tướng, nên liệt vào Tướng tông, bởi vậy giáo tông thịnh hành ở Tây bắc. Tuệ Năng truyền pháp ở Tào Khê, bởi vậy Thiền rất thịnh ở Đông nam. Từ đó người ta gọi là Nam Năng Bắc Tú. Đó là lý do của sự phân chia Thiền và Giáo.

Tào Khê truyền cho Nam Nhạc Hoài Nhượng, Hoài Nhượng vốn là phân thân của Quán Âm Đại sĩ. Hoài Nhượng truyền cho Mã tổ, đó là “Ngựa câu đạp giết người thiên hạ”, Mã Tổ truyền cho Bá Trượng. Lúc Bá Trượng đứng hầu, Mã Tổ cử công án treo phát tử, rồi hét một tiếng, Mã Tổ ngay đó đại ngộ, đến ba ngày sau vẫn còn ù tai. Bách Trượng kể lại việc này cho Hoàng Bá, Hoàng Bá bất giác lè lưỡi, ngay đây Bá Trượng thông suốt diệu dụng của tiếng hét. Về sau, Lâm Tế đến Hoàng Bá, ba lần hỏi “Đại Ý Phật Pháp” thì ba lần đều ăn cả thủy sáu mươi gậy. Sau, trong pháp hội của Đại Ngu, Lâm Tế kể lại việc này rồi hỏi “Lỗi ở chỗ nào?”. Đại Ngu nói: Hoàng Bá đã tận tâm hết lòng vì ông như vậy, ông còn tìm lỗi nữa ư!”.

Lâm Tế nghe xong hoá nhiên đại ngộ, liền nhằm hông Đại Ngu thoi ba cái. Đại Ngu nói: “Thầy ông là Hoàng Bá chẳng liên can gì đến ta!”.

Lâm Tế quay về Hoàng Bá liền đánh ba bạt tai. Từ đó lưu thông

câu kệ “Lâm Tế vào cửa liền hét”. Đó là lý do phát sinh câu kệ.

Còn câu “Gậy của Đức Sơn” là câu chuyện về Chu Kim Cang.

Vua hỏi:

- Chuyện Chu Kim Cang là thế nào?

Sư tâu:

- Đức Sơn vốn là họ Chu, là tòa chủ giảng kinh Kim Cang. Ông ấy chở một xe đầy sớ sao đi về phương Nam hòng muốn đập tan sào huyết của bọn ma đạo, lúc ấy ông khí khái hào hùng. Giữa đường Đức Sơn gặp bà lão bán bánh bột, ông muốn mua vài cái điểm tâm. Bà lão bán bánh nói: Ngài là tòa chủ giảng kinh Kim Cang trong kinh có một đoạn, già hỏi nếu ngài trả lời được thì cho ăn không, khỏi trả tiền. Bà lão hỏi: “Tâm quá khứ bất khả đắc, tâm hiện tại bất khả đắc, tâm vị lai bất khả đắc, trong ba tâm này ngài muốn điểm tâm nào?”

Tòa chủ không đáp được. Bởi vậy người xưa nói: “Giả như giảng được ngàn kinh luận, cơ đến một câu thật khó thay”. Đó đủ thấy, khi chưa thấu tỏ cội nguồn vạn pháp thì dầu chở đầy một xe sớ sao cũng là vô dụng. Sau Đức Sơn yết kiến Long Đàm, Sư đứng hầu tới khuya bèn xin về. Bên ngoài trời tối đen, Đàm bèn đưa sư cây đuốc, Đức Sơn vừa đưa tay lấy, Đàm thổi tắt ngay. Đức Sơn hốt nhiên đại ngộ. Hôm sau Sư nói với chúng: “Biện luận lý mầu đến đâu đi nữa, cũng như bỏ một sợi lông vào hư không, tinh thông thế pháp đến đâu đi nữa chẳng khác nhỏ một giọt nước vào biển cả, từ đó cứ thế mà ăn gậy. Phật đến cũng đánh, Tổ đến cũng đánh, ở đây không có gì khác”.

Sợ người sau trệ trên danh tướng, cho nên hễ hỏi điều gì đến chỗ sâu xa nhất Sư liền đánh. Đó là câu chuyện về câu kệ “Gậy của Đức Sơn”. Bởi vậy người ta nói: “Đức Sơn vào cửa liền phang gậy, Lâm Tế vào cửa liền hét”. Do đó ăn gậy và hét đâu phải bày suông cho vui.

Sư tâu tiếp:

- Thần không dám tâu nhiều, sợ làm nhọc Thánh thể.

Vua nói:

- Cứ nói, đừng sợ, hơn nữa đây đâu phải chuyện mua bán gian lận.

Sư tâu:

- Đức Thế Tôn Thích-ca Mâu-ni lúc đản sinh đi vòng bảy bước, mắt nhìn bốn phương, một tay chỉ trời, một tay chỉ đất nói: “Trên trời dưới đất chỉ ta độc tôn”. Độc tôn ở đây không phải là cái tôn quý của ngôi vị Kim Luân Vương mà độc tôn ở đây là ngã, là đạo, là pháp, là tâm. Trong bốn mươi chín năm, hơn ba trăm hội, những pháp được tuyên

thuyết đều quán cơ hợp giáo. Giống như một trận mưa tuôn khắp, muôn loài cỏ cây tùy theo giống loại lớn nhỏ hấp thụ rồi sinh trưởng. Sau cùng Phật nói: Bắt đầu từ vườn Lộc dã, cuối cùng là sông Bạt-đề trong suốt hành trình ấy ta chưa từng nói một chữ. Thuyết pháp suốt bốn mươi chín năm, vì sao lại nói không nói một chữ? Đó là vì sợ người đời sau trệ trên danh tướng, chẳng lìa trí giải bởi vậy chẳng nói một chữ, nhưng rõ ràng thường nói, vì thuyết mà vô thuyết thì gọi là chân thật thuyết. Lại nữa trong pháp hội Linh Sơn trước trăm vạn chúng tăng, Phật đưa một cành hoa lên khai thị đại chúng, chỉ có ngài Ca-diếp đối sắc mỉm cười. Thế Tôn nói: “Ta có chánh pháp nhãn tạng Niết-bàn diệu tâm nay giao phó cho Ma-ha Ca-diếp”. Đó gọi là biệt truyền ngoài giáo, truyền trao tâm này, ấn chứng pháp này. Đạt-ma từ Tây sang, chẳng lập văn tự, chỉ thấy tâm người thẳng tánh thành Phật, cũng là truyền trao tâm này, ấn chứng pháp này.

Vua hỏi:

- Giảng chủ xem Giáo ngoại biệt truyền mà Trưởng lão này nói là đúng hay sai?

Thượng Trúc bước ra đáp:

- Đúng, đúng!

Tiên Lâm bước ra nói:

- Chúng sinh phương Đông đa phần nói khoác, bởi vậy Đạt-ma từ Tây sang chẳng lập văn tự, vì sợ rằng những kẻ lanh lợi nói khoác rồi đắm trước ngữ ngôn văn tự, cho nên mới có việc “chỉ thẳng”.

Vua mời Trưởng lão và Tiên Lâm ngồi, hai người tạ ân xong, ngồi xuống. Vua bảo:

- Hãy luận nghị!

Tiên Lâm hỏi:

- Bắt đầu từ vườn Lộc dã, cuối cùng là sông Bạt-đề, trong suốt hành trình ấy chưa từng nói một chữ, không nói chữ nào thì hơn năm ngàn quyển kinh ấy từ đâu mà có?

Trưởng lão đáp:

- Giáo pháp trong một thời ấy như ngón tay chỉ mặt trăng, phải biết rằng, cái muốn nói đến đó, rốt cuộc không phải mặt trăng.

Lâm hỏi:

- Thiên tông của ông có bao nhiêu người đặc pháp?

- Phật Tổ từ xưa, Hòa thượng đời nay trong thiên hạ nhiều như cát sông Hằng không sao đếm hết.

- Hiện nay có ai?

- Đang bay qua trước mặt.
- Ở chỗ nào?
- Trong điện Hàm Nguyên lại đi tìm Trường An.

Lâm không đáp được. Vua sai Tuyên Tổng Thống hỏi Lâm, Giảng chủ ấy nói vậy có ý nghĩa gì?

Lâm đáp:

- Hỏi Thiên tông của ông ta có bao nhiêu người chứng đắc, ông ta nói, nhiều như cát sông Hằng.

Vua nói:

- Ông ta là Giảng chủ, chẳng nhìn lại mặt mũi lại đi nói những chuyện viển vông!

Lâm hỏi:

- Thế nào là Thiên?
- Sư lấy tay vẽ một vòng tròn.

Lâm hỏi:

- Làm sao động chân tay?

Trưởng lão đáp:

- Chỉ cái vòng này đã chui không qua, nói gì đến ngàn kinh vạn luận.

Lâm đáp không được.

Vua nói:

- Ta cũng biết đó là pháp thượng thừa, người chứng đắc pháp ấy xuống nước không chìm vào lửa không cháy, nay bảo ông ngồi vào trong vạc dầu sôi, ông dám ngồi không?

Trưởng lão đáp:

- Không dám tuân thánh chỉ.
- Vì sao không dám?
- Đó là thần thông Tam-muội, trong pháp này của tôi không có việc như vậy.

Vua hỏi:

- Thế nào là không hơn thua?

Lâm nói:

- Nói không dám tức là thua rồi!

Sư chê Lâm: Không sao, hiểu càng tốt.

Lâm không đáp được. Thế theo ý vua, Sư tâu tiếp: Thiên và giáo vốn là một thể. Thiên là tâm của Phật, Giáo là lời nói của Phật, nhân lời nói của Phật mà thấy được tâm của Phật. Thí như trăm ngàn con sông đều chảy về biển, đến biển rồi thì không có vị nào khác. Lại như

vạn vạn tuế Hoàng đế ta gồm thâu núi sông, nhất thống thiên hạ, bốn Di trăm Man tùy phương mà đến, từ bên ngoài Thuận Thành Môn mà vào, lên được bệ rồng, diện kiến Long nhan, như vậy mới gọi là vào đến nhà. Còn như giáo chỉ là dựa vào ngữ ngôn văn tự, chưa thấu đến huyền chỉ, vẫn còn là người ngoài Thuận Thành Môn, đó chưa thể gọi là vào được nhà.

Vua vô cùng vui mừng, đứng dậy phát áo, Sư tạ ơn rồi xuống điện, vua mời Sư về hậu điện làm cơm đãi Sư.

Kỷ Sửu: Tháng giêng, tổng kê hộ khẩu. Tháng chín năm Canh Dần đại xá thiên hạ.

Tân Mão: Ngày hai mươi ba tháng năm vua hạ chiếu đổi Án Sát Ty thành Túc Chánh Liêm Phỏng Ty.

Quý Ty: Ngày hai mươi hai tháng mười đại xá thiên hạ.

### **7. Thiên sư Vân Phong Diệu Cao ở Kính sơn:**

Chí Nguyên năm thứ ba mươi, Hòa thượng Kính Sơn Vân Phong ở Hàng châu thị tịch. Sư tên là Diệu Cao, người Trường Khê, Phước châu. Cha Sư húy là Đỉnh, gia thế theo Nho học. Mẹ Sư họ Nguyễn, đêm nọ bà mộng thấy một đứa trẻ chấp tay ngồi giữa hoa sen trong ao bà đưa tay bông, đột nhiên tỉnh mộng và sinh ra Sư, nhân đó bà đặt tên Sư là Mộng Trì. Sư hình dung tuấn tú, ham học và đọc sách, lại rất thích kinh điển, quyết tâm xin cha mẹ xuất gia. Cha mẹ Sư thấy điềm mộng như vậy, nên cũng không cấm cản. Sư theo Vân Mộng Trạch Công ở Ngô Trung thọ cụ túc, quyết tâm cầu đạo. Đầu tiên Sư tham vấn Sĩ Tuyệt Xúng. Xúng nói: Thăng bé này nói có đầu có đuôi, là pháp khí trong tông ta.

Sau Sư yết kiến Vô Chuẩn ở Kính sơn, Chuẩn rất yêu mến, cho Sư làm Thị giả. Sư than: Ở yên thế này thì bại hoại thanh danh, ta không thể không tham vấn chư Lão túc các nơi!

Sư đến Dục Vương yết kiến Yển Khê, xin vào thất hầu, giữ chức Thủ Khố. Một hôm Yển Khê cử: “Vị như con trâu chui qua cửa sổ, đầu sừng bốn chân đều qua lọt, vì sao cái đuôi qua không lọt”. Ngay đây Sư hoát nhiên tỉnh ngộ, nói: “Kình nuốt sạch nước biển, Sương hiện càn san hô”. Yển Khê hứa khả.

Lúc Sư về Nam Bình, Yển Khê dẫn Sư đi, sau Sư trụ trì ở Đại Lô Nam Hưng làm người kế thừa chính thống. Sau Sư dời qua Bảo An Giang Âm, giáo pháp lan đến Trung Lự xuyên, Hà sơn. Học chúng 4 phương kéo đến vô kể, cả ba tăng đường đều chật cứng. Pháp tịch ở

Tướng Sơn bỏ không, tặng chúng Thiền Lâm bàn bạc cho rằng không ai thay thế được Sư, rồi triều đình hạ chiếu thỉnh chủ trì, Sư vâng chiếu. Mười ba năm sau, pháp hội của Sư lên đến năm trăm người. Năm Ất Hợi niên hiệu Đức Hựu, đạo tràng bị binh biến, đám quân sĩ có người ép Sư phải đưa vàng cho chúng, Sư nói: “Ở đây chỉ có chùa có Tăng, không có vàng cho người.” Chúng cầm đao định chém Sư. Sư đưa cổ ra nói: “Muốn giết cứ giết”, đầu ta đâu phải đá cho người mài dao”.

Sư khảng khái ung dung, chẳng chút sợ sệt, đám quân sĩ cảm động vất dao bỏ đi. Thừa Thượng Bá Nhan Công thấy vậy càng kính phục Sư. Ông bán trăm con bò mua lương thực cúng dường cho năm trăm chúng, chùa nhờ đó qua cơn khốn khó. Ngạn Công còn dạy các tướng: “Người ấy không phải người thường, các người nên tiếp đãi chu đáo”. Nhờ đó chùa cũng được an ổn. Niên hiệu Chí Nguyên năm Canh Thìn, Song Kính đến thỉnh Sư hai ba phen, Sư điều từ chối, Sư làm trùng tu lại ngôi chùa xưa đã hoang phế hơn mười năm. Sư tận lực trùng tu, đồng thời quyên góp tự làm tăng đường, liêu chúng. Không đầy mười năm nơi đây được trùng tu chẳng khác trước kia. Mùa xuân năm Mậu Tý, ma sự nổi lên, học chúng giáo môn phỉ báng Thiền Tông. Sư nghe được, than: Đây là việc lớn trong Tông môn, ta cần phải nhẫn chịu để giành lại.

Sư dẫn hai, ba người đồng môn của mình lên thẳng kinh đô, vua hạ chiếu cho triệu tập tăng chúng của Thiền và Giáo để biện luận. Vua hỏi:

- Thiền lấy gì làm Tông?

Sư đáp:

- Trí thanh tịnh vi diệu viên mãn, thể nói vốn rộng rang, vắng lặng, không phải dùng thấy nghe hiểu biết, suy nghĩ phân biệt mà đạt được. Vua hỏi hai, ba lần, Sư đều lấy cơ duyên của hai mươi tám Tổ Tây Thiên, sáu Tổ Đông Độ, chư Tổ Đạt-ma, Nam năng Bắc tú, cơ duyên hét, đánh gậy của Lâm Tế, Đức Sơn... đại để cho rằng Giáo là lời nói của Phật, Thiền là tâm của Phật, Chánh pháp Nhân Tạng Niết-bàn diệu tâm, thú hưởng tới tối thượng thừa không gì hơn Thiền. Sư biện minh dẫn dụ đến hơn hai ngàn lời. Vua hạ chiếu mời Sư ra biện luận với Tiên Lâm, học chúng của Giáo môn cũng luận tới bàn lui, chưa ai ngã ngũ. Lâm hỏi:

- Thiền Tông có mấy người đặc pháp?

Sư đáp:

- Phật Tổ từ trước, Hòa thượng trong thiên hạ thời nay như cát sông Hằng không sao đếm hết.

Lâm hỏi:

- Hiện nay có ai?

Sư đáp:

- Trong điện Hàm Nguyên lại đi tìm Trường An.

- Thế nào là Thiên?

- Sư vẽ một vòng tròn. Lâm chẳng hiểu. Sư nói:

- Chỉ cái vòng tròn nay còn chui không qua, nói làm gì đến ngàn kinh vạn luận.

Lâm hết cách ứng đối. Vua rất mừng. Từ đó tăng chúng cũng hết phỉ báng, Thiên Tông lại thịnh như xưa.

Sư cáo từ vua xin về Nam. Sư dạy chúng: Lúc ta mai danh trong hang sâu, ẩn tính trong núi rừng, không nghĩ rằng mặt trời chiếu khắp nơi, khó tránh phải ra hoàng hóa.

Sư nói tiếp: “Trùm kín mặt mày muôn việc xong, lúc này Sơn tăng đều chẳng hiểu”.

Pháp hội Kính Sơn đã chu toàn, cơ duyên cũng đã hết, Sư nói với đồ chúng: “Ta mắc nợ núi này nên đến đây trả nợ”. Thế rồi Sư tận lực trùng tu, đào quanh bờ điện làm ao, tăng đường liêu chúng đều xây dựng trên địa thế rất đẹp, năm năm sau thì công việc hoàn thành.

Đầu tháng sáu năm Quý Tỵ, lúc Tiểu Tham, Sư khuyến tấn người học, đến ngày mười bảy, Sư viết kệ để lại rồi an nhiên thị tịch. Sư sinh ngày mười bảy tháng hai năm Ất Mão niên hiệu Gia Định, thọ bảy mươi lăm tuổi, tăng lạp năm mươi chín hạ. Đồ chúng an táng Sư ở Cư đỉnh am, phía Tây chùa.

Giáp Ngọ: Chí Nguyên thứ ba mươi mốt, hoàng thượng mất.

### **8. Thế Tổ hoàng truyền giáo pháp: (100 ĐOẠN).**

Thế Tổ hoàng đế lúc chưa lên ngôi, xuất binh chinh phạt các nước phía Tây, lấy đức hiếu sinh làm trọng bị lạc đường gặp một vị Tăng khai thị rồi thọ ký. Từ đó ông nổi tiếng thiên hạ, thống lãnh vạn bang, hoàng truyền Mật thừa tôn kính Tam bảo.

Lúc Đế chưa lên ngôi sai Trung Thư Ký tìm cầu linh diệu của Lục Đinh, cầu tìm cái đạo trị quốc, xuất binh chinh phạt Giang Nam, Thư Ký tâu: “Rồng đã đến lúc bay rồi, nên mau về triều thôi!” Hoàng thượng làm theo, từ đó có được thiên hạ.

- Đế hỏi Đế Sư: “Thí thực rất ít làm sao cho đủ vô lượng chúng sinh trong chốn u minh?” Đế Sư đáp: “Sức thần chú Phật pháp, như hạt châu trong Ấm Mã.”



- Đế nghinh Thụy Tượng Chiên đàn vào nội cung, an trí trong vạn Tuế Sơn Nhân Trí Điện làm vật báu của đương thời.

- Đế có lần hỏi Đế Sư: “Sửa chùa dựng tháp có công đức gì?”

Đế Sư đáp: “Phước trùm cả đại thiên”. Từ đó Đế dựng chùa Nhân Vương Hộ Quốc để trấn giữ nước non.

- Đế sai Đế Sư thiết trai xong, trời bỗng mưa xuống hoa vàng, rơi mãi không dứt. Đế hỏi: “Vì sao có điềm lành này?” Đế Sư nói: “Hoa tâm của bộ hạ đã phát, trời mưa hoa vàng để tán dương.”

- Đế sai Thừa tướng Bá Ngạn đánh chiếm Giang Nam, nhưng không thắng, mới hỏi Đả Ba Đại sư: Hộ thân vì sao không giúp sức? Đả Ba tâu: Người không sai thì không đi, Phật không thỉnh thì không nói: Đế liền cầu thỉnh, không đầy một ngày thì nhà Tống quy hàng.

- Định Quang Phật tháp bỗng phóng hào quang. Đế sai mở ra xem, bên trong có xá-lợi, sáng chói cả mắt. Từ đó Đế trùng kiến bảo tháp.

- Tặng đất Thục là Nguyên Nhất sang Tây Thiên và về lại triều, Đế hỏi: “Tây Thiên có Phật không?” Nguyên Nhất đáp: “Minh Chủ Đông Độ ngày hôm nay, không khác Tất-đạt-đa Tây Thiên.”

- Nguyên Nhất đục ngọc của Tây Thiên thành tượng Phật bằng Ngọc thạch dâng Đế. Đế an trí ở Vạn Sơn cúng dường.

- Nguyên Nhất đem kinh của Thiên Trúc dâng Đế, Đế an trí trong hòm thất bảo, vô cùng kính ngưỡng.

- Trung Thư Ký là bậc anh kiệt trong chúng tể, Đế sai ông lấy đạo Tam Kỳ (Tùy Thân) mà phụ chánh, rồi ban lệnh, Đế rất tín nhiệm ông, phong ông chức Thái Bảo.

- Nguyên Nhất từ Tây Thiên về có đem theo bình bát bằng thiết của Phật về và dâng cho Đế, Đế vui mừng xem như của báu, an trí bát trong Trấn Khố Tàng.

- Đế và Đế Sư đang ngồi, hai vị Tăng Nguyên Nhất và Nguyên Kháng đứng hầu bên cạnh, Đế nói: Sao không thể hiện Du Hý Tam-muội? Kháng cho Nhất còn trẻ nên nói:

- Cứ theo thứ lớp từ nhỏ đến lớn.

Nguyên Nhất liền nói:

*Hải Thanh thân rất nhỏ*

*Thiên Nga mình rất lớn*

*Hải Thanh bay lên trời*

*Thiên Nga phải hoảng sợ.*

Nguyên Kháng nói:

*Trư Đồn thân rất nhỏ*

*Tượng Vương mình rất lớn  
Voi thấy heo xem thường  
Ném lên cỡi đại thiên.*

Đế Sư nói:

*Ta lấy cỡi đại thiên  
Hóa thành một cái vạc  
Nấu bốn con vật kia  
Lớn nhỏ đều tan chảy.*

Đế nghe vậy rất vui.

- Đế hỏi Nguyên Nhất: “Vì sao đồ chúng của Khổng, Lão quá ít? Đồ chúng của Như Lai quá nhiều?” Nhất đáp: “Giàu chê ngàn người ít, nghèo than một người nhiều.”

- Đế hỏi Giả Đan Chủ: “Nơi nào có Phật?” Giả Đan đáp: “Sống chết nằm trong tay, đất trời lòng bàn tay.”

- Đế hỏi Hòa thượng Di-đà: Hòa thượng ở đâu? Sư đáp: “Ở trong quốc độ của nhà vua.” Đế nói: “Vậy thì lúc nào cũng được thấy Di-đà.”

- Đế hỏi Nguyên Nhất: Hòa thượng còn vương thế duyên không? Nhất đáp: Không biết pháp nên phạm, biết pháp rồi liền không.

- Đế hỏi Đế Sư: “Trong Tăng chúng có ai thông việc xưa nay không?” Lúc đó Hữu Nhân Hòa thượng đáp: “Pháp từ Hán Minh Đế đến nay thì dùng lửa thiêu để phân biệt thật giả”. Đế hỏi: “Việc xưa nay không hỏi nữa, còn dùng lửa để phân biệt thật giả về sau thì thế nào?” Nhân đáp: “Nhà vua có tâm hộ pháp, kinh này làm sao bị thiêu hủy được!” Vua rất vui.

- Đế sinh Thái Tử, liền mời Hải Vân Quốc sư đến xoa đầu đặt tên, Quốc sư tâu: “Tôn quý nhất thế gian, không gì hơn Chân Kim.”

- Đế sai Đông Cung lập đàn cúng thí, Đế Sư tác pháp Sám Hối, Đế Sư nói: “Chúng sinh độ thoát hết, từ nguyện Nhân Vương sâu”.

- Đế lập đại hội Truyền giới, khắp nơi đều phóng quang, Đế hỏi Đế Sư: “Ánh sáng này từ đâu tới?” Đế Sư đáp: “Con đường cảm ứng gặp nhau, ánh sáng của Phật liền hiện.”

- Đế sai Hoàng Hậu nương nương đến chùa Trấn quốc hành hương. Hoàng hậu hỏi Tăng chúng: “Khắp nơi phóng quang, ở đây sao không có?” Bà vừa nói xong trên tháp Định Quang bỗng phóng hào quang chiếu sáng khắp trời, cả ngày mới hết.

- Đế sai cung nữ đi nhiều quanh Đế Sư, Đế hỏi: “Thầy có động tâm không?” Đế Sư đáp: “Dù thấy ở trước mắt, đâu can hệ lão tăng!”

Đế nghe vậy vô cùng vui mừng.

- Đế hỏi Uyên Tổng Thống: “Thầy còn quyến thuộc không?” Uyên đáp: “Cả ngày chẳng hề lìa.” Đế hỏi: “Còn uống rượu ăn thịt không?” Uyên đáp: “Bình bát thường vấy mùi tanh hôi.” Đế khen: “Quả là người thật lòng!”

- Xây mới lại kinh thành, quan giám sát việc xây dựng bàn nên đập tháp của Quốc sư “Hải Vân, hai bên bàn xong tâu Đế xin đập tháp. Đế nói: Hải Vân là cao tăng nên xây thành bọc xung quanh tháp, cái đức quý trọng tăng ngàn xưa vẫn không mòn”.

- Một hôm Đế nói: “Thụy tượng Chiên-đàn là Phật bảo đời nay, phải xây chùa lớn an trí, ngõ hầu tất cả nhân dân đều được chiêm ngưỡng lễ bái, thế rồi Đế dựng chùa Đại Thánh Thọ, Vạn An.

- Đế sai viết Tạng Kinh bằng chữ mạ vàng, nhưng tranh tượng ở bìa vẫn chưa biết vẽ gì, Đế nói: “Kinh này do Phật Thích-ca thuyết chỉ nên vẽ người thuyết kinh thôi, mong rằng người đọc biết được nguồn gốc của nó”.

- Đế hạ chiếu trong khắp thiên hạ, mỗi năm phải mở đại hội cúng thí, độ tăng đọc Đại Tạng kinh. Các nơi đều có điếm lành hào quang phát ra, nhiều vô số kể.

- Đế hạ chiếu mời những Đại đức giảng kinh Hoa Nghiêm mở đại hội giảng kinh tại chùa lớn trong kinh thành để nêu tỏ cái giàu có của Như Lai.

- Đế mở đại hội, bảy nơi phóng hào quang biểu thị bảy huyền chỉ trong pháp hội Hoa Nghiêm.

- Đế hỏi các quan: “Mỗi ngày có ai không phóng dật không?” Các quan không ai đáp. Đế bèn lấy trong tay áo ra râu chuối hạt, thế là trong ngoài trăm quan đều hướng thiện.

- Đức Thế Tôn trụ thế bảy mươi chín năm, vào năm bảy mươi chín tuổi, Đế nói: “Trăm thọ bằng Phật, không bị chết yếu rồi.”

- Đế triệu mười cao tăng vào điện cúng dường. Đế ngồi im bất động, các vị đại đức cũng im lặng, Đế nói: “Đây là công đức chân thật.”

- Đế triệu chư tăng vào đại nội tụng kinh hành hương, Thị thần tâu: “Tăng phần nhiều là người không biết chữ.” Đế nói: “Chỉ dạy họ thư thả, lau bỏ bụi trần, cũng có công đức rồi.”

- Những Thiên Tăng cặn bã vác gậy để răn mình, gặp Đế, Đế hỏi: “Dùng gậy này làm gì?” Họ đáp: “Thân có lỗi dùng gậy để trách phạt.” Đế nói: “Lỗi là do tâm, đánh thân có ích gì, nếu như trách thân

đâu bằng trách tâm.”

- Đế gặp những Tăng có lỗi, không bắt chịu vương pháp mà sai họ đọc kinh sám hối.

- Đế mời Đông Xương Đại sư giảng dạy, Đế rất hài lòng ban cho Sư trụ tượng bằng ngọc quý.

- Đế bình định nhà Tống xong, nhưng nơi đó Phật giáo chưa lưu thông, Đế chọn ba mươi vị Tăng tài giỏi trong thiên hạ đưa qua đó để thuyết pháp lợi sinh, từ đó Phật giáo phía Nam rất thịnh.

- Đế dựng chùa Đại Thánh Thọ, Vạn An, rồi sai cung thủ bắn ra bốn phương bốn mũi tên để làm lộ giới.

- Trong đại nội của Đế đều dùng Chân ngôn Phạm tự trang trí, để biểu thị rằng đi đứng nằm ngồi chẳng xa rời Phật pháp.

- Đế ban cho người giảng pháp Tăng y màu hồng, xem người giảng pháp như Phật.

- Tăng đất Thục là Viên Chứng gặp Đế, Đế hỏi: “Thầy học được những gì?” Chứng đáp: “Từ nhỏ thông hiểu Tam Kỳ, lớn lên học Phật thừa.” Đế nghe rất vui, ban cho Sư một đỉnh trầm ngọc bích, sai Sư lo việc hương hỏa.

- Lúc rồi việc chánh sự, Đế tự mình cúng thí, cầm chuỗi hạt và tụng niệm.

- Đế dựng xong chùa Đại Thánh Thọ-Vạn An, Đông đường Tây đường đều muốn đúc tượng Phật, quan giám sát việc xây dựng tâu lên, Đế nói: “Không cần đúc Phật đất, cần Phật sống trụ thôi.”

- Đế thống lãnh binh mã chinh phạt phía Bắc, hộ thần hiện thân trước quân trận, giặc tự rút lui.

- Đại sư Quảng Tế từng ở trong cung rất lâu, siêng năng tụng kinh lễ Phật, Đế rất ngợi khen ban thưởng rất hậu, Đế tặng Sư tượng Phật từng phóng hào quang để Sư thờ phụng cúng dường.

- Đế hỏi thầy coi tướng về núi sông, thầy tướng đáp: “Thiện ác đều do núi sông làm chủ.” Đế hỏi: “Thái Hành Sơn thế nào?” Đáp: “Sản sinh bọn gian tham trộm cướp.” Đế hỏi: “Tại sao Phu Tử sinh ra ở đó? Đế triệu tăng Viên Chứng đến và hỏi: Người này nói về núi sông như vậy đúng không?” Chứng đáp: “Dùng chính sách thiện mà trị thiên hạ thì thiên hạ đều thiện, nói về núi sông như vậy hẳn là Tăng không hiểu. Đế nghe vậy vô cùng vui mừng.

- Xá-la-tát Trương Đại sư phát chí xuất gia, Đế theo lời cầu xin thế phát cho làm Tăng, ban cho Sư chuỗi hạt thất bảo, khuyên ông hằng ngày gắng tu tập.

- Đế triệu Viên Chứng vào hỏi về thuật Lục Thần. Đế nói: “Cắt tóc sợ rằng không linh nghiệm!” Chứng tâu: “sáu vị này tức là thần trời, đất, mặt trời, mặt trăng, nước và thần lửa. Trong Bồ-đề đạo tràng ai nấy đều làm kệ tán dương Phật, được pháp môn đại giải thoát. Họ là người hộ vệ kính cẩn trong pháp hội Hoa Nghiêm. Tăng và người làm việc minh bạch thì Thần đều cung kính làm theo, cắt tóc đâu can hệ gì.” Đế nghe cho là phải.

- Đế triệu tăng Nguyên Nhất biện luận với Đạo sĩ, Nguyên Nhất công kích bọn họ là những người ăn cắp lời dạy của Khổng, Lão. Đế rất vui.

- Đế hỏi tăng: “Rằng Phật thật hay giả?”, Tăng không đáp được. Đế nói: “Thật giả tự biết lấy, các người chớ hiểu lầm”.

- Đế sai tăng tụng kinh Vô Lượng Thọ Vương Đà-la-ni, ai tụng được thì ban thưởng gấm lụa.

- Đế triệu Đông Cung đến hỏi: “Hải Vân là thầy người, người ở đất Thánh ấy phải gắng tu sửa”. Từ đó Đông Cung xây mới lại ngôi đại tự Khánh Thọ.

- Đế xuất cung đi săn ở Nam Hoa Viên và nói: “Nơi này cần phải dựng chùa viện.” Đoàn Tướng y lệnh xây dựng, vua đi săn trở về thì chùa cũng vừa làm xong.

- Đế hiển chánh xô tà, lệnh rằng ngoài Đạo Đức Kinh ra, văn sách còn lại đều phải đốt hết, để chấm dứt sự bịa đặt của Đạo giáo. Tế Tướng tâu: “Trong lúc kiểm định lại Đạo Tạng Kinh, gặp bài thơ của Mã Tương rằng:

*Cây nổi biển xanh nước tiếp mây  
Xưa có Lão Quân đời Ân Chu  
Người nói thị phi đều chưa định  
Ngoài năm ngàn lời chẳng viết gì.”*

Bài thơ rất hợp ý Đế, Đế vui mừng, ra lệnh đốt hết.

- Đế ban khẩu dụ, triệu Hạo Thiên giảng chủ đến nói: “Thay Trẫm ở đời, thật tâm thúc liễn đồ chúng xét tỏ Phật pháp đừng để giảm mất.”

- Đạo tràng Phổ Hiền ở Nga My thiếu Đại Tạng Kinh, Đế sai Trương Đại sư gấp rút chở đến, thế là Phật pháp lưu hành, phước tràn cả Tây Thục.

- Đạo Sĩ ở Thượng Đô tâu: “Muốn phân định chánh tà với Phật giáo.” Đế hỏi: “Thắng thua thưởng phạt thế nào?” Đạo sĩ đáp: “Thua thì bị chặt đầu. Đế nói: Không được! Nếu thua thì thế phát làm Tăng.”

- Tổng chủ nhường ngôi, để tâm học Phật tu hành. Đế rất vui liền cho thế phát làm Tăng bảo.

- Trưởng lão Thánh An Bảo nghinh Thụy tượng vào cung, trong lòng không vui, Đế hỏi: “Đây là Phật của Hoàng gia, sao thầy lại không vui. Lúc đưa về Đế ban tặng ba mươi hai đỉnh bạch kim biểu thị ba mươi hai tướng hảo.

- Tổng Thái hậu thế phát làm ni, tụng kinh tu hành, Đế rất kính trọng cúng dường tứ sự.

- Đế triệu hai cung nhân nhà Tổng đến cho thế phát làm ni, Đế nói: Nay là người của Tam bảo!” Rồi cho họ về núi học Phật tu hành, đồng thời chu cấp y áo, lương thực.

- Đế mở Vô Giá Hội, hạ chiếu cho Tín Giảng Chủ giảng về Tổng Thánh danh mục. Đế nói: “Đã gọi là Vô giá, sao lại có số mục.” Tổng chủ xuất gia làm Tăng.

- Đế sai người qua Tây Thiên khảo cứu Đại thừa nhằm làm sáng tỏ thêm Phật lý.

- Đế dùng vàng làm đất, sai Tăng, Nho viết một Đại Tạng kinh rồi an trí trong hòm thất bảo lưu truyền cho muôn đời sau.

- Đế mở Đại giới đàn truyền giới, Tỳ Sứ Trưởng là Sứ giả trong Tăng chứng ngộ nhận rằng mình cũng nhận bát, Đế nạt: Đã là đệ tử Phật, ai lại có thể làm chủ sự trong việc truyền y bát của Thiên Trúc như thế?

- Đế lấy thức ăn ngon đồ đầy bình bát, kẻ hầu người hạ đến cả ngàn người, Đế ban mỗi người một hạt, là mong cho ai nấy đều nhận lãnh được pháp vị thiền duyệt thực trong bát của Như Lai.

- Đế đến Hương sơn, lưng chừng núi có con suối, Đế hỏi tăng chúng nước suối có đủ cho tăng chúng dùng không, Tăng đáp: “Mỗi ngày cung cấp cho ngàn vị nhưng chảy mãi không cạn”. Vua ban cho một đỉnh bạch kim bảo xây sân và mái che, đủ thấy vua quý trọng ích lợi con suối biết bao.

- Trấn khố nhà Tổng có gốc Chiên-đàn vuông vức hơn một trượng, Đế nói: “Trấn khố không có ích, nên đem gỗ Chiên-đàn ấy đục thành tượng Phật để lợi ích trời người.”

- Đế xa giá thăm ruộng lúa trên Hương sơn, lúc vừa chín tới, tả hữu đi theo hơn vạn người, Đế khuyên dạy họ: Đây là tài sản của Tam bảo, một hạt cũng không ai được lấy.

- Tăng chúng nghênh đón Đế từ xa. Đế nói: “Chúng Tăng ngày trước ba lần hạ chiếu vẫn không chịu đi, chúng tăng ngày nay từ xa đã

ngheh đón.” Tăng lặng thinh.

- Đế mở đại hội, tiếng tăm của Phật, Xà-lê càng vang dội, Đế nói: “Âm thanh của Phật vang dội thế này, có không biết bao chúng sinh phát sinh thiện tâm”, và vua ban cho một đĩnh bạch kim.

- Chùa Hoàng Pháp là nơi có những bản kinh lâu đời, Đế sai các sơn tăng đại đức giáo đính sửa sai, khắc mới hoàn toàn bổ túc thêm rồi cho lưu hành.

- Một hôm Đế nói: “Ba người hộ pháp đã đi hai người rồi, chỉ còn mình Trẫm, ngày nay Phật pháp càng ngày càng thịnh.”

- Đế mời Dật Lâm Thượng Sư dịch Dục Sư Đãn Pháp Nghi Quỹ nhằm làm tiêu tai ương của tám khổ, tăng thọ mạng vô lượng cho muôn dân.

- Đế mở đại hội mười vạn tăng, mời mười vị nói pháp cho Đế nghe và Đế ban cho mười đĩnh bạch kim, mười cây trụ tượng nạm ngọc.

- Ngoại ban triều cống xá-lợi của Phật, Đế nói: “Không nên để một mình Trẫm hưởng phước mà hãy dựng một cửa tháp thật cao ở Nam Thành Chương Nghĩa Môn để kẻ qua người lại đều được chiêm bái.

- Đế mời Cao tăng đính chính lại Đại Tạng, phân ra Tiểu thừa, Đại Thừa, để nêu danh thơm của Phật trong khắp thiên hạ.

- Đế thống nhất thiên hạ, các nước ngoại bang đều quy phục, Đế sai in ba mươi sáu tạng kinh, sai sứ phân phát đến các nước, nhằm để mọi người được nhìn thấy mặt trời trí tuệ của Phật.

- Đế nói với Đế Sư: Cách Phật đã xa, giới của Tăng khiếm khuyết nay hãy chọn cao tăng ở các lộ, ban cho họ Đại y rồi truyền thọ Tát-bà-đa Bộ Đại Giới.

- Đế nói: Bồ-tát Giới Bản chỉ để hiểu, những gì Pháp sư giảng đều được truyền trao. Thế rồi Đế in một ngàn bộ lưu hành khắp nơi, để cho chúng sinh trong đại địa đều phụng trì Bảo Giới của Như Lai.

- Đế hỏi Giản Đàn chủ: “Nơi nào là ruộng phước tối thượng?” Giản đáp: “Thanh Lương”. Đế nói: “Đúng là cảnh giới chân thật của Phật,” Và Đế cho xây năm ngôi đại tự để làm ruộng phước cho đời.

- Đế đốc xuất thợ xây chùa trên Ngũ Đài, nơi đây có suối nhưng không có nước. Ngày khởi công, Đoàn Trương men theo suối tìm nước, bỗng nhiên nước tuôn ra, dùng hoài chẳng hết.

- Các quan tâu: “Tăng ni trong thiên hạ xếp vào như dân thường”. Đế hỏi: “Hộ dân bao nhiêu?” Phủ khố bao nhiêu? Quan tâu: “Không biết.” Đế nói: “Phụ Tướng (Tể Tướng) giúp đạo cốt phải dụng tâm, việc này không được mà vội cho tăng nhân là người cầu an hưởng lộc”. Từ

đó việc này chấm dứt.

- Đế nghe nghĩa của năm giáo, hỏi: “Đốn giáo cho tức tâm là Phật, cảnh giới chư Phật, phàm phu không tu làm thế nào đến được?”

- Đế thấy kinh giáo của Tăng Tây Vực và kinh giáo của Tăng đất Hán âm vận không đồng nên nghi nghĩa khác nhau, liền mời Tăng của hai xứ biện luận, kết quả chẳng chút sai khác. Đế nói: “Mối nghi trệ lâu nay, ngày nay khai thông rồi.”

- Đế lấy Phật giáo làm tâm, rất ghét kinh Hóa Hồ ngụy tạo, mấy đời nay đoạn trừ nhưng vẫn chưa hết, Đế nghiêm khắc truyền lệnh cho thiên hạ đều phải đem đốt sạch.

- Bảo tháp an trí xá-lợi chân thân Như Lai trong các chùa, hiện có mười chín nơi, Đế đều ban tiền bạc, gấm lụa để chư tăng trùng tu làm đẹp lại, đồng thời mở hội lớn cúng dường tháp.

- Đế có lần nói với quần thần: “Trẫm đem cái chân tâm bản giác không hai trị vì quốc gia thiên hạ. Như Hải Đông Thanh bắt con thiên nga, vì tâm không hai vậy.”

- Đến ngày trai giới, Đế lấy bình bát Phật ở Nam Thiên Trúc đổ đầy thức ăn trân tu mỹ vị, rồi lặng lẽ quán tâm, rộng tu cúng dường.

- Từ khi Đế lên làm Thiên Tử, hai thứ thuế điền sản của khắp tự viện trong nước Đế đều cho miễn thuế, nhằm để Tăng chúng an tâm mà tu hành.

- Tất cả cây cối trong núi rừng thuộc về tự viện, Đế khẩu dụ cho thiên hạ nghiêm cấm không ai được chặt phá, để làm đẹp cảnh giới của Phật Như Lai.

- Đối với những vị Tăng hoàn tục, Đế đều khẩu dụ cho họ làm người nắm giữ giáo môn hộ trì Phật pháp.

- Quan lại tâu rằng: “Có những tăng nhân làm việc như thế tục, nên đối xử họ như dân thường”. Đế trách phạt bằng cách sai họ tu sửa chùa viện để ngăn chặn bớt lỗi lầm.

- Đế thống lãnh thiên hạ, ban Thánh Chỉ nói: “Tất cả tăng nhân bất luận phạm phải lỗi gì nay được xá miễn, phải tuân theo giáo pháp của Phật Thích-ca mà hành trì.”

- Thừa Tướng A Hợp Ma tâu: “Tăng ni trong thiên hạ phần nhiều là người lạm dụng, ai tinh thông Phật pháp thì cho làm tăng, ai không nghe không biết thì đuổi về thế tục.” Đại sư Đam Ba hỏi: “Nhiều người chúc thọ là tốt hay nhiều người nổi giận là tốt?” Đế đáp: “Nhiều người chúc thọ là tốt.” Từ đó việc này chấm dứt.

- Linh cửu của Đế khi ngang qua điện Tuyên Đức, bỗng hiện một



luồng hào quang tròn lớn sáng khắp đất trời, tăng tục trong nước đều chiêm ngưỡng lễ lạ, đó là biểu thị tác dụng thị hiện của chư Phật xưa vậy (Trăm đoạn này trích từ Hoàng Giáo Tập).

Đại sư Niệm Thường tán thán: Kinh Hoa Nghiêm chép: Bồ-tát trụ ở Sơ địa làm công đức lớn, Vương dùng pháp giáo hóa chúng sinh, tâm từ không tổn hại, thống lãnh Diêm-phù-đề, hạnh giáo hóa tròn đầy, đều khiến trụ đại xả, thành tựu trí tuệ Phật, nếu hay rộng phân biệt, ức kiếp chẳng thể hết.

Nay xem trong Hoàng Giáo Tập có chép Thế Tổ Hoàng Đế Thất Lục hơn một trăm thiên, từng chữ từng chữ, mỗi câu mỗi câu đều lấy việc hoằng truyền giáo pháp làm trách nhiệm của chính mình. Như có đoạn nói: “Trẫm đem cái chân tâm bản giác không hai trị vì quốc gia thiên hạ, như xem Hải Đông Thanh bất Thiên Nga, vì tâm không hai vậy.” Từ đó mà nói, ngoài việc chánh sự vua chẳng lìa niệm Phật niệm Pháp niệm Tăng. Nếu không phải bậc Đại Thánh từ bi nhớ nghĩ đến việc giáo hóa cho quần sinh, thì ai làm được như vậy! Giả sử Đường Ngu tái thế, cũng không làm gì khác hơn. Than ôi! Viên mãn thay! Nay kính phụ lục vào đây để người sau thấy rõ.

### **9. Thành Tông: (Ất Mùi).**

Thành Tông Hoàn Giả Đốc Khâm Minh Quảng Hiếu Hoàng Đế lên ngôi. Ông lên ngôi ngày mười bốn tháng tư năm Giáp Ngọ, ngày mười lăm đại xá thiên hạ, đổi niên hiệu Nguyên Trinh năm đầu.

Đinh Dậu: Ngày hai mươi bảy tháng hai đại xá thiên hạ, đổi niên hiệu là Đại Đức.

Kỷ Hợi: Tháng giêng sai Sứ đi thăm hỏi đời sống của muôn dân.

Nhâm Dần: Ngày ba tháng ba đại xá thiên hạ.

### **10. Quốc sư Chân Giác Văn Tài ở Ngũ Đài:**

Ngày một tháng chín năm Đại Đức thứ sáu, Quốc sư Chân Giác trụ trì chùa Vạn Thánh Hựu Quốc ở Ngũ Đài sơn thị tịch. Sư họ Dương, húy Văn Tài, tự Trọng Hoa. Tiên tổ Sư là người Hoàng Nông, từ Cao Tăng về sau đời nào cũng làm quan, cha Sư là Tĩnh Nghĩa làm chức Chủ Bạ Thanh Thủy ở cuối đời nhà Kim, rồi lập nghiệp ở đó. Từ nhỏ Sư mồ côi cha, thờ mẹ rất có hiếu. Đối với sử sách, không sách nào mà Sư không đọc, lại rất thông suốt nghĩa lý, bởi vậy Sư lấy đó mà giữ mình, hạ bút thành văn, ngôn từ gãy gọn, tao nhã chẳng khác những tác gia thời xưa, nhưng thường tỏ ra trầm tĩnh như người chưa từng đọc sách.

Còn như khi tiếp xúc nói năng với quân tử học thức thì ngôn từ lưu loát, biện việc rõ ràng, tường tận mọi lý. Sứ ra vào trong kinh sử mệnh mang như dòng chảy sông Hán không ai lường nổi, Sứ giảng giải kinh luận, nghĩa lý vượt khỏi ngôn từ, không khăng khăng chấp chặt vào danh số. Có lần Sứ nói: Học quý là ở chỗ coi trọng tông thú, tinh thông ngôn ngữ để nắm được ý, dùng ý thẩm định chí mới được, ngôn ngữ văn tự chỉ là loại cặn bã, chứ có mùi vị gì khác đâu! Họ ưa đắm văn tự, thích mùi trấu cám, rong đuổi suông tri kiến, cho nhớ nghĩ hỏi đáp là hiểu nhiều rồi, mà không biết đó là chia chẻ các hiểu biết, xuyên tạc cái thấy, càng mù mờ nhiều lối, không thể ngâm thể nhập đạo, chỉ nghe họ nói liền cho là đủ, cho là nghe xong thì làm sao có thể khai mở tuệ nhãn cho người khác.

Tác phẩm của Sứ gồm: Huyền Đàn Tường Lược năm quyển, Triệu Luận Lược Số ba quyển, Tuệ Đăng Tập hai quyển đều là những tác phẩm bên trong thì y cứ kinh Phật, bên ngoài dẫn dụ Nho Lão, ngôn từ chân chất không hoa hòe, giản đơn mà đặc sắc, cốt nhắm đến liễu đạt mà thôi.

Sứ ẩn cư mười hai năm, cất thất trồng tùng, định sống như vậy đến cuối đời, thế nhưng hạnh tu và đức độ của Sứ vang khắp. Dù ẩn mình như vậy, nhưng đạo của Sứ ngày càng rạng rỡ. Người ta tôn kính Sứ, không gọi đích danh mà chỉ gọi Sứ là Tùng Đường. Phật giáo phát triển khởi nguyên từ chùa Bạch Mã ở Lạc Dương, vì vậy người ta gọi đây là Thích Nguyên (ngọn nguồn của Phật giáo). Tông chủ nơi này tịch, vua hạ chiếu thỉnh Sứ kế thế.

Có lần Thế Tổ thấy phong cảnh ở Ngũ Đài tuyệt đẹp nên muốn dựng chùa, thế nhưng sở nguyện của vua không thành. Thành Tông lên ngôi, và ông hoàn thành ước nguyện của Tiên đế, vua đặt tên là chùa Đại Vạn Thánh Hựu Quốc Tự. Đây là ngôi đại tự trên ngọn núi nổi tiếng, nếu không phải người được muôn dân ngưỡng vọng thì không thể trụ trì. Vua hạ chiếu bảo Đế Sư Ca-la-tư-ba tìm người như thế trụ trì. Lúc này Sứ cũng vừa từ Lạc Dương đến yết kiến Đế sư. Đế sư hoan hỷ nói: Chùa Hộ Quốc đã có người rồi!

Vua hạ chiếu cho Sứ làm Thích Nguyên Tông chủ cùng trụ trì chùa Hộ Quốc. Sứ gặp Đế Sư và từ chối rằng: Tôi đâu có đức gì mà dám nhận ân sủng của Hoàng thượng, ở Bạch Mã đã là quá khả năng rồi, tôi làm sao trụ trì thêm Hộ Quốc nữa, xin Đế Sư chọn người có đức để họ trụ trì, mong Đế Sư tâu với Hoàng thượng thành ý này của tôi.

Đế sư không đồng ý nói: Đây là mệnh lệnh của Hoàng thượng.

Hoàng thượng rất lưu tâm cân nhắc kỹ rồi, chẳng phải thầy thì ai trụ trì được! Đó cũng là thành ý của tôi, thầy hãy gắng giúp cho.

Sư trụ trì hơn một năm, năm Đại Đức thứ sáu, Sư định đi Lạc Dương, Đạo Chân Định trụ trì chùa này. Sư có chút bệnh, thị tịch ngày một tháng chín, thọ sáu mươi hai tuổi, đồ chúng trà-tỳ, thù hơn trăm hạt xá-lợi, an táng Sư dưới chân núi Đông sơn trên Ngũ Đài.

Quý Mão: Ngày mười sáu tháng ba vua hạ chiếu đặt ra mười hai chương làm điều lệ định tội kẻ giặc, đồng thời tăng lương tháng cho bá quan bằng lúa thóc ở ruộng công. Ngày sáu tháng tám Bình dương ở Thái Nguyên có động đất.

### **11. Đảm-ba Kim Cang Thượng sư:**

Năm Đại Đức thứ bảy, Đảm-ba Kim Cang Thượng Sư thị tịch. Sư tên là Công Gia Cát Thích Tư, Hán dịch là Phổ Hỷ Danh Văn. Còn có tên là Đảm-ba, Hán dịch là Vi Diệu, người ở Tây Thiên, Đột Cam Tư Đán Ma. Từ nhỏ Sư mồ côi, sống với cha kế, nghe kinh mà nín khóc. Biết Sư là người phi phạm, ông cho Sư đến hầu hạ Pháp Vương Thượng Sư. Pháp Vương đem Phạm chú thử Sư, Sư đọc vanh vách. Pháp Vương nói: “Đứa bé này vốn thông minh nhiều đời, ngày sau ắt làm lợi ích cho chúng sinh.” Năm mười hai tuổi, Sư thọ cụ túc, từ đó những thứ như kinh khoa, Khốc Thức, Đàn Pháp, Minh Phương, Sư đều tinh thông. Năm hai mươi bốn tuổi, Sư diễn giảng Đại Hỷ Lạc Bản Tục... tứ chúng đều hoan hỷ khâm phục. Để Sư sai Sư đến Tây Thiên Trúc học Phạm kinh với Cổ Đạt-ma Thất lợi, Sư tiếp nhận trọn vẹn sở học của thầy. Hồi ấy, lúc Thế Tổ chưa lên ngôi, nghe nói ở phía Tây có một vị đại đức tinh thông triết lý, ông mong được diện kiến, bèn đến Tây kinh sai sứ đến hỏi thăm Quách Đan Đại Vương, Vương nói với sứ giả: Thầy ấy tịch rồi, còn người cháu tên là Phát-tư-ba (Hán dịch là Thánh Thọ) năm nay mới mười sáu tuổi, rất tinh thông Phật pháp, cứ mời đến hỏi đáp thử. Sư đến kinh đô, mười ngày sau lại xin về Tây. Hoàng thượng hỏi:

- Phật pháp của thầy so với chú mình thế nào?

Sư đáp:

- Phật pháp của chú như nước biển cả, những gì tôi tiếp nhận được chỉ như lấy ngón tay chấm nước đưa lên môi nếm thôi.

Sư và vua hỏi đáp rất ăn ý, vua vui vẻ nói:

Thầy tuy ít tuổi nhưng chứng tách phi phạm, xin hãy ở lại đây để trầm cầu giới pháp. Sau đó vua lạy Sư làm thầy. Sư vào Trung Quốc, vua mời Sư trụ ở Thọ Ninh, Ngũ Đài. Năm Nhâm Thân, Sư đến kinh

đô, vương công đều đến xin thọ diệu giới. Khi thiên binh vây đánh Nam hạ, dân trong thành Tương cầu cúng Chân Võ, thần giáng bút viết: “Có thần đen lớn, lãnh binh từ Tây bắc sang, ta nên tránh đi.” Lúc bấy giờ cả thành chỉ biết nhìn gió mà tránh, binh không dám giết được. Đến khi phá được Thường châu, người ta thấy có rất nhiều Thần đen ra vào nơi cửa, dân chẳng biết nguyên do, đó đích thật là Ma-ha Cát Thích Thần (Hán dịch là Đại Hắc). Bởi Tổ phụ bảy đời của Sư thờ vị thần này rất kính cẩn, hễ cầu liền ứng nghiệm, đây là bằng chứng Sư trợ giúp nước nhà. Năm Ất Hợi, Sư tâu việc này với vua, vua cho dựng miếu Thần ở phía Bắc đất Trác, nguy nga tráng lệ, tượng thần uy nghiêm. Hễ gặp hạn hán, bệnh tật sâu bọ, dân đến cầu đều ứng nghiệm. Năm Tân Ty, Sư nhật được Đạo Tạng Hóa Hồ Kinh và tám mươi mốt Hóa đồ, đều là thứ huyền hoặc bịa đặt, Sư than: “Dùng tà mê hoặc chánh thế này thì quá lắm!”. Sư tâu lên vua, vua hạ chiếu mời chư đại đức của Thiên giáo và bọn Hàn Lâm Thừa Chế cùng đến cung Trường Xuân biện chứng. Vua hạ chiếu cho các lộ rằng: “Trừ Đạo Đức Kinh ra, các bản văn nguy tạo khác đều phải đốt sạch.” Đến năm Nhâm Ngọ, Sư cố sức xin về Tây, vua không cản Sư được.

Hồi đó Tương Ca thọ giới với Sư, kế thừa chức Quốc sư, trong đám môn nhân phần nhiều cho Ca là người tự tung tự tác, Sư trách cứ nhưng Ca vẫn không chừa, từ đó Sư cấm không cho ông ấy làm Đế Sư. Đến khi lên được ngôi tướng, Ca sợ Sư là người thẳng thắn, tâu thẳng lên vua, nên trước tiên Ca đến vua dùng lời khéo léo ca tụng Sư, nhờ vậy mà vua mời làm Quốc sư.

Ban đầu Sư đến Mân Tung, kế đó đi Tây Hạ, rồi đến Lâm Thao, người đến cầu pháp rất đông, không bao lâu bọn quyền thần gièm pha bảo Sư phải quay về bản quốc. Sư về cố hương, đàm bạc qua ngày. Năm Kỷ Sửu, Tương Ca sai sứ truyền chiếu chỉ thỉnh Sư về lại kinh đô, mời Sư ở lại chùa Thánh An. Tháng tư sư vào cung nhận chiếu đi trụ trì ở Triều châu, Sư vui vẻ dẫn thị giả Tích Giám Tạng sắm sửa ngựa xe ngay hôm đó về Nam. Ra khỏi cửa thành bỗng mưa gió sấm chớp nổi lên mù trời. Từ đất Biện, Sư vượt sông vào đến Mân Quảng. Sư đến đâu truyền giới pháp ở đó. Tháng tám, Sư đến Triều Dương, trụ ở chùa Khai Nguyên. Lúc này khu sứ Nguyệt Đích Mê Thất phụng chiếu Nam chinh. Hồi ấy Thất không biết Phật pháp, vợ ông bị bệnh lạ, thầy thuốc đều bó tay. Thất nghe tiếng Sư liền tìm đến xin Sư trị bệnh. Sư đến nhà ông ta lấy hết những tượng đồng cốt kia đốt hết, rồi cầm chuỗi hạt cầu nguyện, người bệnh đột nhiên tỉnh dậy khóc nói: “Tôi nằm mơ thấy một

người hình dung đen xấu dẫn tôi đi”. Thất ở trong quân trận nghe vợ mình hết bệnh khôn xiết vui mừng, rồi đánh thắng giặc. Từ đó ông dốc tâm hộ trì Phật pháp.

Sư nói với môn nhân: Triều châu là nơi Đại Điền và Hàn Tử đàm đạo, nên xây chùa để lợi ích chúng sinh. Khi tìm được nền cũ của chùa Tịnh lạc ở thành Nam rồi, dự định xin vật liệu, nhưng chưa biết tính sao. Chùa này trước đây có con sông, nhưng đã cạn từ lâu. Tháng năm năm Canh Dần bỗng có mưa to, nước sông lại chảy xiết có vô số loại gỗ quý không biết từ đâu theo dòng nước trôi đến. Ai nấy đều thất kinh, cho rằng do quỷ thần vận chuyển tới. Khu sứ đứng ra đốc công xây dựng. Chùa hoàn thành, Sư tự tay đắp tượng Phật, cúng dường cả vạn tăng để cầu phước cho chùa. Có lần Sư nói với Tích Giám Tạng: “Không lâu nữa ta đi nơi khác nên gấp rút hoàn thành ngôi chùa này”. Sau đó Sư về lại kinh đô. Vua ban cho chùa hai mươi khoảnh ruộng, sắc tứ là Bảo Tích Tự. Ít lâu sau có chiếu mời Sư về lại, Tương Ca đã bị giết. Mùa hạ năm Quý Ty, Hoàng thượng bệnh nặng, triệu sư vào cung dựng đạo tràng Quán Âm Sư Tử Hống, bảy ngày sau vua hết bệnh. Vua ban cho Sư năm mươi đỉnh bạch kim rồi hỏi về những gì Tương Ca gièm pha Sư là có hay không, Sư đem những việc trong lúc nghiệp đời trước trả lời, trăm quan thấy đều thất kinh. Vua nói với Sư: “Ngày trước thầy khuyên trăm dựng chùa ở Ngũ Đài, nay ta sai bọn Thị Thần Bá Ngạn, Ty Thiên Giám Tô Hòa Khanh đến xem địa thế, vẽ địa hình lại, đem về thầy xem.” Sư nói: “Đây không phải là việc nhỏ, Bệ hạ phát tâm thì chùa ắt thành”. Sau đó không lâu, vua băng hà. Tháng tư năm Giáp Ngọ, Thành Tông Hoàng Đế kế ngôi, liền sai Sứ mời Sư đến. Sư đến vấn an vua xong, tâu: “Xưa, lúc Thành Cát Tư Hoàng Đế lập quốc, đất đai chưa rộng, nhưng vẫn không lấy thuế lương của Tăng nhân, Đạo sĩ. Ngày nay bốn biển nhất thống, vạn bang triều cống, lẽ đâu vì chút lợi mà bỏ mất pháp chế, nếu bỏ được thuế ấy thì bệ hạ thân an, chí vững, lại ngõ hầu họ siêng năng tu hành để báo quốc.” Vua nói: “Thầy hãy bàn bạc với Thừa tướng Hoàn Trạch.” Sư tâu: “Việc này phải bàn với Trung Thư Tỉnh Sứ, nếu bệ hạ không đồng ý thì bàn bạc có ích gì.” Vua im lặng một lúc rồi nói: “Sáng sớm ngày mai đến trước tượng Thích-ca xá-lợi trong Đại An các cùng bàn việc tốt này, thầy phải đến sớm.”

Sáng hôm sau, Sư vào nội các ngôi sau Đế Sư, sai Tất Xà Xích Lăng tuyên Thánh chỉ. Vua quay sang hỏi Sư: “Nay đã miễn thuế cho Hòa thượng rồi, thầy hoan hỷ không? “Sư đứng dậy tạ ơn nói: “Tăng nhân trong thiên hạ đều nhận lãnh Thánh ân.”

Tháng tư năm Ất Mùi, niên hiệu Nguyên Trinh, Sư phụng chiếu trụ trì Chùa Đại Hộ Quốc Nhân Vương. Vua sai Thái Phủ sắm, đủ xe cộ, lễ nghi, bá quan đều theo hộ tống. Chùa này do Chiêu Duệ Thuận Thánh hoàng hậu lập nên, nó trang nghiêm lộng lẫy chẳng khác khu vườn trong thiên cung dời xuống trần gian. Năm này vua sai Sư mời Sư đến hỏi: “Quân mã Hải Đô xâm lấn bờ cõi Tây Phiên, thầy có thể dùng Phật sự hàng phục họ chăng?” Sư đáp: “Chỉ cần cầu Ma la Cát Thích, thì tự nhiên hiệu nghiệm. Vua hỏi: “Lập đàn ở đâu?” Sư đáp: “Ở Ung Sơn thuộc Tây bắc Cao Lương Hà có ngôi chùa, nơi đó yên tĩnh, làm Pháp sự thích hợp.”

Vua sai Tỉnh Phủ cung cấp vật dụng cần thiết, và giữ gìn cẩn mật. Vua nói với Thừa Tướng Đáp Thất Man, Thượng Thân Nhiễm Thần Hàn rằng: “Việc này dụng tâm như thế nào? Những gì Sư lý hội được là việc Sư nên làm, vậy trăm cũng lý hội được”. Thế rồi Sư dựng Mạn-noa-la, y pháp mà tác quán. Không lâu có tin báo về. Vua vui mừng khôn xiết. Tháng hai năm Nhâm Dần, vua xa giá đến Liễu Lâm rồi ngã bệnh, vua sai sứ mời Sư đến nói: “Thầy còn nhớ trăm thì xin đến ngay cho”. Sư đến nơi, vào điện đường tu Quán pháp bảy ngày bảy đêm thì vua khỏi bệnh. Vua hạ chiếu cho khắp chùa trong nước đọc Tạng Kinh. Rồi ban cho hương, lụa... đồng thời đại xá thiên hạ. Vua nói: “Nhờ Thầy giữ gìn mà trăm nay thân thể an Khang.” Nói rồi, vua cỡi thê bài thất bảo trên cổ cúng cho Sư. Hoàng hậu cũng cỡi xâu bảo châu anh lạc dâng cúng cho Sư, đồng thời còn dâng cúng nào là xe trượng thượng hạng, lừa ngựa, bạch ngọc, yên roi nạm vàng, hoàng kim bạch kim mỗi thứ một đĩnh, cùng mười tám cây lụa quý, lại có Ngự tiền hiệu úy, quân lính đi trước dẫn đường. Ngày hai mươi bốn tháng ba, vua tuần du lên phía Bắc, sai Sư ngồi xe voi đi trước xa giá, khi ngang qua Long môn ở Vân châu, Sư nói với đồ chúng: “Nơi đây là đất rồng đóng đô, có khi nổi mưa to gió lớn; lật nhào xe cộ, các ông nên Mật trì thần chú mà đợi. “Đến tối quả nhiên sấm chớp nổi lên, bốn phương đều chấn động chỉ có đoàn người đi không hề hấn gì. Đến Thượng đô, cận thần đều cảm tạ Sư nói: “Tai họa ở Long môn nhờ Sư mà an ổn”.

Mùa hạ năm Quý Mão, Sư có chút bệnh, vua sai ngự y đến xem bệnh, Sư cười nói: “Sắc thân có hạn, thuốc làm sao giữ được!”. Ngày mười tám tháng năm, Sư hỏi thị giả: “Bây giờ là lúc nào?” Thị giả đáp: “Đang đúng Ngọ”. Sư nghiêm sắc mặt, ngồi quay mặt về Tây thị tịch. Vua nghe Sư mất thương đau vô cùng, ban trăm hương Chiên-đàn cùng các loại hương quý khác tẩm liệm rồi đưa đến Thượng đô, dựng tháp

trà-tỳ trong chùa Khánh An. Vua và tứ chúng vô cùng thương tiếc Sư. Ngày hai mươi chín tháng này, vua sai Thừa Tướng Đáp Thất Man mở xem nhục thân thế nào, thấy xương đỉnh đầu của Sư không cháy, có vô số xá-lợi, kết thành miếng chẳng khác thảm bằng giạ. Đồ chúng tâu lên, vua càng tán thán sai đem lưu trữ trong Đại đô, sắm sửa lễ nghi, cử nhạc nghênh đón xá-lợi về an táng tại tháp Khánh An trong chùa Nhân Vương. Sư thọ bảy mươi bốn tuổi, tăng lạp sáu mươi hai hạ. Mật giáo ở Tây Thiên tôn Đại Trì Kim Cang là Thủ Tổ, đến đời Sư lại càng hưng thịnh, bởi vậy Sư có hiệu là Kim Cang Thượng Sư.

### **12. Vũ Tông:**

Mậu Thân: Vũ Tông Khúc Luật Nhân Tuệ Tuyên Hiếu Hoàng Đế lên ngôi, đổi niên hiệu Chí Đại, ngày hai mươi lăm tháng mười một đại xá thiên hạ.

Thụy tượng chiêm-đàn đã trụ được hai ngàn ba trăm năm.

Kỷ Dậu: Cho ra đời loại giấy bạc Chí Đại. Tháng mười vua hạ chiếu cho đúc tiền Đại Nguyên Thông Bảo và tiền nhỏ Chí Đại Thông Bảo. Ngày mười bảy tháng mười, đại xá thiên hạ.

### **13. Vua ban sắc lệnh soạn bài ký nói về Lâm Tế Chánh Tông:**

Năm Chí Đại thứ hai, Nội Hàn Triệu Mạnh Phủ phụng chiếu soạn văn bia nói về Lâm Tế Chánh Tông. Trong ấy ghi: Phật pháp dùng Đại trí tuệ phá tất cả có, dùng Đại Viên giác nhiếp tất cả không, dùng đại từ bi độ tất cả chúng sinh, khởi nguyên từ không nói năng đến không gì chẳng nói, không gì chẳng nói nhưng lại chẳng nói gì. Phạm đạo không nói năng thì không truyền được, truyền thì không dùng lời nói, bởi vậy đạo vượt ngoài ngôn ngữ. Đó là Thượng thừa tối thượng của Phật pháp, như đốt củi lấy lửa, củi cháy hết nhưng lửa truyền không dứt. Vì vậy Thế Tôn niêm hoa, Ca-diếp mỉm cười. Trong tích tắc ấy siêu nhiên trực nhận, vậy đâu thể dùng ngôn ngữ câu mà được! Từ Ma-ha Ca-diếp truyền xuống hai mươi tám đời thì đến Bồ-đề Đạt-ma. Khi mới vào Trung Quốc, ngài ở chùa Thiếu lâm trên Tung sơn, ngồi xoay mặt vào vách suốt chín năm. Đạt-ma truyền xuống sáu đời thì đến Tuệ Năng, Tuệ Năng truyền xuống mười đời thì đến Lâm Tế. Lâm Tế sinh ở Tào châu, du học ở Giang Hữu, thờ Hoàng Bá, hỏi đại ý Phật pháp, Hoàng Bá liền đánh. Cứ thế ba lần hỏi, cả ba lần đều ăn gậy. Ngài từ giả Hoàng Bá qua tham học với Đại Ngu, nói: “Chẳng biết lỗi ở chỗ nào? Đại Ngu nói:” “Hoàng Bá đã hết lòng giải khốn cho ông vậy, mà ông

còn tìm lỗi nữa ư!”. Ngay lời này Sư hoá nhiên đại ngộ, về Trấn Châu dựng thất ở phía trên sông Hô Đà, nay là viện Lâm Tế, nhân đó có hiệu là Lâm Tế Đại sư. Đối với đạo, Sư đạt tới đại cứu cánh. Từ Lâm Tế trở lên đến chư Phật, từ chư Phật trở xuống đến Lâm Tế, Thánh trước Thánh sau không hề gián đoạn. Chỉ thẳng dạy người, cơ phong vùn vụt, học giả mà nghe thì đoạn sạch thấy biết, trong ngoài đều không còn chỗ nương tựa. Từ ngài Tuệ Năng về sau, Thiền tông chia thành năm dòng, nhưng chỉ có ngài được gọi là chánh tông. Đời thứ nhất truyền cho Hưng Hóa Tồn Trưởng, đời thứ hai truyền xuống Nam Viện Ngung Công, đời thứ ba truyền cho Phong Huyệ Diên Chiêu, đời thứ 4 truyền cho Thủ Sơn Tỉnh Niệm, đời thứ năm là Ngũ Tổ Pháp Diễn, Pháp Diễn truyền cho Thiên Mục Tế Công, Tế Công truyền cho Lại Ngưu Hòa Công, Hòa Công truyền cho Trúc Lâm Bảo Công, Bảo Công truyền cho Trúc Lâm An Công, An Công truyền cho Hải Vân Đại Tông Sư Giản Công. Hải Vân tánh hợp với đạo, tâm khế với pháp, nhỏ thì không gì chẳng thể nhập, lớn thì không gì chẳng gồm thâu. Ngài trụ viện Lâm Tế, tiếp nối tổ nghiệp khuôn chánh mối đạo, Phật pháp lúc này cực kỳ hưng hóa. Khi Tế Tổ Thánh Đức Thần Công Văn Võ Hoàng Đế chưa lên ngôi, Đế quên mình là bậc chí tôn, thỉnh ngài đến hỏi pháp yếu, dù vua thường không thấu hiểu hết ý tứ của ngài, nhưng vua vẫn lấy tâm từ ái không giết hại làm nền tảng. Đệ tử lớn của ngài có hai người là Khả Am Lăng Công và Trách Am Hoàn Công. Lăng Công độ Tất Am Mãn Công và Thái Phó Lưu Văn Trinh. Hoàn Công độ Tây Vân Đại Tông Sư An Công. Sư thấy Văn Trinh là người túc trí lanh lợi nên sai ông theo phụng sự Thế Tổ hoàng đế. Lúc này vua tôi cùng hoạch định kế sách vỗ yên thiên hạ, công sâu đức dày đứng đầu là Nguyên Nguyên, cuối cùng ông ấy là bề tôi có công lớn, đó đều nhờ ngài dạy bảo thành tài. Năm Nguyên Trinh năm đầu, Thành Tông hạ chiếu thỉnh Tây Vân trụ trì chùa Đại Khánh Thọ ở Đại Đô, rồi vua hỏi pháp yếu, trải qua ba triều, khai mở đạo huyền, nhập trí chư Phật, biện biệt Tam thừa, rõ ràng minh bạch. Từ đó đạo của Lâm Tế càng thịnh hành rộng khắp. Nay Hoàng đế vâng mệnh Tổ Vũ, sáng tỏ diệu tâm, khắc ngọn làm ấn, ban cho Tây Vân, đó là ấn Lâm Tế Chánh Tông, gia phong ngài chức Vinh Lộc Đại Phu Tư Không, chủ trì việc của Tông Lâm Tế, xuống chiếu dựng bia ở viện Lâm Tế, sai thần là Mạnh Phủ soạn văn bia để xiển dương mối đạo của Phật, Tổ, để muôn đời bất hủ. Thần là Mạnh Phủ đã trình bày thứ lớp truyền thọ, nay xin làm bài minh:

*Phật có chánh pháp, tâm giác minh diệu*



Truyền hai tám đời, rồi đến Thiếu Lâm  
 Vòi vọi Thiếu Lâm, làm thầy Chấn Đán  
 Khiến cho giống Phật, chẳng bị đoạn đứt  
 Truyền xuống mười đời, thì đến Lâm Tế  
 Nguồn đạo thẳng bằng, chỉ bày khai thị  
 Đời thứ mười sáu, là ngài Hải Vân  
 Ngồi đạo tràng Tổ, nối tiếp mạng mạch  
 Chỉ Thế Tổ ta, gánh vác mệnh trời  
 Uy vang chín châu, phụng Phật kính tín  
 Nghe danh tiếng ngài, như Hiền Thánh xưa  
 Chỉ nói một lời, khế nhập Thánh ý  
 Nhân từ không sát, lợi ích bao la  
 Lạm đại đệ tử, tả hữu của vua  
 Đến ngài Tây Vân, tiếp nối đạo nghiệp  
 Ngồi tòa Sư Tử, diễn thuyết cho chúng  
 Người nghe tán dương, kẻ tin nô nức  
 Người chứng như báu, người ngộ như không  
 Nay Thánh Hoàng Đế, khế sâu đạo mẫu  
 Rằng Lâm Tế Tông, chỉ thầy tiếp nối  
 Tức tâm là Phật, hợp thời hợp thế  
 Truyền chẳng dùng lời, mà dùng tâm nhận  
 Hoàng đế vạn thọ, chánh pháp mãi truyền  
 Để người đời sau, biết rõ nguồn cội.

#### 14. Văn bia nói về Khất Đài Tát Lý:

Vua sắc tứ văn bia của Khất Đài Tát Lý Thần Đạo, Triệu Tử  
 Ngang soạn văn bia. Trong ấy nói: “Thái Tổ hoàng đế sau khi thọ mệnh  
 trời, bình định các nước phía Tây bắc thu phục Hồi Cát, Tối Cương, Tối  
 Tiên, rồi hạ chiếu cho chủ nước ấy là Hoàng tử thứ năm tên Xích Đô  
 Hộ kết nghĩa anh em với các hoàng tử khác, ân sủng khắp các nước. Từ  
 đó bất kể kẻ hiền tài nào cũng đều bắt chước triều đình ta. Trong năm  
 Chí Nguyên, Đại Đức, bề tôi trị vì không phải là người có công đánh  
 thành phá lũy, không có cái dũng của kẻ chém tướng giết cờ nhưng đạo  
 gồm cả Nho Thích, học vượt cả trời người, coi mình là kẻ tâm phúc của  
 Thiên tử, đảm trách việc sống còn của muôn dân chỉ có Triệu Quốc  
 Văn Định Công mà thôi. Ngày nay, lúc Hoàng đế lâm triều được bảy  
 năm, mới thực hành theo điển tịch của Bao Tuất, rồi ban tặng Tổ phụ  
 của ông tước quan, phong công lao, năm sau lại ban cho bia mộ, sai thần

là Mạnh Phủ soạn văn bia. Khi Thế Tổ còn, ông giữ chức Bình Chương Chánh Sự, Thân giữ chức Binh Bộ Thượng Lang Trung, Việt Tẩu Tỉnh Thát Thức Công là bạn cũ của ông, nhiều lần cùng ông bàn bạc chánh sự, biết rõ về ông, nên không dám coi thường Thánh chỉ.

Ông húy là Khất Đài Tát Lý, từ nhỏ theo học Phật pháp với Trí Toàn Mật Lợi Khả Ngô Pha Địa Sa, ông tinh thông biện luận, ai nấy đều suy tôn ông, vua ban ông chức Thuần Thành Thủ Chánh Công Thân Thái Bảo Nghi Đồng Tam Ty Thượng Trụ Quốc, và truy phong làm Triệu Quốc Công, ban thụy là Thông Mẫn. Ông lại theo Quốc sư Tư Bát học về Mật thừa, không đầy vài tháng đã học thông suốt, lại học Hán ngữ và ngôn ngữ của các nước khác. Thế Tổ biết ông là người tài nên bảo ông học sách Hán ngữ, ông vâng lời, từ đó thông suốt các kinh tịch Bách gia. Các sách như âm dương, lịch số, đồ sấm, phương kỹ ông đều tinh thông. Lúc Quốc sư về Tây có dẫn ông theo. Hơn năm sau, ông xin về. Sư tiễn ông đi và nói: “Sở học của ông, không phải là đệ tử Phật, ta không dám để ông lạy làm thầy, ông gắng mà phụng sự minh quân.”

Hai người bện rịn chia tay. Ông về đến triều mới biết Sư đã nhờ Thượng Thư tiến cử ông rồi. Dụ Tông nghe danh ông liền triệu vào cung, cho ông hầu hạ và làm văn thư. Mùa đông năm Chí Nguyên thứ hai mươi, có hai vị Tăng từ Tây Vực sang, tự nói mình biết Thiên tượng. Hoàng thượng triệu những người thông biết thiên tượng cùng họ biện luận nhưng biện không lại. Thoát Liệt nói ông có thể biện hơn, vua liền sai người triệu ông đến biện luận, hai vị Tăng liền bái phục vì không bằng ông. Hoàng thượng rất vui. Mùa hạ năm sau, Trạc Triều Liệt Đại Phu Tả Thị Nghi phụng chiếu dựng Tập Hiền Quán, vua sai ông chủ trì. Ông xin tiến cử Tư Đồ Tản Lý Man chủ trì, rồi vua cho ông giữ chức Trung Thuận Đại Phu Tập Hiền quán Học Sĩ kiêm Thái Sử Viện Sự. Mùa hạ năm sau, ông đổi qua chức Gia Nghị Đại Phu. Mùa xuân năm sau, ông lại giữ chức Tập Hiền Đại Học Sĩ Trung Phụng Đại Phu. Mùa xuân năm sau, ông được phong làm Tư Đức Đại Phu Thượng Thư Hữu Thừa và kiêm Thái Sử Viện Sự. Mùa đông ông được phong Vinh Lộc Đại Phu Bình Chương Chánh Sự kiêm Tập Hiền Đại Học Sĩ Thái sử Viện Sự. Năm thứ hai mươi tám, ông xin nghỉ bớt chức tước, chỉ làm Tập Hiền Đại Học Sĩ. Năm thứ ba mươi tám, ông lại lãnh thêm chức Thái Sử Viện Sự. Từ khi bắt đầu làm quan đến nay, ông đã tám lần đổi chức, nay giữ thêm chức kiêm Tả Thị Nghi Phụng Ngự. Năm sau, Thế Tổ băng hà, Dụ Tông hoàng hậu sai ông thống lãnh các quan trong Hàn Lâm Tập Hiền Thái Thường Lễ, chuẩn bị chu đáo lễ nghi đón Thành

Tông Hoàng Đế lên ngôi. Mùa xuân năm sau do có công nên vua gia phong ông làm Tư Đồ. Đại Đức năm thứ ba lại bãi phong ông làm Bình Chương Chánh Sự. Mùa xuân năm thứ mười một, Thành Tông băng hà, ông thương khóc thành bệnh. Ngày mười bảy tháng tám, ông mất ở Phát Tường Lý Đế trong Đại Đô thọ sáu mươi ba tuổi, an táng tại Tử Nguyên, Nam Cương, thành Tây.

### **15. Thiền sư Hoa Nghiêm Chí Ôn ở Thượng đô:**

Vua sắc tứ bài minh trên tháp của Thiền sư Phật Quốc Phổ An Chí Ôn. Thị Thư Khuê Chương Các Ngu soạn văn bia. Trong ấy ghi: Sư húy Chí Ôn, tự Kỳ Ngọc, còn có hiệu Toàn Nhất, họ Xích, người Hình Châu. Thuở nhỏ đã thông minh dị thường. Lên sáu tuổi, mẹ Sư dẫn Sư đến thôn Bàn Mã gặp Hòa thượng Tịch Chiếu ở viện Tịnh Độ, Tịch Chiếu nói: Ông lẽ đâu làm họ Thích chăng! Sư thâm nhận. Gặp lúc Tịch Chiếu tránh loạn về ở ẩn tại Liêu Tây, Sư lạy đệ tử của Tịch Chiếu là Biện Am Nột Công và được thế phát. Lúc này Vô Hoàn Phú Công chủ trì viện Tịnh Độ, dạy chúng rất nghiêm, Sư vẫn thuận theo. Năm Canh Dần, Vô Hoàn khai pháp ở Vạn Thọ, Sư cùng mười tăng khác qua phụ giúp. Vạn Tùng Mỗ Công dùng tông chỉ của Thanh Châu Biện Công để khai mở pháp yếu. Vạn Tùng là người rất thoáng trong thiền môn, bốn phương đều kính trọng. Khi gặp Vạn Tùng Sư, mới biết ông ấy tài khí hơn người, tuy chúng ta không ưa mấy, nhưng ông ấy là người học rộng nghe nhiều biện tài vô ngại, sách của Bách Gia Chư Tử, ông đều thông suốt lại giỏi chữ Thảo, thư pháp rất căn bản. Năm mười sáu tuổi, Sư làm thị giả Vạn Tùng. Tất cả kệ tụng pháp ngữ của Vạn Tùng chỉ cần nghe qua Sư đều thông hiểu, thấu đạt pháp yếu. Vạn Tùng thường cho thị giả thay mình ứng đối. Sư ứng đối lanh lẹ, không ai địch nổi, người đương thời ai nấy rất ngưỡng vọng Sư.

Cố Thái Bảo Lưu Văn Trinh Công lớn hơn Sư một tuổi, thiếu thời hai người rất thân nhau. Lưu Công chán đời nên để tâm học đạo, Sư khuyên ông ta nên làm Tăng, cùng tham học với Bảo Thắng Minh Công ở Tây Kinh. Sau đó bị Thế Tổ biết, vua đưa ông vào triều cho làm mưu thần. Lưu Công tiến cử Sư với vua, vua mời Sư đến nói năng hợp ý, vua rất vui, bảo Sư làm quan, Sư không nhận nói: “Phật pháp lưu hành khắp thiên hạ đó là ước mong của Thần, giàu có không phải là điều thần mong muốn”. Vua giữ Sư trong cung, hết lời khen ngợi Sư. Sư ở ba năm thì xin về, vua ban cho Sư vàng bạc, vật dụng hàng ngày, không sao kể hết. Lúc này Hiến Tông Hoàng Đế thỉnh Hải Vân chủ trì nền Phật giáo,

hạ chiếu mở đại giới đàn truyền giới, Sư tuân chỉ thông báo khắp trong nước rồi phụ giúp Hải Vân hoàn thành Phật sự.

Thế Tổ chinh phạt Vân Nam trở về, Lưu Công tâu xin vua ban cho Sư hiệu là Phật Quốc Phổ An Đại Thiên sư, thống lãnh mọi việc của Tăng Ni trong Hà Nam, Nam Kinh... năm lộ thuộc Quan Tây, Thái Nguyên Phủ Lộ và các Châu như: Hình, Lạc, Tư, Hoài, Mạnh Châu. Vua khắc ấn rồi ban cho Sư, Sư hết lòng hộ trì Phật pháp, phạm ruộng đất, tự viện của Tăng chúng bị bọn nhà giàu và giáo phái khác chiếm lấy, Sư đều cố sức đòi lại. Sư vân du khắp nơi thỏa mãn chí hướng cầu học của mình mới chịu dừng bước. Trong đám môn nhân Sư thường khuyên đồ chúng ít nghỉ ngơi, đừng giải đãi. Cuối đời Hiến Tông, Tăng và Đạo sĩ nổi lên tranh giành, ai nấy đều đem lời không thật kích bác lẫn nhau. Vua hạ chiếu cho tập trung tại Hòa Lâm biện luận để phân biệt thật giả. Sư theo các vị Đại Đức ở chùa Thiếu Lâm đến biện luận với Đạo Sĩ. Bọn Đạo sĩ biện không lại, và đã có mười bảy người thế phát làm Tăng, lấy cả trăm ngàn cung quán của Đạo sĩ. Trong năm Trung Thống, Phật giáo rất thịnh, Tăng chúng đều nhờ cậy và rất biết ơn công lao của Sư, nhưng Sư xin nộp ấn từ quan. Tiền bạc do vua ban hằng năm, Sư dùng để tu bổ chùa viện, còn bản thân vẫn sống đạm bạc như xưa. Ngày hai mươi hai tháng năm năm Đinh Mão niên hiệu Chí Nguyên, Sư có chút bệnh rồi nằm nghiêng bên phải đầu hướng về Tây, thị tịch tại chùa Thiên Cung ở Hoàng Châu. Trời nóng bức nhưng sắc diện của Sư vẫn như người sống, lại có mùi hương lạ tỏa ra suốt ba ngày. Lúc trà-tỳ, quả tim, lưỡi, răng của Sư không cháy, dân chúng đào sâu đến mấy thước vẫn còn thấy xá-lợi. Sư thọ năm mươi một tuổi, tăng lạp bốn mươi chín hạ.

Thần nghe Thái Tổ hoàng đế đức độ như trời, khéo dùng kẻ hào kiệt. Từ khi chưa lên ngôi đến lúc gồm thâu bốn biển, người tài trong thiên hạ, lớn nhỏ đều theo về, bởi đủ những bậc kỳ tài nên nghiệp lớn thịnh vượng. Vòi vọi thay! Hào hùng thay! Từ Tam Đại trở xuống hết thấy các bậc đế vương chưa ai sánh kịp. Họ Thích lấy tịch diệt làm tông, mà những người tài giỏi, văn chương biện luận như Ôn Công cũng đâu phải là hạng tầm thường. Thần mạo muội nêu bày để biểu dương ông ấy để thấy rằng vương đạo hưng thịnh, bởi những người như thế. Bài Minh rằng:

*Chỉ Thế Hoàng xưa, mở mang bình định  
Lập ra bờ cõi, có cung có thành  
Nhìn về phương Đông, suối ngọt đất tốt*

Muôn loài đến đặng, xây tường dựng nền  
 Lập đền nhân nghĩa, tên là Long Quang  
 Cầm quyền cai trị, Tăng có anh tài  
 Khí phách ngang trời, luận như mưa gió  
 Ngang dọc tới lui, chẳng dám khinh ta  
 Việc làm Thế Hoàng, lưu danh sử sách  
 Thấy biết thông dong, vượt ngoài tạp nhạp  
 Chuyên cần làm thiện, chẵn đất dân lành  
 Báo đức khôn cùng, như Học bay cao  
 Dòng Thích đông đúc, thọ giáo an túc  
 Ai dám ngăn chia, vào chủ ra nô  
 Thiên tử có lệnh, giữ chân bỏ ngục  
 Ta đuổi ta theo, hàng phục tất cả  
 Từ Yên đến Triệu, đến tận Thiểm Quan  
 Ruộng ta nhà ta, đều về như cũ  
 Một đời Thế Hoàng, lợi dân đâu nhỏ  
 Mà họ Thích ta, chấn hưng không dứt  
 Thời thầy Long Quang, mai danh ẩn tích  
 Để tâm vào việc, soạn sách làm thơ  
 Thơ nêu tông phong, sách bày nhân hạ  
 Thuật đủ mọi việc, đáng bỏ bỏ ngay  
 Danh tăng đương thời, cho đến công khanh  
 Điều thuật hành trạng, ngài đi đột ngột  
 Thọ tám mươi năm, vẫn như còn đó  
 Ai biết biểu dương, bấy đời kể tự  
 Nêu danh nghĩa cử, Thiên Tử vui mừng  
 Sử thần ca ngợi, để mãi khắc ghi.

Canh Tuất: Tháng giêng, cho dùng tiền cũ của những triều trước.  
 Ngày mười tám tháng mười đại xá thiên hạ.

Đại sư Lỗ Quốc Trung Vũ Vương Mộc Hoa Lê thân cao bảy thước,  
 đầu cọp, râu hùm, mặt đen, có nhiều mưu lược, hùng dũng nổi tiếng một  
 thời. Ông và Bát Nhĩ Thuật, Bát Nhĩ Hốt, Xích Lão Ôn đều là người  
 trung dũng phò tá Thái Tổ, thời bấy giờ người ta gọi họ là Xuyên Lý Ban  
 Khúc Luật, theo tiếng Hán có nghĩa là Tứ Kiệt. Thái Tử thân hành qua  
 đông Ấn Độ, Thiết Môn Quan Thị Vệ thấy một con thú hình nai, đuôi  
 ngựa, màu xanh, có một sừng, biết nói tiếng người. Nó nói: Ông nên  
 sớm lui binh về. Vua lấy làm lạ hỏi Gia Luật Tấn Khanh Sở Tài, Tài  
 tâu: Con thú này tên là Giác Đoan, mỗi ngày đi mười tám ngàn dặm,

biết nói bốn ngôn ngữ của Man Di, đó là điềm nó ghét giết người, bởi vậy trời sai nó xuống báo với bệ hạ, mong bệ hạ thuận lòng trời tha mạng cho muôn dân các nước này đi, đó quả thật là phước lớn vô cùng của bệ hạ. Ngay hôm đó vua truyền chỉ hồi kinh.

Tân Hợi: Ngày năm tháng giêng, thể theo hai mươi ba tháng mười một năm trước là ngày Giao Kỷ nên đại xá thiên hạ. Ngày mười tám tháng ba, vua lên ngôi đại xá thiên hạ, ban gấm vóc cho người già. Tháng tư cấm sử dụng tiền đồng mới và cũ, cùng loại tiền Đại ngân sao.

### **16. Luận về việc cách bỏ Tăng, Đạo nha môn:**

**Luận rằng:** Kỳ vọng ngũ vị để tiến tu, chuyển Nhị Y mà thành đạo quả là Bồ-tát Thượng Thừa. Chuyên tu Tứ Hướng mà chứng thành Tam Sinh Bách Kiếp (ba đời trăm kiếp) tỏ rõ danh hiệu là Duyên giác Thanh văn. Phẩm vị của Thánh Hiền trong giáo môn trình bày rất rõ. Chỉ riêng tỏ ngộ tự tâm Nhập tri kiến Phật thì ngàn thánh còn không làm, làm gì có giai cấp. Phật giáo du hóa đến đông độ hơn ba trăm năm mươi năm, Hậu Ngụy Tôn Sa-môn Pháp Quả ở Triệu quận làm người quản lý tất cả Sa-môn, cùng dưỡng vẫn chưa thấy đủ lại còn phong cho quan phẩm đó là chức Phụ Quốc Nghi Thành Tử Trung Tín Hầu, rồi sau phong tước là An Thành. Việc phong quan khởi nguyên từ đó. Nhà Lương phong cho Tuệ Siêu chức Thọ Quang Điện Học Sĩ, nhà Hậu Chu lựa chọn những người có tài học vấn ưu việt trong Tăng, Đạo, bổ sung vào Thông Đạo Quán Học Sĩ, nhưng phải thay đổi sắc phục. Đời Tùy phong Ngạn Tông làm Phiên Kinh Quán Học Sĩ. Đường Trung Tông năm Thân Long thứ hai, xây chùa Thánh Thiện xong, vua gia phong Tuệ Phạm, Tuệ Trân, Pháp Tạng, Đại Hạnh, Hội Tịch, Nguyên Bích, Nhân Phương, Sùng Tiên, Tiến Quốc cả thảy chín người quan hàm Ngũ Phẩm và Triệu Tán Đại Phu, bởi họ có công lao đắp tượng sửa chùa. Sau đó, vua gia phong Tuệ Phạm làm Chánh Nghĩa Đại Phu Thượng Dung Quận Công, phong cho trụ trì đến chức Ngân Thanh Quang Lộc đại phu. Bổng lộc, phòng ốc của họ giống như quan chức. Huyền Tông giải toả được nỗi lo trong lòng thì Tăng Thanh Nhuận được phong quan Tam Phẩm; chữa lành bệnh cho Ninh Vương, Tăng được ban cho Phi Bào; Đại Tông gia phong cho Bất Không Tam tạng chức Khai phủ Nghi Đồng Tam Ty Tiêu Quốc Công, thực ấp ba ngàn hộ, nhưng ngài cố từ không nhận và nói: “Tôi dùng pháp cứu đời, chứ không có ý liều mình làm nhận quan tước”. Bởi vậy trong việc phong quan, chỉ có Bất Không

là người cao vời nhất. Hai triều Tống, Kim, phong tục Nam Bắc tuy khác nhưng việc phong quan tước cho họ Thích vẫn còn ghi rõ trong sử sách, nhưng việc vẫn tuân theo luật quan, ban cho ấn tín thì chưa được nghe. Đến khi Hoàng Nguyên Thế Tổ hoàng đế ta thống nhất thiên hạ, đặt ra phép tắc, nảy ra sáng kiến cho rằng lấy tục áp đặt cho Tăng cũng đâu đánh mất sự sùng kính, nên khẩu dụ khắp thiên hạ, lập ra Tuyên Chánh Viện, Tăng Lục, Tăng Chánh, Đô Cương Ty ban cho ấn tín, bổ đi các lộ chủ trì giáo môn, hộ trì việc giảng pháp, đó là nhờ Thiên Tử anh minh không cô phụ di huấn của Phật. Thế nhưng bọn buôn quan bán tước, bẻ bất tài hám tước, lợi dụng lòng tốt của vua để tự nâng mình lên, bôn ba luồn cúi, sống ô nhục chẳng biết thẹn, lấy việc ra vào nơi ồn ào, tới lui nơi kiệu cáo cho là đặc chí, chưa được thì không ngán, đến nỗi như Nang Gia Ba Tăng Lục lấy giỏ hốt tiền của Sơn tăng mà cho là không trái với luật hạnh. Có thể nói đó là trùng trong thân Sư Tử vậy. Lúc Nhân Tông Hoàng Đế còn ở Trữ Cung tận mắt thấy cái tệ này, liền giáng chỉ trừ Tuyên Chánh viện ra, còn lại phải thay đổi hết. Việc làm này cũng là không cô phụ lời phó chúc trên Linh Sơn. Than ôi! Triều đình mà còn phong quan phong tước, thì tăng nhân còn tranh giành quan vị, quan vị mà chưa thỏa thì lòng tham vẫn chưa đầy, dù không nuôi dưỡng vợ con, quỳ lạy quân thân, nhưng có khác gì Chức nữ Thất Tướng dắt trâu mang ách đâu! Biết rõ như vậy nên không nhận, cao sáng thay! Tam tạng Bất Không! Có công lớn với giáo pháp nhưng vẫn hổ thẹn với sự lạm dụng, nay tại sao người ta lại nói muốn lạm dụng danh nghĩa?

### **17. Nhân Tông:**

Nhâm Tý: Nhân Tông Văn Anh Vũ Chương Hoàng Đế, ngày hai mươi chín tháng mười, ông lên ngôi, đại xá thiên hạ, đổi niên hiệu Hoàng Khánh.

Quý Sửu: Ngày mười tám tháng mười vua hạ chiếu cho khoa thi dùng nghĩa kinh chọn kẻ sĩ.

Giáp Dần: Ngày hai mươi hai tháng giêng, đổi niên hiệu Diên Hựu, đại xá thiên hạ. Tháng mười một, sai sứ đi kinh lý thuế ruộng ở Giang Tây, Giang Triết, Hồ Quảng.

### **18. Tam tạng Pháp sư Sa-la-ba:**

Tam tạng Pháp sư Hoằng Giáo Phật Trí thị tịch. Sư họ là Tích Ninh, húy là Sa-la-ba Quán Chiếu, thờ Thượng Sư Trước Lật Xích học Phật pháp, rất giỏi phiên dịch, lại liễu đạt pháp yếu Bí mật. Thế Tổ

hoàng đế có lần thọ giáo với Đế Sư Phát Tư Ba, mời Sư đến thông dịch. Sư dùng ngôn từ sáng tỏ rất hợp ý vua. Vua ban cho Sư hiệu là Đại Biện Quảng Trí Pháp sư. Dân ở Hà Tây tôn kính Sư không dám gọi đích danh mà chỉ gọi họ, đến như đệ tử cũng đều gọi Sư là Tịnh Ninh Pháp sư Gia, đủ thấy ai nấy tôn kính Sư đến mức nào. Sư có bốn anh em, Sư là người nhỏ nhất. Lúc còn trẻ chỏm đã theo Đế Sư Phát Tư Ba xuống tóc làm tăng, học pháp Quán Đảnh của chư bộ. Thời bấy giờ có họa sĩ Thích Ôn Bốc rất giỏi về pháp yếu Mật Thừa của Diễm Man Đức Ca, là người nổi tiếng đương thời, Đế Sư sai Sư đến thọ học với ông. Ôn Bốc thấy Sư là người kỳ tài học thức uyên bác, người thường không sánh kịp nên đem bí yếu truyền cho Sư. Vì vậy Vương công đại nhân, tất cả những ai muốn học pháp này đều đến lễ Sư làm thầy và thọ học. Đế Sư Ca La Tư Ba Cán Tức Lý thấy Sư có tài nên tiến cử Sư với Thế Tổ. Vua hạ chiếu mời Sư dịch các bí yếu truyền cho đời. Thời bấy giờ Tăng Ty tuy thịnh nhưng cũng lắm kẻ bê tha, quan lại sở tại đã không có tài năng khiến cho chánh pháp vang danh thiên hạ, trái lại họ là mối hại của chư Tăng. Loài trùng độc bám vào mặt ghế tuy muốn trừ khử nhưng đâu thể diệt sạch, mà tệ hại nhất là vùng Giang Nam. Từ lâu triều đình đã cho tuyển chọn người tài năng là muốn chính đốn mối hại này. Họ thưa với Đế Sư, ai nấy đều nói trong ngàn muôn người như vậy lẽ đâu không có người tài năng? Mà người biết thời chắc chắn không ai tài giỏi hơn Sư. Thế rồi vua hạ chiếu cho Sư giữ chức Thích Giáo Tổng Thống các vùng như Giang Triết... Sư đến giải quyết mọi phiền toái bằng tấm lòng khoan dung, quảng đại, dân ở đây từ đó được yên. Sau Sư đổi qua giữ chức Thích Giáo Tổng Thống các vùng Phước kiến... do bản tánh ngay thẳng, nên thường không tránh khỏi không hợp ý người khác. Sư nói: Thiên hạ còn không có việc gì huống gì giáo môn! Mọi sự là do chúng ta ngu mê tự gây phiền toái mà thôi. Phàm đặt ra nhiều chức quan thì chuyện phiền toái càng lắm, nay chư tăng thấy rắc rối là do lắm chuyện phiền toái, quan chức quá nhiều. Mười con dê mà chín người chăn thì sự phiền phức làm sao kể hết. Sư kiến nghị nên bãi bỏ quan chức của chư Tăng. Sư tâu lên vua, vua hạ chiếu bãi bỏ quan Sở của các lộ, ai nấy đều khen Sư là người cao kiến. Khi được mời làm quan Sư liền mai danh ẩn tích chốn núi rừng, dựng thất trồng cây, sống vậy đến cuối đời. Đến năm Đại Trung, Hoàng Thái Tử sai người đến mời Sư vào Kinh Sư, hạ chiếu phong Sư làm Quang Lộc Đại Phu Tư Đồ. Nhân Tông Hoàng Đế lúc chưa lên ngôi, từng hỏi pháp ở Sư, biết Sư là người hiền tài, nên sau khi lên ngôi, vua càng đãi ngộ Sư hơn. Vua hạ chiếu chu cấp vật dụng



và thỉnh Sư trụ trì chùa Khánh Thọ, và hạ chiếu cho ấn bản lưu hành tất cả những dịch phẩm của Sư. Thuở nhỏ, Sư đã là bậc đỉnh ngộ, ngôn ngữ các nước khác dù không học nhưng Sư nói thông suốt. Từ lúc còn nhỏ ai nấy cho rằng ngày sau Sư tất thành người xuất chúng, đến lớn quả nhiên. Sư nổi tiếng ở đời, làm đến chức Tam công. Đã có tài đức, lại gặp được thời, ấy là nhờ trước đây tụng đọc kinh Phật, thông tỏ nghĩa lý, thấu hiểu tận tường đến chỗ sâu xa. Con người của Sư thích người hiền, mến người tài, lại rất biết dùng người, đàm luận thì chỉ mới nói ra, Sư đã thấu tỏ hơn một nửa. Bởi vậy, tất cả những gì Sư thành đạt đều nhờ học hỏi mà có, vì vậy những người tài năng đều theo Sư thọ học, Sư giao du đối xử nhau như thầy bạn.

Ngày năm tháng mười năm Diên Hựu năm đầu, Sư mất, thọ năm mươi sáu tuổi. lúc mới bị bệnh, vua ban cho Sư vạn đồng tiền Trung Thống Sao để chạy thầy chạy thuốc, đến nỗi Thái Úy Thẩm Vương không khỏi đổ kỵ. Đến khi Sư tịch, vua lại ban cho vạn tiền để lo việc chôn cất, sai Sứ đưa nhục thân Sư về cố hương an táng. Môn nhân đệ tử cùng nhau dựng tháp, Thọ An Sơn Vân Lộc Hồng Công soạn bài minh rằng: Phật pháp được hoàng truyền ắt nhờ phiên dịch, bởi vậy dịch từ Phạm sang Hán, dù dịch chẳng theo danh vật, hay chỉ lấy nghĩa thôi, ắt phải là người bác thông kinh luận, giỏi cả hai ngôn ngữ, thì mới làm được. bởi vậy ngài Đạo An từng nói: “Phiên dịch những lời nhiệm mầu, năm phần đánh mất đi ba, cũng đã là khó lắm rồi, bởi vậy không phải người tài năng thì không thể nào làm được”. Vì thế trong mười khoa được lưu truyền, phiên dịch đứng đầu, đâu không phải là phiên dịch là công việc khó làm, công lao lớn nhất đó sao!

Tôi từng cùng các vị ở Kinh ấp phụng chiếu vua giảo đính lại tạng điển, xem khắp các nhà phiên dịch từ xưa đến nay, dịch kinh như La-thập đời Tần, dịch Luận như Huyền Trang đời Đường, cả thấy đến mấy mươi dịch gia, có thể nói là từ xưa đạo ta đã không gián đoạn rồi. Ngoài ra có bản nghĩa còn mù mờ, có bản văn từ còn lủng củng. Nghĩa mù mờ là do người dịch chưa hiểu thấu câu văn, văn từ lủng củng là lỗi của người nhuận sắc. Nghĩ lại lời của An Công, đủ thấy tài cao ngất như thế mà vẫn gọi là không dễ, người dịch ngày nay có cho là dễ không? Từ cuối thời tượng pháp đến nay, dịch trường mãi bỏ không, người có khả năng lại ít, trong lúc người vật điều tàn thế này có gặp được một người như Sư chăng? Xem những dịch phẩm của Sư đủ thấy Sư là người tài năng biết bao!

**19. Luận sư Phổ Giác Anh Biện ở Tần châu:**

Pháp sư Phổ Giác ở Tần Châu thị tịch. Từ sau đời Tùy Đường, người truyền bá Phật giáo, ai nấy đều theo chủ thuyết của mình, từ đó chia thành ba tông. Từ cửa ngõ chánh quán quán Giả mà ngộ Không, quán Không mà đạt Trung, thể nhập Thật Tướng là Tông Thiên Thai. Gom duyên vào Thật, ngay Tục mà sáng tỏ Chân là Tông Hiền Thủ. Thấu tận kiếp số của vạn hữu, làm sáng tỏ đạo huyền Nhất Tánh, có và không khác biệt nhưng đồng quy về Trung Đạo, đó là Tông Từ Ân. Sư là người của Tông Từ Ân. Sư họ Triệu, húy là Anh Biện, từ nhỏ đã xuống tóc làm điệu, đến tuổi trưởng thành thọ giới Cụ túc. Năm hai mươi lăm tuổi Sư đắc pháp với Bá Lâm Đàm Công và làm tòa chủ. Sư thọ sáu mươi tám tuổi, tăng lạp sáu mươi mốt hạ. Tháng sáu năm Canh Tuất niên hiệu Diên Hựu năm đầu, Sư thị tịch tại chùa Cảnh phước. Trong đêm thị tịch bỗng có ánh sáng lạ, đó là điểm biểu trưng kỳ tích vượt ngoài hỏa táng. Cũng vào ngày tháng này, đồ chúng dựng tháp Sư sau chùa Phổ Giác. Tánh tình Sư chân thật, thuần phác, như ngọc đẹp hàm tàng cái chân thật, dù chẳng cần trau chuốt nhưng người ta tự kính mến. Đến hạng vũ phu ngang ngược cũng đều tôn kính Sư. Có thể nói trong thời không có Phật, Sư đủ đức hạnh làm Phật. Hễ có bao nhiêu tiền, Sư đều dùng để dựng chùa, sống thanh đạm giữ đạo, bởi vậy quân tử rất đề cao phong cách của Sư.

Ất Mão: Tháng ba, vua sai Sứ đi phủ dụ, thăm hỏi đời sống muôn dân. Bình định giặc loạn ở Ninh đô. Ngày hai mươi bảy tháng mười một, thấy sao lu mờ, vua đại xá thiên hạ.

Bính Thìn: Vua lạy Công Ca La Cổ La Tư Giám Tạng Ban Tạng Bốc Tôn làm Quốc sư.

**20. Bài ký nói về việc vua ban sắc lệnh dựng Thụy Tượng điện:**

Vua ban sắc lệnh dựng điện thờ Thụy Tượng Chiên đàn. Hàn Lâm Thừa Chỉ Trình Cự Phu soạn bài ký. Trong ấy ghi: Từng nghe, Đạo không có hình, người soạn kinh Dịch tất nặn ra hình dung. Pháp vốn đều không, người độ thế tạm bày ra sắc tướng. Nghĩa là: Như chỉ hư không làm gương, chẳng bằng lấy gương dụ cho hư không; ngay nơi cây chỉ ra gió, để khi biết gió rồi thì quên cây. Bởi vậy nơi Song lâm phó chúc xá-lợi, theo Phạm Thánh mà phân riêng ra. Dấu chân Thiên Bức vân du, suốt cổ kim nhưng thường tại, không phải bày thần thông trong cảnh huyễn, mà thật khai phương tiện trong bến mê. Đó gọi là từ nơi chính mình mà thể nhập vào tâm, tức tâm mà tức Phật. Thụy tượng Chiên-

đàn là chân tượng của Phật. Nó giống như muôn hình in bóng xuống dòng nước không mấy may sai khác, như luồng ánh sáng xuyên qua khe hở, nhất nhất đều viên, lẽ đâu chọn đất an trí? Bởi vậy tùy duyên mà ứng. Nhìn rừng mai mà ngăn cơn khát, tất thấy đều thấm nhuần, thả lá trúc để gởi lòng về, ai cùng chờ nổi. Chỉ có Thánh Thiên tử ta, đạo vượt Tiên Thánh, lòng từ ngang với Giác Hoàng, cầu mong ngày tháng vui hoài, thường nương đất Phật, mong ngóng năm tháng của Như Lai, ngồi nhìn trời người, bèn sai Tập hiền đại học sĩ Lý Thuật cùng với các vị tôn túc của Thiên giáo kê cứu lại ngọn ngành, và nói: Thích-ca Như Lai là Thái tử của Tịnh Phạn Vương. Ngài sinh ngày tám tháng tư năm Giáp Dần, đó là đời Chu Chiêu Vương thứ hai mươi bốn. Sinh được bảy ngày thì Phật mẫu Ma-da phu nhân vãng sinh lên Đạo-lợi. Đến năm thứ bốn mươi hai, Thái tử bỏ ngôi vị xuất gia tu hành. Năm Quý Mùi, Mục vương thứ ba, ngài thành đạo. Năm Tân Mão thứ tám, muốn báo ân mẹ nên ngài lên Đạo-lợi thiên thuyết pháp cho mẹ. Ưu-điền Vương từ lâu không được chiêm ngưỡng Phật, muốn chiêm ngưỡng nhưng không biết làm sao, bèn khắc Chiên-đàn làm tượng. Tôn giả Mục-kiền-liên sợ có điều thất thố, nên Tôn giả vận dụng thần lực đưa ba mươi hai người thợ lên Đạo-lợi để họ nhìn kỹ tướng hảo của Phật. Cứ thế lên xuống ba lần bức tượng mới hoàn thành. Quốc vương thân dân thờ bức tượng y như Phật thật. Đến khi Đức Phật từ Đạo-lợi thiên về lại nhân gian, Vương dẫn quần thần muôn dân đi nghênh đón Phật. Bức tượng bỗng bay lên hư không khấu đầu đảnh lễ trước Phật. Đức Phật xoa đầu thợ kỹ bức tượng rằng: Sau khi ta diệt độ một ngàn năm, ông hãy qua nước Chấn Đán làm lợi ích trời người. Kể từ đó bức tượng này có mặt ở Tây độ một ngàn hai trăm tám mươi lăm năm, ở Quy Tư sáu mươi tám năm, ở Lương Châu mười bốn năm, ở Trường An mười bảy năm, ở Giang Nam một trăm bảy mươi ba năm, ở Hoài nam ba trăm sáu mươi bảy năm, sau lại đến Giang nam hai mươi một năm, ở Biện lương một trăm bảy mươi bảy năm, sau trôi dạt về phía Bắc ở Yên kinh, an trí mười hai năm tại chùa Thánh An ngày nay, rồi trôi dạt lên phương Bắc, an trụ trong chùa Đại Trữ Khánh ở Thượng Kinh hai mươi năm, rồi về Nam, an trí trong nội điện ở Yên Cung năm mươi bốn năm. Tháng ba năm Đinh Sửu đời Đại Nguyên, Yên Cung bị cháy, Thượng Thư Thạch Mạt Công nghênh tượng về lại chùa Thánh An, đến nay đã năm mươi chín năm. Vào năm Ất Hợi niên hiệu Chí Nguyên thứ mười hai Thế Tổ hoàng đế sai Đại thần Bột La... cùng tứ chúng đến chuẩn bị đủ lễ nghi, xe tượng, kỹ nhạc, nghênh tượng về Nhân Trí điện tại Vạn Thọ sơn. Năm Đinh Sửu xây chùa Đại

Thánh Vạn An, đến năm Kỷ Sửu năm thứ hai mươi sáu lại nghinh tượng từ Nhân Trí điện về thờ ở hậu điện của chùa này. Thế Tổ đích thân đến làm Phật sự. Kể từ khi vua Ưu-điền tạc tượng đến khi vua hạ chiếu soạn văn bia tức năm Bính Thìn năm Diên Hựu thứ ba, tổng cộng hai ngàn ba trăm lẻ bảy năm. Ôi! Trong bốn biển lớn, bỗng nhiên gió nghiệp ngừng thổi, trong khoảng khảy móng tay chẳng ngờ Hiền kiếp qua mất, hàm linh ở Gia Hưng từ đây an ổn. Thế rồi Tập hiền đại học sĩ thần là Hạ đem những gì mình thuật dâng lên vua, vua hạ chiếu giao cho thần là Cự Phu viết lời ký. Phu kính cẩn phụng chiếu, viết rằng: Thánh nhân đời xưa dạy dân báo ân cội nguồn, đạo tuy sâu xa nhưng vẫn ở trong lẽ nghi tế tự. Miếu là cội nguồn hay là chủ, tế là con cháu còn gọi là Thần Thi. Đời sau muốn tạo ra tượng nhưng không biết gốc gác từ đâu. Từ đó mà xét, gốc gác của nó từ phong tục bên Tây Vực. Nếu Phật đã là bậc tôn quý của thế gian và xuất thế gian thì đâu đợi phải thuật lời, tán thán. Thế nhưng muốn biết Phật sở dĩ là Phật chắc chắn không nằm trong sắc tướng, hưởng gì việc này tương tự như sắc tướng. Nhưng nếu không từ nơi cái tương tự này mà cầu thì sẽ không biết nương vào đâu và chắc chắn tâm không biết quy hướng nơi nào. Bởi vậy Pháp thân không có tướng, ắt phải mượn tướng để nêu bày cái thật. Chí đạo không có lời, ắt phải nhờ ngôn từ mà hiển bày cái mâu nhiệm. Nếu trong cái thô thiển mà vẫn khư khư chẳng đoái hoài tới thì bước tiến ắt không trông mong gì được. Bệ hạ khảo sát phép tắc của trăm vương, so sánh cái sâu mâu của vạn lời, trên thì thuận hiếu, dưới thì nhân từ, hậu đãi thiên hạ, không ai chẳng nhờ ân, đến như nhân từ làm thiện phụ giúp chánh giáo cũng đều thuận theo lòng người mà làm, chứ không vì cầu phước cho thân tộc trong cung. Phàm đá vàng là vật cứng chắc nhưng chưa hẳn lâu bền, nay một khúc gỗ mà tồn tại lâu dài đến thế, chư Phật bảo hộ cố nhiên rất chu toàn cộng với sức người gìn giữ, đủ biết đâu phải công lao của một người. Ôi! Nó trôi dạt cả hai ngàn năm rồi đến tay bệ hạ, từ đó khai mở đức âm, hoàn thành đại nghiệp, vùn vụt tiến tới, sự cai trị sáng suốt từ đây mới hưng long. Việc ấy dù vượt ngoài điển tịch tế tự, nhưng vẫn phải dùng mấy lời này thuật lại. Nhờ vậy việc giáo hóa dần dần cùng khắp, vậy mà không thịnh ư! Ghi tại ngôi Già Lam ở Lạc Dương, văn từ thật hổ thẹn với Đồng Sử, tụng Vô Lượng Thọ Phật ở Tây phương, cùng cầu bền lâu như vua Nghiêu, Chân Như khó lường, chỉ biết vui sướng trong dòng Thánh. Kính ghi.

**21. Chiếu nói về gia phong hiệu cho Thiên sư Phổ Am:**

Năm này vua gia phong hiệu cho Thiền sư Phổ Am. Chiếu chỉ ghi: Thượng Thiên Quyển Mệnh Hoàng Đế Thánh Chỉ, trẫm nghe nhà Phật lấy rỗng rang vắng lặng làm Tông, vậy phàm là người học noi theo, lẽ đâu muốn đặt ra danh hiệu tôn xưng cách khác cho rằng chỉ bày đời sau trong thiên hạ chẳng? Nhưng đất nước không có việc này thì không biết phải làm gì để nêu cao những vị đức cao thường vui với đạo. Từ khi lên ngôi đến nay, Trẫm nghe Phổ Am Tịch Cẩm Diệu Tế Chân Giác Chiêu Huống Đại Đức Tuệ Khánh Thiền sư ở chùa Thiền Từ Hóa, núi Nam Tuyền, lộ Viên châu là người nối dòng Lâm Tế, vượt trên cảnh giới Hoa Nghiêm, đức soi đương thời, ân vượt muôn phương, đạo ngài thật tôn quý, trẫm bày tỏ lòng mình vô cùng mến mộ, nhiều lần ban cho Đại thụ, chỉ có tên tháp là chùa gia phong, nay gia phong tháp Định quang là tháp Định Quang Linh Thụ. Quan có trách nhiệm phải thi hành ngay.

Đinh Tỵ: Ngày mười tháng giêng đại xá thiên hạ. Xuống chiếu gia phong Đông Lâm Tuệ Viễn Pháp sư hiệu là Diệu Giác Tịch Quang Hoàng Biện Đại sư.

## **22. Giảng sư Đức Khiêm ở Sùng Ân, Kinh đô:**

Giảng chủ Phước Nghiêm Đức Khiêm ở Sùng Ân, kinh đô thị tịch. Sư họ Dương, húy Đức Khiêm, người Định Bình, Ninh châu. Từ nhỏ Sư rất siêng năng, thường theo chư tăng đọc kinh sách Phật. Lớn lên Sư chu du khắp các châu như: Tần, Lạc, Biện và Nhữ châu, tham vấn các bậc tiền đức, học đạo Sa-môn. Sau Sư vượt sông đi lên phía Bắc, đi khắp các nơi như: Tề, Ngụy, Yên và đất Triệu. Đầu tiên Sư theo Phần Châu Ninh Công học Bát-nhã, theo Nguyên Châu Trung Công học Thụy Ứng, sau theo Hảo Trù Tiên Công học U Tán, theo Càn Lăng Nhất Công học Viên Giác. Sau cùng Sư học Duy Thức, Câu-xá Luận... với Thiểm Châu Sách Công, học Thủ-lăng-nghiêm, Tứ Phần Luật Sơ với Dương Hạ Văn Công, cả thấy sáu bộ kinh, bốn bộ Luận, một bộ Luật văn từ đều rộng, ý chỉ sâu xa, nêu bày diệu lý trong Tam tạng, nhưng Sư đều đem hiểu biết Phật pháp ra lý giải nghĩa lý. Những vị nào nổi tiếng dù ở xa bao nhiêu Sư cũng đều đến tham học và gần gũi họ, lên thẳng pháp đường hùng hồn vấn đáp. Bởi vậy dù tuổi chưa đến ba mươi, nhưng Sư đã vang danh đương thời. Sau đó Sư đến kinh Sư học Tông Hoa Nghiêm viên đốn với môn nhân của Cố Đại Tư Đồ Vạn An Đàn Chủ là ngài Giản Công. Giản thấy Sư là người học rộng tài cao, nên rất quý mến. Lúc đầu, Sư phụng chiếu ở tại chùa Vạn Ninh, sau lại phụng chiếu ở tại chùa

Sùng Ân. Chùa Vạn Ninh do Thành Tông xây dựng, chùa Sùng Ân do Vũ Tông xây cất. Sư ở hai chùa lớn này cả thảy mười hai năm. Đức độ của Sư vang khắp triều đình, thanh danh chấn động bốn phương. Trước đây Sư từng lấy việc hiển vinh, được vua sủng ái, cho là đặc chí muốn đổi ra làm quan. Có lần Sư nói với mọi người: “Người mặc áo phước điền, nổi danh trong trần thế, nếu không thấy hổ thẹn “sớm nghe đạo, chiều chết” là được rồi. Còn luyện tiếc những thứ khác làm gì!” Từ đó Sư về ở lại chùa quan, thọ ân hưởng vinh, nhưng Sư nghĩ Phật đạo phải ẩn mình mới thanh cao, vì vậy Sư nhường trụ trì lại cho đệ tử mình, lui về ở ẩn nơi thâm sơn cùng cốc, tuyệt giao với muôn duyên, một mình một thất an vui với đạo. Ngày hai mươi tám tháng giêng năm Diên Hựu thứ tư Sư tịch tại nơi ẩn cư, thọ năm mươi mốt tuổi, tăng lạp bốn mươi ba hạ. Tể tướng tâu lên vua, Hoàng thái hậu ban cho năm ngàn quan tiền để lo chôn cất, hạ lệnh cho quan hữu ty chuẩn bị đủ lễ nghi, triệu tập chư Tăng khắp trong kinh kỳ cầm tràng phan, thổi nhạc nghênh đón nhục thân Sư. Sau khi hỏa thiêu thân đến mấy mươi hạt xá-lợi, đồ chúng dựng tháp Sư phía Nam Nam thành.

### **23. Luật sư Phổ Khánh Pháp Văn ở Kinh thành:**

Luật Sư Thật Tướng Viên Minh Quang Giáo ở chùa Đại Phổ Khánh trong kinh thành thị tịch. Sư họ Nghiêm, húy Pháp Văn, người Thiểm Tây. Xét trong Tánh Thị Lược thì Nghiêm và Trang đều là họ Can là hậu duệ của Sở Trang Vương, lấy tên thụy làm họ, vì tránh tên húy của Hán Minh Đế nên đổi thành họ Nghiêm. Năm bảy tuổi Sư theo học với Thiền Đức Huy Công, mười lăm tuổi thế phát làm Tăng, hai mươi tuổi thọ Đại Giới. Thế rồi Sư vân du đến Biện, Nhữ, Hà, Lạc Châu đi khắp hội giảng nghiên cứu về giáo thừa. Sư theo Đại Đức Ôn Công học Pháp Hoa, Bát-nhã, Duy Thức, Nhân Minh và Tứ Phần Luật. Ôn Công thấy Sư là người thấu tỏ đạo mầu, có thể chấn hưng tông mình nên phó thác việc hoằng pháp cho Sư. Sư từng ở trước tượng Phật đốt tay để biểu thị lòng thành, chích máu viết kinh để chứng tỏ tâm coi trọng chánh pháp. Từ đó Sư ẩn cư trên Ngũ Đài, sáu năm không ra khỏi núi. Tạng giáo cả thảy năm ngàn quyển, Sư đọc đi đọc lại đến ba lần, cứ thế tiến tu đạo nghiệp, tuy Ẩn cư nhưng danh tiếng Sư vang khắp. Đế Sư rất mến phục, mời Sư giảng thuyết Bát-nhã, truyền trao diệu lý của Nhân Minh. Nhân đó Đế Sư quay lại nói với đồ chúng: Ai bảo rằng đất Hán lại có vị Tăng thế này!

Những người trong Tam Phụ (Quan Sư, quan Bảo, quan Thừa)

đều khuyên Sư soạn sách để xiển dương. Sư làm việc cần mẫn nhưng vẫn nhớ đến cố hương, bởi vậy Sư xin về Trường An. Trong nghĩa thầy trò, Sư giữ lễ đệ tử coi thầy mình như vua như cha, mệnh lệnh của cha của, thầy nào dám không vâng theo, huống gì quê hương của cha mẹ, ân nghĩa của xóm làng có thể quên chăng? Thế rồi Sư kháng chỉ đi về Tây. Về đến nơi, dân làng đổ ra hô lớn: “Người trong làng ta từ nay được thầy chỉ dạy rồi!”. Sau đó An Tây Vương hạ chỉ thỉnh Sư trụ trì chùa Nghĩa Thiện ở Thành Nam, đây là nơi thần tăng Đỗ Thuận thời Sơ Đường lưu dấu. Pháp hội diễn giảng ở bốn nơi Phân, Kỳ, Kinh, Vị không dứt, người học đổ về đến hơn ngàn người. Thiên Tử nghe được, liền triệu Sư vào cung hạ chiếu cho Sư trụ trì Đại Nguyên Giáo Tự, phong Sư chức Vinh Lộc Đại Phu Đại Tư Đồ. Sau đó không lâu, vua hạ chiếu cho Sư trụ trì Chùa Đại Phổ Khánh, gia phong chức Khai Phủ Nghi Đồng Tam Ty Đại Tư Đồ Ngân Chương Nhất Phẩm, ban cho Kim Thứ Giới Bản đời Liêu, ai cầu giới pháp đều do Sư truyền trao. Vương Công đại thần đều ngưỡng vọng phong cách cao vời của Sư giống như điềm lành sao sáng, Phượng Hoàng ở đời thịnh trị. Ngày hai mươi bốn tháng ba năm Diên Hựu thứ tư, Sư kiệt già thị tịch. Vua nghe tin, xót thương khôn nguôi, ban cho vạn quan tiền để tống táng, hạ chiếu cho Đại Thần giám sát lễ tang, quan Hữu Tư phải sắm đủ lễ nghi, cờ xí, phan lọng để nghênh đón. Sư thọ năm mươi tám tuổi, tăng lạp bốn mươi ba hạ, môn nhân đệ tử dựng tháp an trí di cốt xá-lợi.

#### **24. Tam tạng Pháp sư Đạt Ích Ba:**

Mậu Ngọ: Tam tạng Hựu Thánh Quốc sư Đạt Ích Ba thị tịch. Phật pháp lưu truyền vào Trung Quốc đã lâu, giáo của ba thừa tràn ngập chín châu, Phật đạo rất thịnh. Trong đời Đường Tống mới nghe đến giáo pháp Bí Mật, kinh điển tuy có nhưng vẫn chưa lưu hành trong đời. khi mới lập quốc, giáo pháp này mới thịnh hành ở trời Tây. Trong năm Thống Nguyên, Thiên Tử thấy Pháp sư Đại Tát Tư Ca là người giỏi đạo của Thánh Nhân, nên tôn ngài làm Đế Sư. Từ đó, giáo pháp Bí Mật soi sáng khắp trời, lan tràn bốn biển, những người tinh thông pháp này đều được trọng vọng trong triều, được tôn kính mến mộ khác xa thế tục. Bởi vậy Phật giáo từ lâu đã có khắp ở Tề, Lỗ. Quốc sư tên là Đạt Ích Ba, xuất gia từ nhỏ, làm Đế Sư suốt mười ba năm, vua ra thì đi theo, vua vào thì hầu hạ, nghe tả hữu bàn bạc, xem đạo đức nơi kẻ trước người sau, huân tập lâu ngày, thành người cao đẹp. Phàm Luật Luận của Đại thừa Tiểu thừa, cùng kinh điển của Bí Mật đến mười mấy bộ, nhưng Sư nghe

rồi khẩu truyền, mắt nhìn rồi khai thị, nắm được điểm kết quy của lý, nơi thú hưởng của hạnh. Đế Sư về Tây, vua tiến tới Lâm Thao, nhưng do gắng công theo hầu lâu ngày, giờ đây không chịu nổi gió sương, nên Sư phải lưu trú ở Lâm Thao suốt mười chín năm. Sư theo Đại sĩ Xước Tư Cát Ngoạn Bốc kiểm chứng những gì đã nghe, lãnh thọ những điều chưa truyền. Sư gắng công dùi mài và từ đó nghĩa càng tinh thâm, đạo càng sáng tỏ. Bởi vậy thanh danh vang dội Lương Kinh, đạo phong chấn động ba triều, thờ hai Thánh quân, cần mẫn hơn mười hai năm, theo xa giá tới lui hai kinh đô, dù nắng sớm mưa chiều, nhưng lúc nào cũng có mặt trong cung khuyết. Đến khi Vũ Tông lên ngôi, vua thỉnh Sư ở Xuân Vi, đối xử thân thiết như ngày nào chưa lên Đế vị, ban cho Sư ngàn vạn ân sủng. Lúc Sư còn ở Lâm thao, người nước Tần thỉnh Sư trụ trì chùa Cổ Phật, đến lúc này Sư xin quy ẩn, vua liền cấp tiền bạc xây dựng lớn lại chùa này cho Sư an hưởng tuổi già. Nhưng không lâu, Thái hậu hạ chiếu thỉnh Sư về Lương Cung, hậu đãi càng hơn trước, ban cho Sư ấn vàng đai ngọc, gia phong hiệu Hoàng Pháp Phổ Tế Tam tạng Đại sư. Ngày mười sáu tháng tám năm Diên Hựu thứ năm, Sư quy tịch tại Kinh sư, thọ bảy mươi ba tuổi. Hoàng thượng nghe tin, khóc thương nhiều ngày. Lương Cung chu cấp tiền bạc lo việc an táng, hoàng thái tử sai sứ đến điếu, vua lệnh cho Hữu ty sắm đủ lễ nghi tiễn Sư đến ngoài Đô Môn, ban thụy là Hựu Thánh Quốc sư, cấp cho ngựa xe đưa nhục thân Sư quy táng tại Thành Kỷ.

Tháng sáu năm này lập lại Hành Tuyên chánh viện, Tham Dụng Thường tuyển chọn quan chức.

Kỷ Mùi: Vua ban lệnh dựng chùa Đại Vĩnh Phước. Ngày một tháng giêng có nhật thực.

### **25. Giảng sư Bảo Tập Diệu Văn ở Kinh sư:**

Giảng chủ Diệu Văn ở chùa Đại Bảo Tập trong kinh sư quy tịch. Sư họ Tôn, húy Diệu Văn, người Úy châu. Năm chín tuổi, Sư xuất gia, 18 tuổi thế phát đi tham học. Sư vượt Vân, Sóc; vân du đến Yên, Triệu. Năm hai mươi mốt tuổi Sư thọ Tỳ-kheo giới, đến Kinh sư theo Đại Đức Minh Công học giáo pháp Viên Đốn, ẩn mình trong chúng suốt nhiều năm. Năm ba mươi hai tuổi, do chúng tăng ân cần cầu thỉnh, Sư đành xuất đầu lộ diện, đáp đại y, đứng vào hàng truyền pháp. Con người của Sư hàm dưỡng đạo phong, không muốn mau thành danh, không vội mong thành đạt, đại loại như thế. Năm bốn mươi tám tuổi, Sư trụ trì Vân Tuyên ở Kế châu. Sư chi dùng cần kiệm, người già đều mến mộ đức độ



của Sư, người trẻ đều nghiêm trì giáo pháp của Sư, bởi vậy đại chúng an hòa, chùa viện thịnh trị. Giả sử kho đụn còn dư lúa thóc, gặp năm mất mùa, Sư đều đem ban phát cho dân nghèo. Dân chúng Kế Châu hết lời ca ngợi Sư. Thế Tổ nghe danh Sư liền cho triệu vào cung, rồi quay nói với Thị Thân: “Đây là vị Tăng phước đức!”, rồi thỉnh Sư trụ trì chùa Bảo Tập. Lúc này Thiền học điêu tàn, giáo thừa rất thịnh, hai tông Tánh Tướng đều cùng Đại thừa truyền bá khắp nơi. Người theo Tướng tông bị kẹt trong danh số, trệ ở nhiều đường, mang tình chấp sâu nặng, lầm điếu chỉ viên đốn. Sư mở rộng Phương Đẳng, xiển dương Viên Tông khiến cho những người chấp chặt văn tự lấy đó tẩy trừ tình trần, dung thông tịch chiếu, vì thế bậc long tượng đều đổ dồn về Sư, tranh nhau nường tựa cỗ xe Nhất Thừa. Tuổi đã tám mươi, nhận thấy sức mình không kham nổi, Sư bèn giao việc chùa cho chúng đệ tử, lui về ở ẩn chuyên tâm niệm Phật Tam-muội. Năm Diên Hựu thứ sáu, Sư quy tịch, thọ tám mươi ba tuổi, ngày sắp mệnh chung, Sư bảo đệ tử đồng thanh niệm Phật, rồi Sư ngồi dậy bắt ấn Tam-muội, ngồi kiết già an nhiên quy tịch. Môn nhân dựng tháp Sư bên ngoài Bình Tắc môn.

Canh Thân: Mồng một tháng giêng có nhật thực.

### **26. Anh Tông:**

Tân Dậu: Ngày mười một tháng ba, Anh Tông Cách Kiên Hoàng Đế lên ngôi, đại xá thiên hạ, đổi niên hiệu Chí Trị, hạ chiếu cho các lộ dựng điện thờ Đế Sư, truy phong Đế Sư thụy là: Hoàng Thiên Chi Hạ, Nhất Nhân Chi Thượng Khai Giáo Tuyên Văn Phụ Trị Đại Thánh Chí Đức Phổ Giác Chân Trí Hựu Quốc Như Ý Đại Bảo Pháp Vương Tây Thiên Phật Tử Đại Nguyên Đế Sư Ban Di Đất Bạt Tư Phát.

### **27. Văn bia nói về chiếu của vua cho các châu huyện dựng điện thờ Đế Sư:**

Năm này, vua ban sắc lệnh soạn văn bia trong điện thờ Đế Sư. Quang Lộc Đại Phu Đại Tư Đồ Đại Vĩnh Phước Tự trụ trì Thích Nguyên Tông Chủ, hiệu Pháp Hồng phụng chiếu soạn, Hàn lâm Học sĩ Triệu Mịch Phủ viết, Tham Nghị Trung Thư Tỉnh Sự Nguyên Minh Thiện ấn triện:

Từ xưa các đế vương thiên hạ đều có thầy. Đạo ấy sở dĩ tồn tại là do không phải thường. Bởi vậy, Triệu tôn Đồ Trưng làm thầy, Tần tôn La-thập làm thầy. Hai bậc quân vương sở dĩ tôn hai vị ấy làm thầy vì trí của họ đủ để mưu toan việc nước, ngôn từ đủ để hưng thịnh quốc

gia, đức đủ làm mẫu mực cho đời, đạo đủ để an định trời đất cổ xúy việc giáo hóa. Vì thế mà hai vua tôn kính thờ họ làm thầy, chứ không phải dùng cái khéo léo mà được. Hoàng Nguyên mở vận, Bắc Thiên phủ trùm Khu Hạ, Thế Tổ hoàng đế, nhờ cái uy của thần vũ mà được kỳ tích thống nhất muôn phương. Còn như xóa bỏ tham tàn chém giết, đưa sinh linh lên bến bờ nhân thọ, thì không ai bằng họ Thích. Bởi vậy vua chúa tôn sùng Phật giáo, lấy Phật giáo làm nền tảng để giáo hóa muôn dân. Đế Sư Bạt Tư Phát là người liễu đạt đạo của Thánh Nhân, khuất phục được bậc Vạn Thừa, tận lễ tôn kính, tuyên dương yếu chỉ đại đạo, ban bố chính sách nhân từ, vì vậy đức vang bốn biển, ân nhuận muôn phương, các nước tận hải đảo xa xôi núi non hiểm trở đều quy phục, Man Di Mọi Rợ đều về nghe lệnh. Man Di cống hiến bạch trĩ, các nơi dâng hiến phẩm vật, đâu phải chỉ do tiền triều đặt ra pháp chế như vậy, mà cái chính là nhờ nền chính trị hưng long, nhân từ bủa khắp, người nắm quyền sáng suốt, kẻ phụ chánh tài giỏi mà được như vậy. Thế nhưng mở mang mệnh trời, điều chỉnh vương pháp, thật ra nhờ sự trợ giúp của Đế Sư. Hoàng thượng lại càng sáng suốt anh minh, ứng mệnh trời cai trị, thấy pháp tịch lâu ngày bỏ không, mỗi đạo sắp tàn, nên cho con nuôi của Đế Sư là Công Ca Lộc Lỗ Tư Giám Tán thế tập ngôi vị Đế Sư duy trì đạo pháp, đem hết ngũ phước đương thời cầu nguyện cho nước nhà.

Tăng Cao Sa Thích Ba ở Hà Tây kiến nghị với triều đình rằng, Khổng Tử có công san định soạn thuật văn giáo, nên được người đời thờ tự cúng tế, nhằm nêu cao đức của Đế Sư là Thánh Sư tiêu biểu, ông chế ra chữ, viết thành sách nhằm mở mang nền chánh sự văn trị, nhờ đó mà Thánh Quân để tâm trong việc thay đổi cách giáo hóa. Công của ông ấy lớn mà lại cao xa, nhưng chưa được phong hiệu, lập miếu thờ. Đó lẽ đâu là cái đạo trọng đức báo công của nước nhà chẳng! Đại thần tâu việc này lên vua, vua hạ chiếu cho các quận trong nước lập miếu thờ ông, bốn mùa cúng tế.

Đế Sư Tát Tư Ca họ Khoản. Ông nội là Đoá Lật Xích, đương thời phò tá vua là Bá Tây Hải. Từ đó hơn mười đời sau, dòng họ Sư đều lấy đức học làm mẫu mực cho đất nước. Năm tám tuổi, Sư đọc thuộc mấy mươi vạn lời kinh Phật, lại hay thấu tỏ được diệu nghĩa, người trong nước tôn Sư là Thánh, bởi vậy Sư có hiệu là Bạt Tư Phát. Lớn lên Sư học thông Ngũ Minh, bởi vậy lại có hiệu là Ban Di Đất. Những người theo Sư cầu học, bè bạn học hỏi nơi Sư có đến mấy mươi người đều nổi tiếng đương thời. Bởi vậy sở học của Sư thâm sâu vô bờ, tác phẩm Sư soạn

thuật, từ ngữ thanh tao nghĩa lý cao vời, chẳng khác kinh Phật. Người trong nước truyền nhau đọc tụng, xem như vật báu. Phàm người thông minh thường giải đãi trong việc học rộng, người cao sang thường hổ thẹn khi phải hỏi kẻ dưới, tài cao chức trọng thì kiêu căng khinh người, đó là lẽ thường của con người. Sư nhờ cái trí sáng bẩm sinh mà làm thầy Thiên tử, có thể nói Sư vừa thông minh lại vừa cao sang. Nhưng lại là người không chán học rộng, học hỏi quên mình, nghe ai có điều hay gì thì không ngại vượt ngàn dặm đến cầu học, dù là kẻ cố chấp hẹp hòi, nhưng nếu họ có điều đáng học thì Sư không bao giờ bỏ qua. Có cái tài tuyệt thế nhưng chẳng cậy tài cao, ở ngôi vị Đế Sư nhưng chẳng xem trọng chức vị, mà ngược lại Sư chăm chăm hành trọng, canh cánh dạy người, chỉ sợ đức của mình không đủ, đạo của mình không rộng, chưa từng cậy cái đa tài, thông minh mà làm thỏa mãn trước thanh sắc. Sư rộng rãi như hang trống, lặng lẽ như vực sâu, cao xa như mây trời, trọng nghĩa như đồi núi, nếu chẳng phải là người có đức cao thì ai làm được như vậy. Đạo của Sư trải khắp, đức của Sư lan xa, giống như mặt trời sáng rõ giữa hư không, không nơi nào chẳng sáng, như hơi ấm chan hòa mọi vật, không vật gì chẳng thấm nhuần, Sư cao tợ trời xanh, không thể nào với tới được. Sư bao la như biển, không thuyền bè nào vượt qua. Chẳng nói những dân tin, chẳng khuyên những người theo, những gì đã qua đi thì đổi thay, những gì còn tồn tại thì rất linh diệu, không phải là bậc Chí Thánh ngang trời thì ai làm được như vậy! Bởi vậy Thiên tử noi theo cái đạo tôn công chuộng đức của trời đất, viết điển tịch của Đế vương, tôn trọng lễ nghi tế tự báo ân. Đế chạm hình rùa, cột khắc hình ly, chạm bài tụng này càng thêm chứng tỏ tôn quý vô cùng. Hồng tôi đem tài hèn phụng thừa Thánh chiếu làm bài minh rằng:

*Phật đạo rộng sâu, như biển không bờ  
Vút tận trời cao, dưỡng nuôi vạn vật  
Đấng chí Thánh kia, quên cả thân mình  
Toan lo muôn việc, giúp vua giúp nước  
Hoàng Tổ lấy lòng, từ thuở sơ khai  
Định yên bờ Nam, công vượt trời đất  
Trời ban đại trí, ngang bằng Hậu ta  
Thuần phong tục kia, khiến đầy nhân nghĩa  
Suối mát tuôn tràn, sóng vượt phương xa  
Thuyền thông đường bằng, vạn bang quy phục  
Muôn chim vỗ cánh, đua nhau tụ hội  
Phép cấm kẻ ngu, khiến cho ngay thẳng*

*Vũ phu ngang ngược, dân quê ngậy ngô  
 Dừng đức dạy họ, chỉnh đốn thuần phong  
 Mặt trăng thường hiện, mặt trời thường lên  
 Duy đạo của Sư, chẳng ai không học  
 Thanh liêm đạm bạc, người đời cúng tế  
 Dung mạo kỳ vĩ, người đời ngưỡng vọng  
 Cao tựa núi non, sâu như sông biển  
 Khắc bài minh này, muôn đời chẳng quên.*

### **28. Giảng sư Phổ Minh Liễu Tánh ở Ngũ Đài:**

Giảng chủ Hoằng Giáo Đại sư Liễu Tánh chùa Đại Phổ Ninh ở Ngũ Đài sơn quy tịch. Sư họ Võ, húy Liễu Tánh, hiệu Đại Lâm. Ngày xưa, sinh sống nơi nào thì vua ban họ nơi ấy, tổ tiên Sư được vua ban đất và ban cho họ Mạng. Tiên tổ của Sư không ai biết rành về dòng tộc, nhưng xét ngọn nguồn của họ Mạng này vốn là họ Võ, hậu duệ dòng họ này sinh sống ở đất Tống, là hậu duệ của Tống Võ Công, rồi lấy tên Thụy làm họ. Thuở nhỏ Sư rất ham học, bản tánh thông tuệ do trời ban cho. Sư theo Kỳ Đức An Công xuất gia làm tăng. Sau khi thọ Cụ túc, Sư đi khắp hội giảng, tìm tòi kinh luận, nghiên cứu lý mầu. Ban đầu nhờ Quốc sư Chân Giác khai ngộ sơ tâm, sau đó Sư đi chu du đến các châu như Quan, Thiểm, Hà, Lạc; rồi qua Biện, Nhữ, Đường, Đặng rồi đến Tương Hán tìm cái sâu xa, đọc lý thù thắng để mở rộng thú hưởng của mình. Sư đến đâu đều học hỏi đến đấy. Những vị thầy mà Sư thưa hỏi yếu lý của đạo mầu như: Bá Lâm Đàm Công, Quan Phủ Hoài Công, Nam Dương Tư Công đều là người nổi tiếng về nghĩa học. Lúc Sư quay về lại đến yết kiến Đại sư Chân Giác ở Lũng Chỉ, nhìn thấy tường cao nhà rộng, Sư nói: Diệu lý của Phật pháp lẽ đâu ở đây chăng? Sau đó Sư theo Chân Giác đến Ngũ Đài. Chân Giác tịch, Sư vân du đến Yên, Kế, ẩn tích nơi cung khuyết nhà Ngụy, an nhàn như sống trên sông nước, hầu như quên mọi thế duyên, nhưng đức độ cao cả của Sư không sao giấu kín được. Thanh danh vang khắp từng lâm, tiếng tăm đã lọt đến Cửu trùng (trong triều). Gặp lúc chùa Vạn Ninh vừa xây xong, vua thỉnh Sư đến ở đó. Trong năm Chí Đại, Thái hậu dựng chùa ở Đài sơn, đó là chùa Phổ Ninh, đây là ngôi chùa nổi tiếng trong thiên hạ, nếu chọn trụ trì mà không phải là người được trọng vọng trong nước, thì không thể gánh vác nổi, bởi vậy nên Thái hậu thỉnh Sư trụ trì. Ở trụ trì hơn mười năm thì tịch.

Bản tính Sư cương trực, có chút tự phụ, không bao giờ uốn mình

theo thế sự để vừa lòng người. Tuy ở chùa quan, nhưng Sư không hề bước chân đến những nhà quyền quý. Có người cho Sư thiếu hòa khí, Sư đáp: “Tôi chỉ là ông Tỳ-kheo cón con như hạt cải, Thiên tử không cho tôi nhỏ mà cho tôi ở chùa to, tôi một lòng cần mẫn chưa hề giải đãi, là mong báo ân cho đất nước mà thôi, thì còn cầu gì nữa! Tôi làm vậy tất có những lời dị nghị chia rẽ, ấy rõ ràng cũng như đám ruồi xanh vây lấy mùi hôi, bởi vậy lời tôi nói chẳng ai theo, đạo tôi chẳng ai làm, xô giầy ra đi, thì đi đến đâu mà chẳng hợp đạo!”

Lúc này đất nước tôn trọng tăng Tây Vực, nên đồ chúng họ rất thịnh, ra vào cửa quan, nối gót Vương Công, đội mũ cao có đỉnh lông đỏ, phơi phới mà sống, các bậc tiếng khác ai nấy đều rất lễ kính họ. Có người đánh khánh dẫn đường, có người vén y sờ chân, đưng đầu vào nhau gọi đó là nhiếp thọ. Sư gặp chỉ vái dài mà thôi. Có người cho Sư xác láo, Sư đáp: “Tôi mà xác láo người khác ư? Tôi nghe quân tử mến người bằng lễ, lễ đâu lại uốn cong khí tiết của mình đi chọn địa vị để mang nhục sao! Hơn nữa ta ở trong Đạo, họ còn cầu gì nữa! Họ vì có thế lực rồi tự cho mình to lớn, tỏ ra xác xược, nếu ta luồn cúi họ thì không a dua cũng là xiểm nịnh, lễ đâu có những người quân tử lại đi làm cái việc a dua xu nịnh ấy chẳng!”

Thiện tri thức đều tán dương khí phách của Sư, họ cho giống như Phật Ấn Nguyên Công gặp Vương Tử nước Cao Ly. Có thể nói Sư là người biết thời cuộc lại giữ đúng lễ. Ngày ba tháng chín năm Chí Trị năm đầu, Sư quy tịch ở chùa Phổ Ninh. Sau khi hỏa táng, thâu vô số xá-lợi, để tử dựng tháp Sư ở đồi cao trong Trúc Lâm.

### **29. Giảng sư Phổ An Bảo Nghiêm ở Ngọc sơn:**

Nhâm Tuất: Cố Vinh Lộc Đại Phu Tư Đồ trụ trì chùa Phổ An, núi Đại Ngọc, hiệu Huyền Đường Bảo Nghiêm Giảng Chủ thị tịch. Sư họ Khương, húy Bảo Nghiêm, tự Sĩ Uy, hiệu Huyền Đường, người ở Thành Kỷ. Cha Sư thấy cảnh loạn lạc chết chóc nên bỏ tục xuất gia. Nhà có sáu anh em, Sư là con út. Thuở nhỏ Sư đã có chí vân du, không thích cảnh sống thế tục. Sư cùng người anh tên Kim thế phát xuất gia, cầu pháp xuất thế. Hễ nghe những bậc danh đức diễn giảng ở đâu, Sư đều đến nghe và hỏi đạo. Có lần Sư nói: Học mà không suy nghĩ, suy nghĩ mà không học là điều mà người quân tử ưu tư. Thông được chủ thuyết mà không thông được Tông là học mà không suy nghĩ, lẽ nào được gọi là người liễu đạt? Huống gì cái học chữ nghĩa là chấp chặt hình tướng, lầm lẫn đa đoan, thì làm sao đến được biển đồng quy, tới được lý u

huyền của viên đốn! Nghe họ giảng nói mình phải biện luận, xem cái gì họ chưa đạt được, nhắm vào đó mà học hỏi để mở mang thú hưởng làm lợi ích cho cái suy nghĩ của mình. Sở dĩ họ thấu tỏ được là nhờ nắm bắt rồi, lại đầu đầu tư duy, bởi vậy những điều họ giảng nói có Tông sâu xa, có lý sáng tỏ.

Về sau Sư kế thừa Quốc sư Chân Giác truyền bá giáo pháp Tông Hiền Thủ. Sở học của Sư cao vời, kiến giải lại sáng tỏ, tâm tánh lại vắng lặng như nước đóng băng, sáng như gương sáng, người vật đều in hình, hiện rõ mồn một. Có được thiên tư cao vời, đức độ sáng trong phần lớn cũng nhờ thầy bạn chỉ dẫn, tôi luyện mà được. Khi Chân Giác phụng chiếu trụ trì chùa Đại Bạch Mã, thì Sư cùng với Kim theo thầy đến sông Lạc và ở tại chùa Đại Vạn Thánh Hựu Quốc. Sau đó Sư theo thầy đến Đài sơn, Chân Giác thị tịch, Sư nhận chiếu kế thế thầy mình. Sau cùng, Thái hậu hạ chiếu thỉnh Sư trụ trì chùa Đại phổ Am, hạ chiếu cho Kim kế thế chức vị của Sư trụ trì chùa Hựu Thánh. Tháng bảy năm Chí Trị thứ hai, Sư quy tịch, thọ năm mươi một tuổi. Vua hạ chiếu cho Kim trụ trì chùa Phổ An, Kim an táng Sư ở Đông Phong cốc, dựng tháp thờ và tế tự.

### ***30. Quốc sư Thiên Mục Trung Phong Minh Bản:***

Quý Hợi: Ngày mười bốn tháng tám năm Chí Trị thứ ba, Quốc sư Trung Phong ở núi Thiên Mục thị tịch. Vua sắc phong Sư thụy là Phổ Ứng Quốc sư, tháp hiệu Pháp Vân. Khuê Chương Học Sĩ Ngụ Tập phụng chiếu soạn bài minh. Trong ấy ghi: Núi Thiên mục có hang Sư tử là nơi Thiên sư Cao Phong Diệu ở, ngài lập ra Tử quan (cửa chết) để biện quyết việc lớn đời mình. Những người tham học thấy ngài quá quyết liệt nên thoái lui cũng rất nhiều, chỉ còn được một người tên Bản đó là Hòa thượng Trung Phong.

Lúc Sư chào đời có điềm lạ, lúc nhỏ nô đùa nhưng đều làm Phật sự. Lớn lên Sư đọc kinh giáo, đốt ngón tay cúng dường tỏ rõ tâm cầu Phật tha thiết. Ngày đêm Sư tinh tấn, mệt mỏi thì đập đầu vào cột để cảnh tỉnh, quyết làm được mới thôi. Đến khi vào Tử quan ngẫm tìm tâm yếu, tụng kinh Kim Cang đến đoạn “Gánh vác A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề của Như Lai” thì Sư hoá nhiên khai ngộ. Sư tự thấy sở chứng chưa rốt ráo, nên tinh tấn cần khổ tham học không mỗi một. Mãi đến khi nhìn dòng suối chảy thì Sư mới đại ngộ, nhưng Sư vẫn giấu kín. Từ đó Sư thuyết pháp vô ngại. Cao Phong giao phó việc hoằng hóa cho Sư, ngài viết kệ phó chúc cho Sư rằng:

*Tướng ta chẳng nghĩ bàn  
Phật tổ đâu thể thấy  
Chỉ cho kẻ bất tiểu  
Thấy được nửa bên mũi.*

Việc truyền thọ xác thật đến như vậy. Sư viết rất nhiều sách, đều được lưu hành ở đời. Nhân Tông Hoàng đế nghe danh Sư cho người đến thỉnh, nhưng Sư không đi. Vua may ca-sa viền vàng ban tặng Sư, ban thụy là Phật Từ Viên Chiếu Quảng Tuệ Thiền sư, ban viện Sư tử hiệu là Chánh Tông Thiền Tự.

Sư họ Tôn, húy Minh Bản, người Tiền Đường, sinh năm Quý Hợi niên hiệu Cảnh Định đời Tống, thọ sáu mươi một tuổi, tăng lạp ba mươi lăm hạ, đồ chúng an táng Sư tại ngọn phía Đông trên đỉnh núi này.

Tháng tư năm này, Doanh Quốc Công Hợp Tôn mất ở Hà Tây. Vua hạ chiếu cho Tăng Nho viết Tạng Kinh mạ vàng. Ngày bốn tháng tám, Hoàng thượng mất.

Giáp Tý: Đổi niên hiệu Thái Định.

Đinh Mão: Đế Sư Công Ca La thị tịch vào tháng mười.

Mậu Thìn: Ngày mười bốn tháng chín, vua lên ngôi, đổi niên hiệu Trí Hòa thành Thiên Lịch năm đầu. Vua lạy Công Ca La Diệc Trung Nội Tư Giám Tang Ban Tang Bốc Văn Quốc Công làm thầy. Năm này bãi bỏ Tuyên Chánh Viện, lập ra mười sáu quảng giáo Tổng Quản Phủ để quản lý chúng Tăng.

Kỷ Ty: Vua ban sắc lệnh dựng Chùa Sùng Hy Vạn Thọ Tự ở Tường sơn.

Canh Ngọ: Đổi niên hiệu Chí Thuận năm đầu. Vua hạ chiếu đổi Kiến Khang thành Tập Khánh Lộ, hạ sắc lệnh dựng Chùa Long tường tập khánh tự.

Nhâm Thân: Tháng chín, Diệc Liên Chân Ban Hoàng đế lên ngôi.

### ***31. Tỳ-kheo-ni Xá-lam-lam ở chùa Diệu Thiện, Đại đô:***

Trong năm này Tỳ-kheo-ni Xá-lam-lam Bát Cấp Thạch, trụ trì chùa Diệu Thiện ở Đại đô quy tịch. Sư húy là Xá-lam-lam, người Cao Xương. Đất này là thuộc địa của Bắc đình, rất thích Phật pháp vì vậy có rất nhiều người xuất gia. Thái Tổ Hoàng đế thân chinh lên mạn Bắc, Quốc Vương xứ này dẫn các bộ lạc quy hàng. Vua mến nghĩa của ông ta bèn phong ông làm Quốc quân của các nước ấy, đối xử như con rể. Hải Đô có loạn, người trong nước phải chạy lên phía Nam, lúc ấy Sư

mới tám tuổi theo cha mẹ đến kinh sư, vào hầu hạ trong cung của Chân Ý Thuận Thánh hoàng hậu. Hoàng hậu thấy Sư thông minh nên rất yêu mến. Đời Thành Tông, Sư hầu Hoàng thái hậu ở Tây kinh. Do lâu ngày siêng năng hầu hạ, nên vua ban đặc ân cho Sư lạ Đế Sư Ca La Tư Ba Cán Tức Nhi làm thầy, thế phát cho làm ni. Mọi thứ vật dụng đều do quan chu cấp. Do cần mẫn hầu hạ trong cung nên Sư tuy xuất gia nhưng vẫn được cấp hưởng bổng lộc. Vũ Tông lên ngôi, Nhân Tông dùng Thái đệ coi việc nước, Sư vẫn sớm tối bên cạnh Thái hậu, Sư nói ra điều gì Thái hậu chấp nhận, Sư can gián điều gì, Thái hậu cũng nghe, bởi vậy Thái hậu quý mến Sư như con cháu mình. Trong từ Phi Chủ, ngoài đến Vương Công đều tôn kính Sư như thầy mình, họ tôn xưng Sư là Bát Cấp Thạch. Người phương Bắc gọi Bát Cấp Thạch cũng giống như người Hán tôn xưng là thầy. Đời Nhân Tông, Sư thấy mình tuổi gần xế bóng, nghĩ mình ra vào trong cung hầu hạ hơn mấy mươi năm, trải qua bốn triều, hầu hạ ba Thái hậu, ân sủng vinh hoa, thế đã thỏa nguyện rồi, Sư nhiều lần xin ra ngoài cung ẩn cư tu tập, cầu chí đạo để báo đáp hoàng ân, nhưng Thái hậu không đồng ý. Sư vẫn cố sức cầu xin. Cuối cùng Thái hậu cho Sư ở chùa Diệu Thiện để tiện việc vào cung mỗi khi bà muốn gặp. Thái hậu ban cho Sư không biết bao nhiêu phẩm vật. Sư dùng số của cải này dựng chùa ở kinh sư, lấy tên là Diệu Thiện. Sau, Sư dựng tiếp chùa ở Đài Sơn lấy tên là Phổ Minh, mỗi chùa đều an trí một bộ Tạng Kinh. Sư còn làm rất nhiều Phật sự khác như dùng vàng ròng viết tám ngàn bài tụng trong kinh Bát-nhã, hơn mười bộ Ngũ Hộ Đà-la-ni bằng chữ Phiên; Hoa Nghiêm, Lăng-nghiêm bằng chữ Hán; Pháp Hoa Kim Quang Minh v.v.. bằng chữ Úy Nguyên. Sư còn trùng tu chùa Long Tuyền ở Tây sơn, dựng lầu các trong ao sen, trong năm ngôi đại tự ở Thổ Phiên như Cao Xương Quốc Chiên-đàn Phật Tự, Kinh Sư Vạn An Tự... Sư đều cung cấp tiền của để lo việc hương khói. Sư lại may đến mấy trăm y ca-sa cúng dường cho chư tăng các nước Phiên, Hán. Việc sao chép y kinh tạng đã phải chi phí đến mấy vạn lượng vàng, việc dựng chùa bố thí cúng dường đã lên đến mấy vạn quan tiền. Có bao nhiêu tiền của Sư đều phân tán bố thí mà không tham tiếc. Việc tích phước cho đời sau ắt đến được Phật địa, là điều con người ít ai lường được. Anh Tông lên ngôi, thấy Sư là người có chí khí thanh cao lui về ẩn tu, nên vua thường đến thăm. Mỗi lần đến đều khen Sư là người hiền, kết làm tri kỷ. Văn Tông lên ngôi, Hoàng thái hậu đang ở trong cung hiện nay là Hoàng Tỷ Lỗ Quốc Thái Trường công chúa, yêu mến kính trọng Sư như huynh đệ, rất tôn kính Sư. Ngày hai mươi mốt tháng hai năm



Chí Thuận thứ ba, Sư quy tịch, thọ sáu mươi bốn tuổi, an táng phía Nam Nam thành. Vua ban Sư hiệu là Chân Tịnh Diệu Tuệ Đại Sư.

### **32. Luật sư Đại Đức Văn ở Lâm Đan:**

Sư họ Trương, húy Tuệ Văn, người Yến Vũ, Quy Đức. Thuở nhỏ, Sư theo bậc Kỳ túc Cang Công xuất gia. Năm hai mươi tuổi, Sư thọ Cụ túc, theo đại đức Ôn Công thọ Bồ-tát giới, nối pháp với Đan chủ Ân Công. Từ đó hạnh nghiệp và đạo đức của Sư vang khắp, người học tìm về mỗi ngày một đông. Phật dạy, phàm làm Tỳ-kheo dù tiết tháo cao xa không thiếu, nhưng tế hạnh cũng phải cẩn mật, không đúng pháp thì không mặc, không đúng thời thì không ăn, đi đứng nằm ngồi đều phải có phép tắc, bởi vậy nên lấy giới ngăn ngừa cái sa đọa, phòng ngừa tâm phóng dật. Sư trai giới đã nghiêm mà giữ giới cũng rất cẩn mật. Hễ gà gáy là dậy tỉnh tọa chờ đến trời sáng. Tinh tấn chuyên ròng, trọn ngày nghĩ đến Phật, dù đi lỡ đường, tá túc ở nhà trọ nhưng chưa bao giờ lia ba y một bát. Giới hạnh rất cao nhưng Sư không bao giờ tỏ ra kiêu ngạo; tiết tháo vưỡn xa nhưng không bao giờ tỏ ra cầu cạnh. Bởi vậy Sư nói điều gì mọi người đều tin, Sư làm việc gì ai ai cũng kính. Trong vùng Lương hà, cựu ấp ở Tam quán, những người được Sư giáo hóa đến hơn vạn, tăng tục dẫn nhau đến cầu giới pháp nối nhau không dứt. Chỉ nghe một lời chỉ dạy, ai nấy đều hân hoan. Sư thuyết pháp hơn mấy mươi năm, đăng đàn truyền giới hơn bốn mươi hội, đại thần tiếp đãi Sư vô cùng tôn kính. Ngày hai mươi tháng mười một năm Chí Thuận thứ ba, Sư quy tịch, thọ bảy mươi ba tuổi.

Quý Dậu: Ngày tám tháng sáu đương kim Hoàng thượng lên ngôi, đổi niên hiệu Nguyên Thống năm đầu, lạy thỉnh Công Ca Nhi Giám Tang Ban Tang Bốc làm Đế Sư.

+ Thụy tượng chiêm-đàn tính từ năm Canh Dần đời Chu Mục Vương đến Nguyên Thống năm đầu là hai ngàn ba trăm hai mươi bốn năm.

+ Thế Tôn diệt độ tính từ năm Nhâm Thân đời Chu Mục Vương đến Nguyên Thống năm đầu là hai ngàn hai trăm tám mươi hai năm.

+ Phật giáo truyền sang Trung Quốc tính từ năm Mậu Thìn đời Đông Hán Minh Đế đến Nguyên Thống năm đầu là một ngàn hai trăm sáu mươi sáu năm.